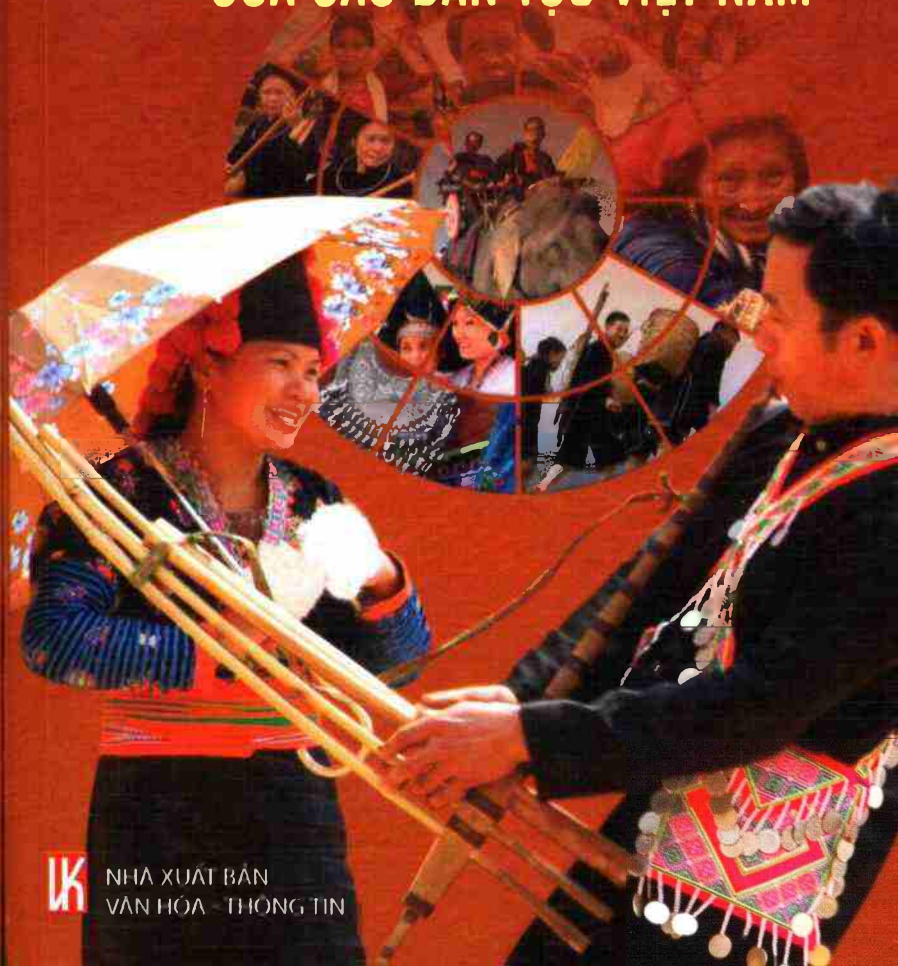
ĐẶNG TRƯỜNG - HOÀI THU

# TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG

## CỦA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA - THÔNG TIN

# TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG

## CỦA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**
Đăng Trường
Trang phục truyền thống của các dân tộc Việt Nam / B.s.: Đăng Trường, Hoài Thu. - H. : Văn hoá Thông tin, 2013. - 312tr. : ảnh ; 21cm
1. Trang phục truyền thống 2. Dân tộc 3. Việt Nam
391.009597 - dc14
VTK0024p-CIP
*✓Những thư viện mua sách của Nhà sách Thăng Long được biên mục chuẩn Marc 21 miễn phí.*
*✓Dữ liệu được Nhà sách Thăng Long chép vào đĩa mềm, hoặc gửi email đến thư viện, hoặc download từ trang web:thanglong.com.vn*

ĐĂNG TRƯỜNG - HOÀI THU

# TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG

## CỦA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

# LỜI NÓI ĐẦU

*Việt Nam nằm trong vùng Đông Nam Á, khí hậu nhiệt đới nóng ẩm - gió mùa, lại chạy dài suốt từ Bắc tới Nam, địa hình đa dạng gồm núi, biển, đồng bằng, vì thế ảnh hưởng của địa lý, của khí hậu khiến trang phục của các nhóm tộc người ở Việt Nam rất đa dạng, phong phú.*

*Qua trang phục truyền thống của các nhóm dân tộc ở Việt Nam, có thể thấy được những biểu hiện quan trọng của văn hóa gắn với điều kiện tự nhiên, xã hội, lịch sử, môi trường, phong tục, tập quán, trình độ nghệ thuật và thị hiếu thẩm mỹ. Vì thế, tìm hiểu trang phục truyền thống của các dân tộc là một vấn đề rất cần thiết, giúp ích cho việc nghiên cứu văn hóa, đồng thời giúp cho sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cộng đồng trên đất Việt Nam.*

*Trang phục truyền thống của mỗi dân tộc (tộc người) ở Việt Nam đều có những nét đặc trưng riêng do hoàn cảnh, điều kiện sống lâu đời quy định. Tuy nhiên, những trang phục của các nhóm tộc người này lại có nhiều điểm chung, thể hiện ở chỗ, trang phục truyền thống của họ mang tính thực tiễn cao, chú ý tới giá trị sử dụng sao cho thích hợp với*

*môi trường, với điều kiện tự nhiên, gắn với kỹ thuật thủ công truyền thống, sự cần cù, óc sáng tạo, sự khéo léo và trong quá trình phát triển, chúng không tồn tại biệt lập mà tiếp xúc, đan xen với nhau, tiếp thu những nét tinh túy nhưng vẫn bảo lưu truyền thống. Ngoài ra, trang phục truyền thống của các nhóm dân tộc luôn nổi bật ở sắc màu sặc sỡ, kết hợp nhiều gam màu mạnh, nóng, tạo nên sự thú vị và bất ngờ của văn hóa Việt Nam.*

*Trong cuốn sách này, chúng tôi chỉ tuyển chọn giới thiệu trang phục của 46 tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, bởi chúng mang những yếu tố đặc trưng và bản sắc riêng độc đáo nên không bị lẫn với trang phục của các tộc người khác. Hy vọng cuốn sách sẽ giúp độc giả, trong một mức độ nào đó, hiểu thêm về sự đa dạng của văn hóa truyền thống Việt Nam.*

**NHÓM BIÊN SOẠN**

# NHÓM MÔN - KHƠME

## 1. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI BA NA

### ✿ Vài nét về trang phục

Trang phục Ba Na là trang phục độc đáo về họa tiết, ấn tượng về màu sắc và tạo sự ngạc nhiên qua ý nghĩa của từng đường nét.

Từ thuở xưa, người Ba Na đã biết trồng bông và dệt những tấm vải với hoa văn thổ cẩm bền đẹp. Bông sau khi thu hoạch được đem về phơi nắng khoảng 3 ngày rồi đem vào quay cho sợi bông tơi ra, khi ấy sợi bông sẽ mềm hơn. Đặc biệt, những người phụ nữ Ba Na lấy sáp ong để bôi trơn và tạo độ bền chắc cho sợ vải, khiến những bộ trang phục sau khi dệt có màu sắc và mùi hương rất đặc trưng.

Họa tiết trên vải của người Ba Na khác biệt và độc đáo so với các dân tộc khác, nhưng mẫu hoa văn được sử dụng lại rất đơn giản, hầu hết là những hình khối đối xứng, mang tính biểu tượng cao. Các họa tiết đối xứng này phản ánh quan niệm về vũ trụ, trời - đất, âm - dương và thiên nhiên. Hoa văn thổ cẩm trên vải của người Ba Na còn phản ánh nét văn hóa truyền thống và đời sống sinh hoạt hàng

ngày. Mỗi tấm vải là một bức tranh thiên nhiên thu nhỏ từ những nét cách điệu hình học đến cách chọn và phối màu. Các họa tiết chủ yếu chạy dọc theo tấm vải. Điểm nhấn cho bộ trang phục chính là các đường kẻ sọc. Những đường sọc ngang đỏ, trắng ở gấu áo của nam giới thể hiện sự mạnh mẽ của người đàn ông. Những sọc ở khuỷu tay, cổ, ngang ngực, gấu áo, sọc trên váy và gấu váy thể hiện sự nhẹ nhàng, duyên dáng của người phụ nữ.

Kỹ thuật nhuộm được người Ba Na rất chú trọng. Màu nhuộm được chiết ra từ các loại cây rừng. Mỗi màu sắc đều có một ý nghĩa, một tiếng nói riêng.

Màu đen được nhuộm bằng lá cây chàm, cây mô, thường dùng làm màu nền của tấm vải, biểu hiện cho đất đai, cho sự nảy mầm của cây cối, độ che phủ của rừng mà suốt cả cuộc đời con người phải gắn chặt với nó, kể cả khi họ trút hơi thở cuối cùng. Với sắc đen là màu chủ đạo, trang phục của người Ba Na gây ấn tượng mạnh mẽ về phong cách.

Màu đỏ nhuộm bằng nhựa cây kxang, kơ bai, biểu hiện cho màu của lửa, của máu, tượng trưng cho sức sống, sự khát vọng và niềm đam mê.

Màu vàng biểu hiện cho ánh sáng mặt trời, sự kết hợp hài hòa giữa con người và tự nhiên, được nhuộm bằng củ nghệ hay màu của cây kmếch.

Màu xanh biểu hiện cho màu da trời, màu của cây lá được nhuộm bằng nhựa cây truông nhây, cây kpai...

Khung dệt của người Ba Na là loại thủ công đơn giản. Tuy vậy, nhưng qua sự khéo léo của các cô gái miền sơn

cước, tấm vải được dệt xong trông thật đẹp mắt vì các hoa văn rõ nét nổi bật trên nền vải với những sợi dọc sợi ngang đan vào nhau thật sắc sảo. Trong quá trình dệt, bắt hoa văn là khó nhất, phải làm rất tỉ mỉ và khéo léo. Hoa văn trên một bộ váy áo làm nhanh nhất cũng phải mất một tuần. Vào ngày lễ hội truyền thống của làng, cô gái nào có bộ váy áo đẹp sặc sỡ sẽ được đánh giá là người chăm chỉ, giỏi giang.

Đặc biệt, với người Ba Na, phụ kiện là một phần không thể thiếu, nhằm tô điểm cho các bộ trang phục và có vai trò trừ tà ma. Các phụ kiện gồm hoa tai, lược cài tóc, nhẫn đeo ở hai, ba ngón tay... Tục lệ đeo nhẫn bắt nguồn từ quan niệm: mỗi ngón tay đều mang một sức mạnh. Ví như ngón cái tượng trưng cho cha, ngón giữa tượng trưng cho sức mạnh, quyền lực, ngón đeo nhẫn tượng trưng cho sức mạnh của tình yêu. Đặc biệt, đeo nhiều nhẫn ở các ngón tay chính là thể hiện sức mạnh tối cao.

Trải qua thời gian, nghệ thuật trang trí của người Ba Na vẫn được giữ gìn và phát huy, góp phần tạo nên một bản sắc văn hóa đặc thù. Ngày nay, đến với buôn làng của người Ba Na, có thể thấy nghệ thuật trang trí thể hiện rất rõ nét qua trang phục, đồ đan. Đáng chú ý là các sản phẩm thổ cẩm đã trở thành hàng hóa thời mở cửa và được nhiều người ưa thích.

### ❁ Trang phục phụ nữ Ba Na

Phụ nữ thường mặc áo bố cục dải băng theo chiều ngang thân người, giữa thân áo trang trí một đường viền màu đỏ, dưới gấu váy là đường kẻ màu trắng. Diện tích hoa văn đôi khi có thể chiếm đến hơn một nửa diện tích áo, hai



*Thiếu nữ Ba Na trong trang phục ngày thường*

ống tay đều trang trí hoa văn. Người Ba Na dùng ba màu chủ đạo là đỏ, trắng và đen cho hầu hết các trang phục. Áo của phụ nữ chủ yếu là loại chui đầu, ngắn thân, cộc tay hoặc dài tay. Váy là loại váy hở, ngắn ngang bắp chân.

Phụ nữ Ba Na thường ngày ưa để tóc ngang vai, còn khi búi họ cài lược hoặc cắm lông chim. Một số nơi phụ nữ dùng trâm cài đầu bằng đồng hoặc thiếc. Tuy nhiên, cách để tóc này không phổ biến ở tất cả các nhóm Ba Na. Có nhóm không búi, không chít khăn mà chỉ quấn bằng dây vải hay vòng cườm, chẳng hạn như nhóm ở An Khê (Sông Bé), Mang Giang hoặc một số nơi khác thường chít khăn trùm kín đầu hoặc khăn chàm quấn gọn trên đầu.

Xưa kia, trong sinh hoạt hàng ngày, phụ nữ đội nón hình vuông hoặc tròn trên có xoa sáp ong để khỏi ngấm nước mưa, đôi khi còn có áo tơi vừa mặc vừa che đầu. Họ thường đeo chuỗi hạt cườm ở cổ, vòng tay bằng đồng xoắn ốc dài đến tận khuỷu (theo kiểu hình nón cụt). Nhẫn được dùng phổ biến và thường được đeo ở hai, ba ngón tay. Tục "xả tai" vừa mang ý nghĩa trang sức vừa mang ý nghĩa tín ngưỡng. Hoa tai có thể là kim loại, có thể là tre, gỗ. Tục cà răng mang quan niệm triết lý của cộng đồng hơn là trang sức. Đặc biệt, các thiếu nữ Ba Na còn có khăn đội đầu để làm duyên. Chiếc khăn có những hàng cúc trắng, chuỗi cườm, cúc bạc lung linh thể hiện tình yêu thủy chung và niềm ước mơ hạnh phúc.

Phụ nữ Ba Na ngoài những bộ áo, váy mặc hàng ngày còn có bộ trang phục sặc sỡ hơn, chuyên dùng trong những dịp cưới hỏi, lễ hội. Đặc biệt, trong những dịp này, ngoài mặc váy, áo mới, họ còn buộc dây cuốn đầu, thiếu nữ chưa

chồng thường khoác tấm choàng *(khan vay)* được làm bằng vải sợi bông màu đen, dài 1,96m - rộng 1,19m, trên đó dệt hoa văn bằng sợi màu đỏ, xanh, vàng hình mắt võng.

Dây cuốn đầu được dệt bằng sợi bông có trang trí hoa văn, dài 75cm - 80cm, rộng 4cm, hai đầu có những tua chỉ. Hai đầu của dải dây này dệt bằng sợi màu đen, khoảng giữa dệt sợi màu đỏ, vàng và tím tạo hoa văn hình quả trám trong có dấu nhân. Chính giữa, người ta dệt trang trí một đường chỉ màu xanh nhỏ chạy suốt chiều dài của dây. Dải dây này chỉ dùng trong những dịp cưới hỏi, lễ hội, ngày thường ít khi sử dụng.

Đồ trang sức của phụ nữ Ba Na thường là chuỗi cườm xanh, đỏ, tím đeo cổ, vòng đeo tay bằng đồng, nhôm, bạc. Vòng của người Ba Na phần lớn được làm bằng chất liệu đồng. Vòng có đường kính khoảng 7cm, thiết diện tròn trung bình 0,8cm, hai đầu không ráp mối mà để hở, thuận tiện khi đeo.

Ngoài các chuỗi cườm đeo cổ, đeo thắt lưng hoặc dọc theo 2 rìa mép váy, người ta còn gắn thêm một số lục lạc nhỏ, khi đánh trống, chiêng, múa tập thể, lục lạc tạo nên những âm thanh vui nhộn làm cho không khí lễ hội càng sôi động. Lục lạc là nhạc cụ rung lắc, đồng thời là vật trang điểm trong lễ hội của người Ba Na, là một dây dài từ 75 đến 115cm, tuỳ từng loại được gắn trên một sợi da trâu với rất nhiều quả chuông bằng đồng sát nhau, bên trong có hạt cứng khi lắc phát ra âm thanh. Hai đầu dây được nối với nhau bằng khoá. Ngày lễ hội, người Ba Na đeo lục lạc bên hông để biểu diễn, tạo âm thanh. Lục lạc được dùng cho cả trang phục của nam và nữ.

### ✿ Trang phục nam giới Ba Na

Trang phục thường ngày của nam giới Ba Na gồm áo và khố. Áo *(ao krăng)* được may bằng vải màu xanh chàm, kiểu chui đầu *(pon cho)*, thân áo rộng thoải mái, cổ áo *(cho quây ao)* được tạo bằng cách rạch một đoạn đủ chui đầu rồi khâu viền bằng vải màu đỏ. Thân trước áo trang trí 3 bông hoa và các đường chỉ đỏ, trắng chạy dọc theo thân áo ở cả đằng trước và đằng sau, kết hợp các màu đỏ và trắng xen kẽ.

Vạt áo trước còn được trang trí bằng những đường chỉ típ hình sóng nước. Gấu áo viền một nẹp vải đỏ. Vạt áo trang trí hình mắt võng nối tiếp nhau, trên cùng là nhành hoa, nhành giữa có 5 bông, một bông màu đỏ và 4 bông màu vàng, hai nhành hai bên cũng có một bông màu đỏ ở trên và mỗi bên có một bông màu vàng. Nhành hoa màu xanh kế tiếp là những cây lúa, tất cả đều nổi bật trên nền áo màu xanh chàm.

Khố của đàn ông thường quấn quanh bụng để che phần dưới cơ thể, hai đầu khố buông dài cả phía trước và phía sau. Đầu khố *(cơ pân)* có tua *(prai)*, để nguyên những sợi chỉ thả dài ra để trang trí. Giáp với lớp tua trang trí là một hàng cây màu trắng (một loại cây nhỏ, thân cứng có lỗ ở giữa), tiếp theo là một đoạn vải được dệt hai lần ép vào nhau theo chiều ngang của tấm khố *(vây)*, trên phần vải này thêu các hoa văn hình móc, hình tam giác, hình chữ thập, hình thoi. Hai bên rìa theo chiều dài khố dệt xen kẽ 4 đường chỉ đen, đỏ, trắng, vàng chạy song song với nhau.

Trang phục nam giới mặc trong các lễ hội thường là trang phục mới, gồm áo và khố trang trí hoa văn đẹp. Nam giới thường búi tóc giữa đỉnh đầu, trên cắm một chiếc lông

chim (trong lễ bỏ mả) hoặc để tóc xõa. Nếu dùng khăn thì buộc theo kiểu "đầu rìu". Dây vải đôi khi được dùng để buộc trên đầu và đây cũng được xem là khăn của nam giới. Khăn buộc đầu *(kơn)* rộng khoảng 3cm, dài lm, được buộc qua trán, thắt nút ở phía sau, hai đầu khăn buông xuống vai.

Áo *(ao, hơ p'ruông)* được may bằng vải nền màu đen hoặc xanh chàm, kiểu chui đầu *(pon cho)*, cổ xẻ, cộc tay. Thân áo trang trí sọc đỏ chạy ngang và sọc trắng chạy dọc theo thân và gấu áo. Nếu trời lạnh, họ sẽ khoác thêm tấm choàng rộng khoảng 0,8m, dài từ 3 - 4m bên ngoài.

Khố *(h 'đông, k'pena)* làm bằng vải sợi bông màu đen hoặc màu chàm, rộng khoảng 25 - 30cm, dài trên 4m. Dọc theo thân và 2 đuôi khố là những dải hoa văn bằng chỉ màu đỏ, trắng hoặc hạt cườm trang trí thành những băng ngang. Khi mặc, khố được quấn theo kiểu chữ T, cuốn ngang dưới bụng, luồn qua háng để che một phần mông. Hai đầu đuôi khố buông dài trước và sau.

Đồ trang sức của nam giới thường dùng là vòng đeo tay bằng đồng.

Đàn ông và phụ nữ Ba Na thường đeo một hay nhiều chiếc vòng nhằm cầu mong sự may mắn. Vòng còn được coi là kỷ vật của tình yêu đôi lứa hay đánh dấu nghi lễ trưởng thành của con người.

## 2. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI BRU - VÂN KIỀU

### ❁ Vài nét về trang phục

Người Bru - Vân Kiều phần lớn sinh sống tại miền tây

tỉnh Quảng Trị. Do ít có điều kiện quan hệ và giao lưu với các dân tộc khác nên trang phục của họ còn nguyên sơ, đơn giản với một số nét riêng khá độc đáo.

Người Vân Kiều thường chọn sợi bông, sợi lanh, sợi gai... để dệt vải, nhuộm bằng màu tự nhiên. Giống nhiều dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, thổ cẩm của người Vân Kiều có hai màu chủ đạo: đen và đỏ. Màu đen tượng trưng cho đất đai và sự sống. Màu đỏ là biểu tượng cho sức mạnh của con người. Hai sắc màu ấy được bố trí hợp lý trên tấm thổ cẩm, thể hiện rõ quan niệm về sức mạnh con người trong mối tương quan với thiên nhiên, vũ trụ.

Nói đến trang phục Bru - Vân Kiều, cần nhắc đến một số trang phục đặc biệt như Xân, áo Ada, khăn Đam. Người Bru - Vân Kiều sử dụng Xân, Ada, khăn Đam trong ngày lễ tết, ma chay, cưới hỏi và trong cả đời sống sinh hoạt hằng ngày.

Khăn Đam là trang phục truyền thống của tộc người này, được quấn thành nhiều vòng trên đầu rồi thả sau gáy. Khăn được dệt bằng vải có dải ngang, hai đầu có xúc tua, dài khoảng gần 1 mét, thường có màu sắc sặc sỡ.

Từ xưa, trước khi có vải dệt bằng sợi bông, người Bru - Vân Kiều đã biết dùng vỏ cây sui *(a mừng)* làm vải mặc. Đây là loại cây mọc trong rừng, ven suối, thân gỗ tương đối thẳng, vỏ mốc trắng có hai lớp, lớp ngoài cứng dày khoảng 0,3cm, lớp trong dày khoảng 6cm, có nhiều sợi xơ nhỏ đan nhau, tạo thành một màng sợi dày, liên kết ngang, dọc khá bền. Người Bru - Vân Kiều tách lấy vỏ cây khi còn tươi, sau đó trải xuống đập mạnh, đều và nhiều lần, lớp vỏ cứng sẽ bong ra để lại lớp màng sợi dày và xốp, họ dùng để may trang phục. Trong điều kiện khí hậu giá lạnh của rừng núi,

trang phục bằng loại vỏ cây này giúp họ chống rét trong mùa đông, chống côn trùng cắn vào mùa hè... Vải vỏ cây sui cũng dễ giặt, nhanh sạch, mau khô. Loại trang phục này có đặc điểm giống nhau, cấu tạo gồm 3 thân: hai thân trước nối với thân sau qua cầu vai, thân sau gồm hai mảnh, cổ tròn, không cài nút, tay ngắn.

Ngoài ra, trang phục đàn ông còn được làm từ vỏ cây pi, một loại cây thân mộc, có lớp vỏ dày từ 4-5cm. Do mủ của cây rất độc nên người Bru - Vân Kiều thường lấy về tẩm vào cung tên để săn thú rừng. Loại cây này rất hiếm, có khi cả một khu rừng rộng chỉ có một cây, do vậy trang phục may từ cây pi rất ít.

Các công đoạn lấy vỏ cây pi khá phức tạp, do vỏ cây chắc và khó bóc tách. Để không tốn thời gian trong quá trình lấy vỏ, họ dự tính trước chiều dài của chiếc áo định may, sau đó đo ngay trên thân cây để tính khổ vỏ cây (chiều dài gấp đôi áo định may). Sau đó, họ đánh dấu và lấy rìu chặt khoanh tròn quanh thân cây. Thông thường, họ sẽ chặt từ gốc lên trên. Chặt xong, họ phải bắc giàn để đứng rồi dùng gậy gỗ đập mạnh cho đến khi nào vỏ cây dập nát, bong ra thì tháo mang về.

Có vỏ cây rồi, trước tiên phải khử tính độc rồi mới làm được các công đoạn tiếp theo. Họ đun sôi một nồi nước gồm các loại lá sả, lá mía, củ gừng giã nhỏ, sau đó bỏ vỏ cây vào nồi nước ngâm trong 10 ngày. Tiếp đó, đem vỏ cây ra phơi nắng, phơi sương trong 1 tuần. Hoàn tất các công đoạn đó, vỏ cây vẫn chưa được dùng để khâu áo ngay. Họ chỉ được khâu áo vào ngày 14 âm lịch, để tránh cho người khâu lẫn người mặc khỏi bị nhiễm độc và thần cây pi quở

trách. Thời gian khâu áo cũng rất ngắn, bắt đầu từ 6 giờ sáng và phải làm xong trong ngày. Chỉ khâu được làm từ sợi mây vót. Khâu xong 3 ngày sau mới được mặc.

Áo, khố vỏ cây thường được mặc khi đi săn trong rừng, phát nương làm rẫy chứ không dùng để mặc thường ngày và trong lễ hội.

### ❁ Trang phục phụ nữ Bru - Vân Kiều

Trước đây, phụ nữ Bru - Vân Kiều thường ở trần, mặc váy. Có nhóm mặc áo chui đầu, không tay, cổ khoét hình tròn hoặc vuông. Có nhóm đội khăn vải quấn thành nhiều vòng trên đầu rồi thả sau gáy, cổ đeo hạt cườm, mặc áo cánh xẻ ngực, dài tay màu chàm, cổ và hai nẹp trước áo đính các đồng bạc nhỏ màu sáng, nổi bật trên nền chàm đen. Theo tục lệ, các cô gái búi tóc về bên trái, sau khi lấy chồng búi tóc trên đỉnh đầu. Sau này họ đội khăn vuông trắng, hai đầu khăn thít lại, có nhóm hai đầu khăn vểnh lên như hai cái tai (nhóm Khua).

Nhìn chung, một bộ trang phục đầy đủ của phụ nữ Bru - Vân Kiều gồm: khăn, áo, váy, thắt lưng.

Khăn *(ta loong)* làm bằng vải sợi bông dệt hoa văn ca rô nhiều màu trắng, đen đỏ; kích thước trung bình dài 160cm, rộng 46cm.

Áo: Có nhiều loại tên khác nhau căn cứ trên hoa văn của áo: *a dở chò he ta pang, a dở chò he khép, a dở sa mun, a do xu he...*

Áo *a do xu he* làm từ vải sợi bông nhuộm chàm màu xanh đen, dài 88cm, rộng 54cm. Áo tương tự áo bà ba nhưng không xẻ tà, thân trước và thân sau nối với nhau

bằng đường móc chỉ màu. Cổ áo *(ta coong a do)* may dựng, cao khoảng 3cm. Gấu áo trang trí nhiều loại hoa văn hình tam giác, cây lá, xương cá, hoa văn gạch *(póc)* vuông *(salăm)*, hoa văn trắng *(cloóc)*. Tay áo *(atyado)* thường dài 40cm, rộng 18cm, cổ tay trang trí một dải hoa văn rộng 7cm, mô tip chủ yếu là hoa văn hình xương cá, sóng nước, cây lá... những người có điều kiện kinh tế khá giả còn đính kim loại bạc tròn ở mép cổ và hai bên nẹp áo.

Áo *a dở* là loại mặc thường ngày, được may bằng vải sợi bông nhuộm màu, cắt khâu bằng tay theo kiểu *a dâ chò he ta pang*, dài 59cm, rộng 40cm, tay dài 39cm. Cổ áo *(ta coong)* và nẹp áo *(lạp a dở)* được táp thêm dải hoa văn bên ngoài. Ống tay áo được khâu nối ở nách áo *(ta păng)*. Chỗ nối giữa thân áo và ống tay được khâu theo hình xương rắn *(sa)*. Hai vạt áo phía trước *(ga mặt)* trang trí mô típ hoa văn quả trám to bên ngoài, bên trong là hoa văn ngôi sao tám cánh. Vạt áo phía sau *(ga cloong)* trang trí mô típ hoa văn hình quả trám đóng khung, bên trong là hoa văn hình chữ s hay móc câu và biểu tượng cây nun *(xa nun)*. Giữa thân áo trước và thân áo sau là đường khâu nối bằng chỉ màu đỏ và xanh lá cây theo hình xương cá chạy suốt từ nách áo đến chỗ xẻ tà.

Váy của phụ nữ Bru - Vân Kiều có nhiều loại với những tên gọi khác nhau như: *Sâu tà mục, sâu tơ qua, kờ loóc, sâu tà cỏ*. Tương tự như tên gọi của áo, tên gọi từng loại váy căn cứ chủ yếu vào số lượng và hình dáng hoa văn trang trí.

Váy *Sâu tà mục* được may bằng vải sợi bông nhuộm chàm, dạng hình ống trên dưới bằng nhau. Váy dài 84cm,

rộng 62cm, cạp cao 12cm. Phần thân váy *(thiu)* người ta dùng 5 loại chỉ màu trắng, đỏ nâu, vàng, xanh lá cây, đỏ tươi dệt tạo thành dải hoa văn ngang. Các hoa văn này đều có mô típ giống nhau, đó là mô típ hoa văn quả trám *(drăng)* trong là hình vuông nhỏ.

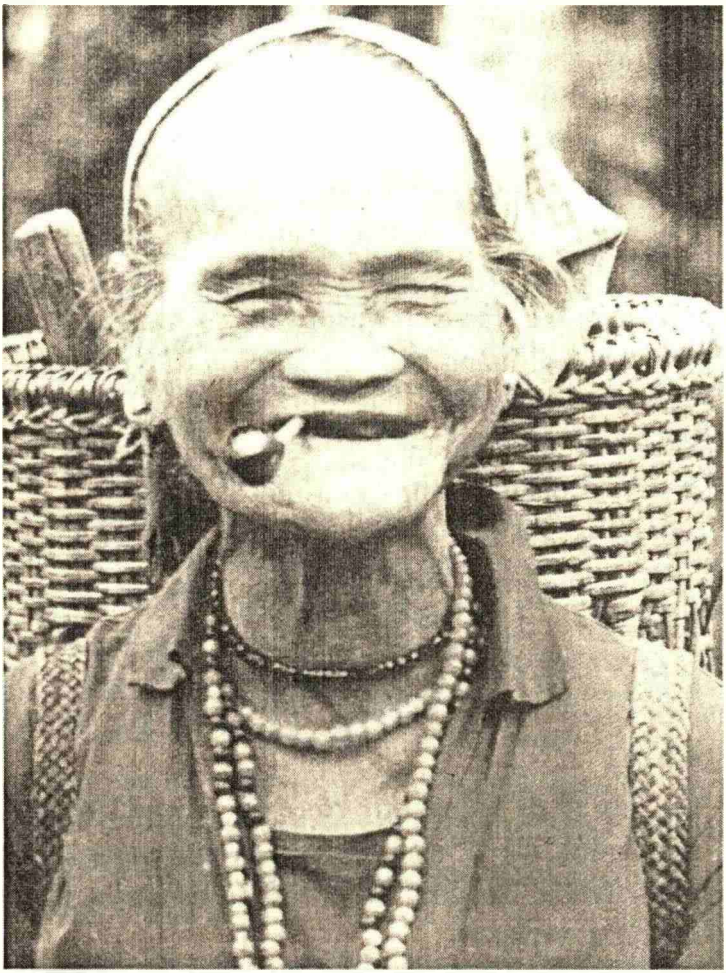
Váy *sâu tơ qua* được làm bằng vải sợi bông, cắt may theo kiểu ống trụ, dài 80,3cm, rộng 67cm. Cạp váy bằng vải bông, màu trắng, cao 9cm. Thân váy có 4 mảng hoa văn giống nhau, mỗi mảng hoa văn lại có 5 dải hoa văn nằm ngang với 5 màu khác nhau. Song ở đây, các mô típ hoa văn đều cùng là mó típ hình quả trám, bên trong quả trám là nốt chân chó. Kiểu trang trí này gọi là *tơ qua.*

Váy *kờ loóc* là loại váy bằng vải sợi bông, có hình ống trên dưới bằng nhau. Váy dài 88cm, rộng 76cm, cạp cao 12cm bằng vải trắng. Thân váy có 3 mảng hoa văn, mỗi mảng có 5 màu khác nhau (trắng, cam, xanh lá cây, vàng cam, đỏ tươi). Hoa văn trang trí theo mô típ hình răng cưa *(ca rọ).*

Váy *sâu tà cỏ* là loại váy rộng 90cm, dài 140cm. Cạp váy màu trắng, cao 15cm; thân váy là một mảng hoa văn trang trí dày đặc, bao gồm các ô trám *(arách)* và sóng nước xen lẫn các sọc màu đỏ.

Thắt lưng của phụ nữ Bru - Vân kiều được làm bằng thép mạ, dài 96cm, gồm nhiều mắt xích nối với nhau. Loại thắt lưng này mới du nhập từ nước Lào sang và được chị em Bru - Vân Kiều rất ưa chuộng.

Vòng cổ truyền thống là một chuỗi hạt dài 70cm làm bằng 11 hạt mã não hình quả trám màu mận chín xen lẫn các hạt cườm nhỏ màu trắng.



Vòng đeo tay *(coong)* là một trong những đồ trang sức không thể thiếu của phụ nữ Bru - Vân Kiều. Họ đeo vòng tay hàng ngày, đi ngủ cũng không tháo ra. Đặc biệt, vòng tay còn được dùng làm của hồi môn về nhà chồng. Những vòng tay dùng trong nghi lễ thường được đúc bằng bạc,

gần đây bằng nhôm. Vòng của người Bru - Vân Kiều hình tròn không khít để tiện trong việc đeo vào, tháo ra.

Chuỗi cườm *(chúc)* là một trong những đồ trang sức truyền thống của phụ nữ Bru - Vân Kiều, gồm 20 hạt hình quả trám màu hồng sẫm. Người giàu có thể đeo vài ba chuỗi cườm, người nghèo thì một chuỗi. Chuỗi cườm còn là đồ sính lễ trong ngày cưới của các cô gái Bru - Vân Kiều do chú rể tự tay đeo vào cổ cô dâu.

### ❁ Trang phục nam giới Bru - Vân Kiều

Trang phục nam giới không có gì đặc biệt. Nam để tóc dài, búi tóc, ở trần, đóng khố và quấn khăn. Trong vài chục năm gần đây, họ mặc quần áo như người Kinh.

Khố: được may bằng một tấm vải khổ rộng 40cm, trên trang trí nhiều hoa văn. Theo chiều dọc của khố, người ta dệt 3 dải hoa văn bằng chỉ khác màu như đỏ, trắng, vàng...; các mô típ hoa văn hình thoi kép chạy liên tiếp ở giữa, hình chân chim, mũi lao... Hai đầu khố có ba dải hoa văn ngang và tua rua ngắn để tiện trong sinh hoạt thường ngày.

Khăn *pa hum xla cơ tao* dệt bằng sợi tơ tằm, nền khăn màu tím *(đấu châu)* hai đầu khăn dài 47cm, hai mép của khăn có hai dọc màu xanh lá cây *(ra muông)* tạo thành đường viền với hai dãy hoa văn hình quả trám nối nhau liên tiếp chạy dọc theo chiều khăn (cơ tao - lá mía).

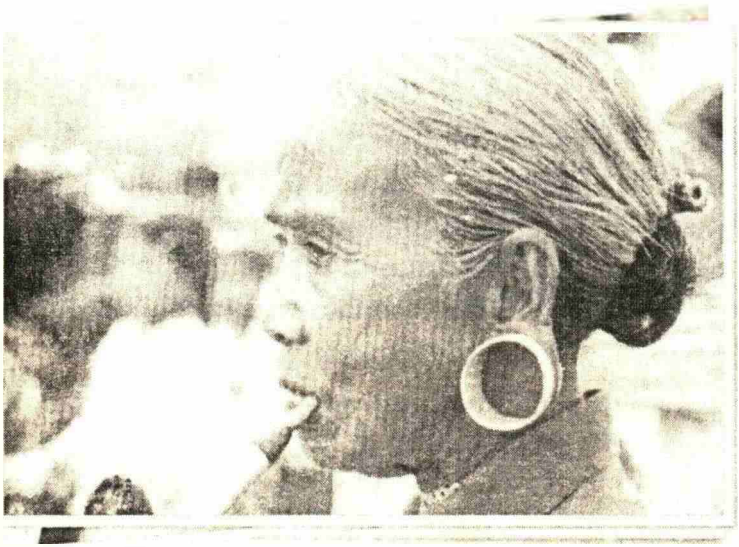
Ngoài ra, chiếc khăn đam dùng quấn thành nhiều vòng trên đầu rồi thả sau gáy cũng là trang phục truyền thống của đồng bào. Khăn được dệt bằng vải có dải ngang, hai đầu có xúc tua, dài khoảng gần 1 mét, thường có màu sắc sặc sỡ.

## 3. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI BRÂU

### ✿ Vài nét về trang phục

Brâu là một trong những tộc người có số dân ít. Sống trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu lại tách biệt với các tộc khác nên việc giao lưu, học hỏi kinh nghiệm trong lao động sản xuất của họ bị hạn chế. Đây là nhóm tộc người có hoạt động kinh tế đơn thuần, chỉ chú trọng làm nương rẫy trồng lúa, bắp, không có thêm ngành nghề gì khác nên từ xưa, trang phục của người Brâu hoàn toàn nhờ vào thành quả nghề dệt của các tộc người lân cận như Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai.

Ngày nay, giao lưu kinh tế phát triển, văn hoá người Kinh hầu như đã chi phối người Brâu, đặc biệt trên lĩnh vực trang phục: đàn ông Brâu mặc trang phục như người Kinh, phụ nữ mặc váy người Lào, áo người Kinh.



*Phụ nữ Brâu*

Để khẳng định tuổi trưởng thành, cộng đồng Brâu thường tổ chức lễ cà răng *(nốt pưng)*, căng tai *(sớp tiờu)*. Việc cà răng (đối với cả nam và nữ), căng tai (đối với riêng nữ) được coi là một chuẩn mực về cái đẹp của người Brâu. Đây là dấu tích của nghi lễ thành đinh nguyên thuỷ. Chỉ khi nào được cà răng, căng tai thì mới được coi là trưởng thành và được tự do kiếm bạn tình. Nếu trai gái không cà răng, căng tai thì bị chê cười và không lấy được vợ, được chồng. Người Brâu cũng cho rằng, những người không cà răng, căng tai khi chết đi linh hồn không về được với tổ tiên. Có thể đây là ý niệm về hình ảnh vật tổ - tô tem trâu hoặc bò trong tín ngưỡng nguyên thuỷ của họ.

### ❁ Trang phục phụ nữ Brâu

Phụ nữ Brâu xưa thường ở trần, mặc váy, mùa lạnh mặc thêm áo ở trên. Trang sức thường dùng có vòng cổ *(dụk)*, vòng tay *(coong sỉnh)*, vòng chân *(coong răn)*.

Váy *(kìa)* là loại trang phục cổ truyền của phụ nữ Brâu, do chính họ khâu. Nhìn chung hoàn toàn giống váy của người Ba Na từ chất liệu, hoa văn đến kiểu cách, duy chỉ có tên gọi là khác. Váy được làm từ một mảnh vải khổ rộng, gấp đôi, khâu hai mép lại với nhau thành hình trụ. Khi mặc, người ta lồng từ trên đầu xuống rồi cuốn phần cạp lại cho chặt.

Áo *(ao)* của phụ nữ Brâu là kiểu áo chui đầu *(pon cho)* được cắt khâu rất đơn giản. Áo dài 54cm, rộng 41cm được ghép từ hai mảnh vải, không khoét cổ ở chính giữa phần trên mà chừa một khoảng không khâu để chui đầu, hai bên nách chừa một khoảng không khâu để xỏ tay. Thân áo phía

mặt trước và sau được xử lý mỹ thuật cũng theo nguyên tắc như váy.

Phong cách làm đẹp của người Brâu giống như nhiều tộc người ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Ngay từ lúc một, hai tuổi, bé gái đã phải xâu lỗ ở hai dái tai để đeo đoạn chỉ. Lớn lên, khi lỗ tai được mở rộng thì đeo bông tai bằng ngà voi mô phỏng hình cối giã gạo.

Phụ nữ Brâu không có trang phục đặc trưng cho những dịp lễ hội, tuy nhiên vào dịp cưới hỏi, sự khác biệt được đánh dấu qua ý nghĩa của những chiếc vòng tay.

Vòng cầu hôn dành cho phụ nữ Brâu có 4 chiếc:

Vòng đeo tay *(coong mắt)* được làm bằng đồng, theo phương pháp thủ công (rèn). Vòng là sợi dây đồng có đường kính khoảng 0,5cm - 1cm, được khoanh tròn theo những kích cỡ khác nhau, mặt ngoài trang trí hoa văn răng cưa cách đều nhau.

Vòng đeo tay loại xoắn *(coong slinh)* được làm bằng dây đồng nhỏ, cuốn thành nhiều vòng như chiếc lò xo hình phễu, dài 30cm, khi đeo vào tay, phần to của hình phễu lên tận phía trên khuỷu tay.

Vòng đeo chân *(coong răn)* không phải là vòng tròn khép kín, nó được cuộn lại như hình chữ C. Khi đeo, người ta có thể nới rộng ra, sau đó bóp lại cho vừa cổ chân từng người.

Vòng đeo cổ *(dụk)* là chuỗi vòng bằng đồng bạc hoặc hạt quả rừng, nay làm bằng hạt nhựa nhiều màu sắc, người ta thường đeo rất nhiều vòng chứ không đeo một chiếc. Toàn bộ số vòng trên, người con trai Brâu phải chuẩn bị đủ để trao cho cô gái trong lễ cầu hôn.

### ❁ Trang phục nam giới Brâu

Trước đây, trang phục thường ngày của nam giới Brâu gồm có áo và khố, giống như trang phục nam giới một số tộc người như Giẻ Triêng, Ba Na trong khu vực.

Ngày nay, nam giới Brâu mặc trang phục mua ở chợ, cắt may theo kiểu hiện đại.

Vào dịp lễ hội, đàn ông Brâu mặc bộ quần áo mới nhất của mình, cắm một chiếc lông chim trên tóc hoặc có thể dùng dây vải để buộc trên đầu.

## 4. TRANG PHỤC NGƯỜI CHƠ RO

### ❁ Vài nét về trang phục

Người Chơ Ro xưa thường tự trồng bông, kéo sợi, dệt vải làm khố, váy, áo và chăn. Đôi khi, họ dùng lúa, gạo, lợn, gà... để đổi y phục từ các dân tộc khác. Việc dệt vải thường do nữ giới đảm nhiệm, tuy nhiên, nam giới cũng góp sức vào công việc này qua các công đoạn làm khung dệt, các dụng cụ cán bông, quay sợi, nhuộm sợi... Người Chơ Ro dệt bằng tay với dụng cụ thô sơ, đơn giản, gồm nhiều bộ phận rời nhau và chỉ khi dệt chúng mới liên kết với nhau thành một hệ thống do người thợ dệt thao tác.

Một bộ khung dệt theo cách gọi của người Chơ Ro gồm: Panâr lo vut (phần gỗ đeo vào lưng người dệt), Nsga (cây lật), Răng calon vrai (cây giữ chỉ cho đều), Panăq (dao chặt xếp chỉ), Răng yơq vrai (cây chặn chỉ), Chhơ lun (cây đảo chỉ), Tânh (cây đè, đưa chỉ lên xuống), Răng paubăn (cây xoay), Chhơ ndong (cây chịu lực). Khi dệt,

người ta ngồi thẳng chân, chân đạp lên một thanh gỗ ngang để tuỳ lúc mà kéo căng hay thả chùng mặt sợi khung dệt. Một đầu của giàn sợi được buộc vào cột nhà, luồn từng sợi vải qua các răng của go (răng calon vrai), sau đó mắc vào các giá nằm ngang (Răng yơq vrai, Răng yơq lun). Một đầu được nối với miếng gỗ buộc vòng ra phía sau lưng người dệt (Panâr lo vut). Người dệt dùng chân và lưng căng giàn sợi, một tay đập go, một tay luồn thoi sợi. Với kiểu khung dệt này, người ta có thể tạo ra nhiều khổ vải kích thước khác nhau, tùy theo ý muốn và nhu cầu sử dụng. Tuy nhiên, khổ vải rộng nhất thường chỉ được hơn 1 mét. Nếu cần khổ vải rộng hơn, người dân phải khâu ghép các tấm vải lại với nhau.

Việc nhuộm sợi được tiến hành trước khi dệt. Sợi lấy từ quả cây bông bao giờ cũng là màu trắng (canang), các màu sắc khác: đen (ui), đỏ (paghơ), vàng (gamít)... được tạo ra theo kinh nghiệm của người Chơ Ro. Cũng như nhiều dân tộc khác, họ có kỹ thuật tạo màu nhuộm từ các sản phẩm trong thiên nhiên.

Để có màu chàm, đồng bào lấy cành và lá cây trum, ngâm (hoặc đun) trong nước cùng sợi trắng tự nhiên. Để tạo màu tím và màu đen, người Chơ Ro nhúng sợi vải vào nước nóng đun từ cây mockđoi và cây sơ vut nhoi, sau đó cho sợi vải vào hỗn hợp sáp ong và nước cháo để nguội sẽ được sợi màu tím. Tiếp theo, để tạo màu đen, người ta cho sợi tím mới nhuộm như trên ngâm bùn từ 3 đến 5 ngày. Màu xanh được tạo ra từ vỏ cây sơ tơ nâng ngâm trong nước rồi đun sôi. Màu vàng được lấy từ củ nghệ vàng giã nhuyễn, lọc lấy nước nhuộm. Màu đỏ với nhiều cấp độ đậm

nhạt khác nhau được nhuộm bằng các loại cây rừng đập dập đun sôi: cây luk, cây chà ràng, cây râng...

Người Chơ Ro không thêu hoa văn và cũng không tạo trang trí bằng cách đáp vải như một số dân tộc thiểu số phía Bắc, mà họ dệt hoa văn. Việc thao tác tạo hoa văn diễn ra ngay từ bước khởi đầu và kéo dài suốt quá trình dệt. Người dệt sắp xếp trật tự các sợi dài của tấm vải tương lai một cách có chủ ý, nhằm phân bố màu sắc đúng vào vị trí cần thiết. Sau đó, bằng kỹ thuật gài sợi khéo léo, họ đan các sợi ngang theo màu sắc đã định để kết hợp với sợi dọc đã giăng cố định, thít sợi ngang cho chặt vào sợi dọc và các hoa văn sẽ lần lượt hiện lên trên tấm vải. Tuỳ theo từng sản phẩm (váy, khố, áo, chăn...) mà người dệt bố trí màu cho thích hợp.

Các hoa văn *(panôq)* chính trên vải của người Chơ Ro thường dệt là: tong yih (đầu chà gạc), tong têch (đường viền), kinhiah ti (móng tay), mat ncau (mắt cú mèo), khiya (khung quay sợi), ncogatơp (cổ con chim cu), dicanh (hoa văn giống của người Mạ)...

Người Chơ Ro giặt đồ ở suối. Họ dùng cây tanh *(se cenh)* làm chất tẩy như xà phòng hiện nay. Loại cây này được lấy trong rừng, là loại dây bò, khi cần dùng họ xé dọc một bên thân dây để dây tiết ra chất tẩy sạch, nếu chặt hay xé cả hai bên thân dây thì cây sẽ bị chết, không mọc lại. Khi giặt, người Chơ Ro đập dập đoạn thân cây tanh, chà vào quần áo, sau đó giũ sạch bằng nước suối và phơi trên các cành tre ngả thấp gần nhà. Trường hợp quần áo bẩn nhiều, ngả màu, người Chơ Ro ở Phú Lý lấy bã rượu cần *(rượu ịt)*, ngâm cùng với quần áo một đêm, sau đó giũ lại nước suối, quần áo sẽ trắng sạch hơn nhiều.

Xưa kia người Chơ Ro thường đi chân đất. Những gia đình khá giả thì lấy da con trâu, con nai phơi khô rồi cắt theo kích thước của chân làm đế dép; họ dùng da đuôi con voọc xuyên qua đế làm quai.

Hiện nay, hầu hết người Chơ Ro đều không biết nghề dệt vải truyền thống. Họ phải mua vải của các dân tộc khác để may trang phục, do vậy, họ sử dụng y phục hoàn toàn giống như người Việt ở địa phương. Tuy nhiên, sở thích đeo đồ trang sức bằng hạt cườm và các loại vòng bạc, vòng đồng, vòng nhôm vẫn được lưu giữ. Trẻ em Chơ Ro thường được ông bà, cha mẹ cho đeo lục lạc bằng đồng ở chân, với ý nghĩa bảo vệ đứa trẻ khỏi tà ma và cho trẻ đeo vuốt cọp, răng cọp để xua đuổi các loại thú dữ.

### ❁ Trang phục phụ nữ Chơ Ro

Phụ nữ Chơ Ro xưa kia thường mặc váy quấn *(xipút)*, ngực để trần. Khi thời tiết lạnh họ quấn thêm chăn *(su)* bên ngoài. Áo được may theo kiểu chui đầu, chiều dài khá ngắn và không có tay. Váy thường dệt trang trí hoa văn chà gạc *(tong yih)*, đường viền *(tong tech)*, hoa văn móng tay *(kinhiah)*... Mép váy khâu viền dải hoa văn khung quay sợi (khiya).

Chăn cho nữ giới thường chỉ dệt hoa văn viền mép. Ngoài ra, một mép của chăn khâu đính dải hoa văn khác nhằm mục đích phân biệt đầu và chân của tấm chăn. Chăn thường trang trí hoa văn cổ chim cu (ncogatơp), mắt cú mèo (mat cau) và một vài hoa văn bắt chước từ người Mạ (dicanh).



*Thiếu nữ Chơ Ro*

### ❁ Trang phục nam giới Chơ Ro

Đàn ông Chơ Ro mặc rất đơn giản, thông thường cũng ở trần và đóng khố. Giống như phụ nữ, khi lạnh họ cũng sẽ quấn thêm một chiếc chăn ở bên ngoài.

Cô dâu và chú rể không có trang phục cưới riêng, họ chỉ mặc những bộ quần áo ngày thường mới nhất của mình, giống với những bộ họ vẫn mặc trong dịp lễ tết. Có khác một chút là cô dâu và chú rể đeo nhiều vòng đồng và vòng cườm hơn thường ngày. Những đồ trang sức trong đám cưới được mượn của già làng, khi già làng này mất đi, già làng khác lên thay sẽ có trách nhiệm giữ và bảo quản các đồ trang sức đó.

Người Chơ Ro trước đây không trang điểm. Theo quan niệm của họ, nếu trang điểm sẽ bị thần rừng quở trách, bắt đem đi. Để tạo hương thơm cho cơ thể, người Chơ Ro lấy cây tầm biêng trong rừng, đập dập rồi phơi khô, sau đó chà vào đầu và người khi tắm gội sẽ sạch sẽ và lưu lại hương thơm dễ chịu.

Đồ trang sức bằng kim loại được người Chơ Ro đổi từ dân tộc khác bằng thóc, lúa, gà, trâu bò... Các loại dây đeo, vòng tay, hoa tai thường được tự làm từ hạt mù u hay từ nhựa của một vài loại cây rừng. Người ta khoét lỗ trên thân cây để lấy nhựa. Nhựa chảy ra được hứng vào thân cành trúc nhỏ, ở giữa có gài dây để khi nhựa khô tạo thành lỗ sâu dây đeo.

Các đồ trang sức bằng kim loại để lâu ngày sẽ bị đen xỉn. Để bảo quản, người Chơ Ro dùng lá hốt chà lên mặt các đồ vật này để tạo lại độ sáng bóng. Các đồ trang sức thường được chôn theo người chết. Đó cũng là lý do tại sao hiện nay đồ trang sức của người Chơ Ro không còn lưu lại nhiều.

## 5. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CƠ HO

### ✿ Vài nét về trang phục

Dân tộc Cơ Ho xưa kia không có nghề trồng bông dệt vải, nhưng qua trao đổi mua bán với các dân tộc khác trong vùng, họ mua sợi để dệt và cắt may những bộ y phục truyền thống. Khi không thể trao đổi vải, người Cơ Ho đã dùng vỏ cây rừng đập dập, ngâm xuống suối cho hết nhựa, gập đôi lại và lấy dây mây để khâu trang phục, thường là những kiểu áo chui đầu được khoét thủng tay, đàn bà Chơ Ro mặc váy.

Sau này, điều kiện sinh hoạt khá hơn, họ đã tự dệt vải để phục vụ nhu cầu mặc trong cộng đồng. Tuy nhiên nhìn chung, nghề dệt vải của người Cơ Ho chỉ dừng ở mức không chuyên và chỉ làm trong thời gian rảnh rỗi. Đấy cũng là một nghề mang tính phân công lao động theo giới tính và là điều kiện bắt buộc khi các cô gái chuẩn bị kết hôn.

Nguyên liệu dệt vải chủ yếu là sợi bông hoặc từ các loại cây phụ liệu khác được lấy từ núi rừng, ruộng rẫy. Cây bông được trồng ở vườn hoặc ven suối. Bông thu hái đem về phơi nắng cho cánh bung ra hết. Để làm bông tơi, sạch, người Cơ Ho tách hột, tiếp đến dùng đũa xe bông thành từng lọn nhỏ. Lọn bông kéo ra một đầu nối vào trục xa quay để kéo sợi *(lambong)*, giống như công cụ kéo sợi của người Việt. Kéo xong sợi, người ta đem ngâm vào nồi cháo gạo nếp đã nấu nhừ, mục đích làm cho sợi dệt được bền chắc, không đứt giữa chừng. Sợi ngâm xong được lấy ra phơi khô, sau đó quấn vào cây quay để quấn lại thành cuộn chỉ lớn.

Màu nhuộm vải thường được lấy từ các loại củ, quả, lá

cây trong rừng. Màu xanh lấy lá cây tơrung vò nát, ngâm trong ché khoảng một tuần, sau đó lấy ra nghiên mịn. Nước lá đông lại thành cục nhỏ, đồng bào mang phơi thật khô, lúc nhuộm lấy chất keo đó bỏ vào chậu, đổ nước vào hoà tan và ngâm sợi trong hai ngày. Màu xanh dương lấy từ lá cây chát (chàm be), màu đỏ lấy loại cỏ họ dền, phơi khô, nấu, lọc rồi nhuộm sợi, màu vàng lấy củ nghệ dại không giống với nghệ thường ăn, hạt quả cari còn gọi là quả nho để chế màu cam... Để màu nhuộm được bền, người ta hòa thêm bột vỏ sò và tro củ chuối vào dung dịch nhuộm.

Khi dệt, người phụ nữ ngồi duỗi thẳng chân trên sàn, hai chân đạp và giữ chặt một thanh chủ của khung dệt (gọi là *đưng-pong)* và một thanh chủ khác được dùng dây móc vào lưng người dệt để cố định và kéo căng khung sợi. Các thanh khác tùy theo chức năng của chúng mà luồn rất khéo vào giữa giàn sợi...

Nhìn chung, y phục truyền thống ở các nhóm Cơ Ho khá thống nhất. Tính thống nhất này thể hiện trên nhiều bình diện, từ kiểu cách cắt may, chất liệu vải... cho đến bố cục và các mô-tip hoa văn trang trí. Trên những tấm vải thổ cẩm của dân tộc Cơ Ho, nét độc đáo nhất chính là những họa tiết, hoa văn sinh động được người dệt gửi gắm bằng tất cả tâm hồn, tình cảm cũng như sự cảm nhận về thế giới tự nhiên, con người của mình. Đó có thể là các loại hoa văn kỷ hà, hình người, các loài muông thú và các vật dụng quen thuộc, gần gũi trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của bà con như: cầu thang nhà sàn, cổ nỏ, tua cây nêu, cán xà gạt, con thuyền, mắt chim công, vầng trăng, con bọ chè, cườm chim cu...

Trang phục truyền thống được các cô gái trong làng tự dệt và khâu. Sau này, người Cơ Ho không còn lưu giữ nghề trồng bông nữa mà họ mua sợi để dệt vải.

Nhìn chung, sự khác biệt trong trang phục truyền thống Cơ Ho chỉ dừng lại ở những đặc trưng phân biệt giới tính (nam, nữ), chưa có sự phân biệt trang phục người lớn và trẻ em, có chăng chỉ là sự khác biệt về kích cỡ, chưa có sự phân biệt trang phục mùa đông với mùa hè, trang phục thường nhật với lễ phục. Mặc dù giữa các nhóm Cơ Ho đã có sự phân hóa giàu nghèo ở một mức độ nhất định, song điều này chưa thể hiện qua trang phục, hay nói chính xác hơn, là chưa biểu hiện thông qua chất liệu vải và kiểu dáng y phục.

Người Cơ Ho có những quan niệm về vẻ đẹp rất giản dị, mộc mạc: Nam giới phải có thân hình vạm vỡ, chắc khỏe, màu da ngăm đen. Phụ nữ cũng phải toát lên nét khỏe khoắn như đôi tay khỏe và nhanh nhẹn, bắp chân to săn chắc, gò má cao, môi dày... nhưng đồng thời cũng thể hiện sự mềm dẻo, nữ tính như mắt to, lông mi cong, đen, tóc dài, cứng, một số ít có tóc xoăn.

Một tiêu chí đẹp theo quan niệm truyền thống của người Cơ Ho phải kể đến đó là hàm răng mài nhẵn đến tận lợi, kèm theo đó là lỗ tai được căng ra đến nỗi dái tai đứt ra thành 2 phần. Người nào trong buôn làng làm được điều đó đều được bà con tổ chức ăn mừng và được mọi người yêu mến, kính trọng, nếu là thanh niên nam nữ thì được nhiều người lựa chọn làm bạn tình. Cũng chính vì thế mà dù có đau đớn đến mấy họ cũng tự nguyện cà răng, căng tai cho phù hợp với quan niệm đẹp của dân tộc mình. Tới

nay, tục "cà răng căng tai" không còn hiện diện trong cộng đồng người Cơ Ho nữa.

### ✿ Trang phục phụ nữ Cơ Ho

Trang phục phụ nữ Cơ Ho gồm: áo, váy, tấm choàng.

Áo *(kroh):* Dệt bằng vải sợi bông màu trắng, dài khoảng 80 cm, rộng 40 cm, viền cổ tròn, áo hình chữ nhật trên dưới bằng nhau, vạt trước ngắn hơn vạt sau. Hoa văn trang trí chủ yếu hình quả trám, ở giữa là hình cối giã gạo.

Váy *(ùi bần):* Là loại váy cuốn dài khoảng 150cm, rộng 90cm, hình chữ nhật, màu xanh chàm hoặc màu đen, bố cục hình dải màu trắng viền dọc tấm vải. Hai bên mép dệt hoa văn với các màu trắng, vàng, xanh, khoảng cách dải hoa văn thường là 20cm, hai đầu váy thường để tua. Hoa văn trang trí chủ yếu là các đường kẻ song song, chấm trắng, đường kẻ ngang, ô chấm, dây cột trâu, lá nón, hoa văn trên ống đựng tên, ché rượu cần, gốc cây tre làm chà gạc...

Khi mặc váy, họ thường bắt đầu quấn một vòng từ phía hông trái qua phải, phần thừa gấp lại và gài vào bên hông phải. Cách đây chưa lâu, ở một số vùng người Cơ Ho, ngoài việc quấn váy, người phụ nữ còn thắt thêm "thắt lưng" bằng vải, đuôi vải buông xuống phía sau như đuôi khỉ.

Tấm choàng *(ùi nguếch):* Dài khoảng 140cm, rộng khoảng 94cm. Tấm choàng là một bộ phận quan trọng trong trang phục của phụ nữ Cơ Ho, thường dùng trong các dịp lễ tết, cúng thần hoặc những ngày tiết trời giá lạnh. Tấm choàng có hình chữ nhật, nền màu xanh chàm, mỗi tấm có khoảng 26 đường thêu chỉ màu trắng chạy theo chiều dọc. Hai mép dọc và hai mép ngang trang trí hoa văn

các màu trắng, xanh. Hai đầu tấm choàng có tua, hoa văn trang trí là hình choé rượu cần, lá nón, hoa trên ống đựng tên... Toàn bộ hoa văn trên tấm choàng của phụ nữ Cơ Ho là hoa văn được tạo bởi kỹ thuật dệt.

Khi sử dụng, tấm choàng được mở to quàng toàn bộ vào lưng, hai đầu bắt chéo về phía trước, tấm choàng sẽ phủ kín phần lưng và ngực của người sử dụng.

### ❁ Trang phục nam giới Cơ Ho

Đàn ông Cơ Ho cùng đóng một loại khố và mặc một loại áo giống nhau.

Khố *(tròh)* dài từ 1,5 đến 2m, rộng hơn một gang và có hoa văn theo dải dọc, quấn vòng quanh bụng, luồn qua háng, để cho hai đầu khố thòng phía trước và phía sau mông.

Áo là những tấm vải trắng có hoa văn ở toàn bộ thân trước và sau. Mảnh vải dệt rộng từ 40-45cm được gấp lại, khâu đường thẳng ở hai bên sườn, chừa lỗ để xỏ tay và khoét một lỗ phía trên để làm cổ áo.

### ❁ Trang sức của người Cơ Ho

Trang sức mà người Cơ Ho ưa thích nhất là vòng đồng, được dùng làm lễ vật để trao duyên, hứa hôn hoặc kết nghĩa bạn bè. Vòng đồng là loại trang sức phổ biến nhất không chỉ với phụ nữ mà với cả đàn ông và trẻ em. Đàn ông có vợ thường đeo vòng đồng ở cổ tay. Ngoài vòng trang sức bằng đồng còn có lục lạc, đó là chuỗi dây có hạt đồng ở giữa, người ta thường đeo lục lạc để vừa đi vừa rung theo nhịp chân nghe rất vui tai.

Ngoài những đồ trang sức bằng kim loại, phụ nữ Cơ Ho

còn sử dụng đồ trang sức bằng nhựa, thường là những hạt màu da cam, vàng, xanh được xâu lại thành chuỗi *(nhong ka long)* dài 98cm, được họ sử dụng trong những ngày lễ hội. Riêng thiếu nữ chưa chồng có thêm vòng đồng đeo ở cổ tay, cổ chân đến 25 chiếc, đến khi lấy chồng thì tháo bớt ra. Một người phụ nữ có thể đeo 11 chuỗi hạt lớn nhỏ khác nhau, có chuỗi hạt nhỏ li ti bằng hạt tấm, trong khi có chuỗi hạt lớn hình ô van đường kính từ l đến 2cm.

## 6. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CƠ TU

### ✿ Vài nét về trang phục

Trước kia, để có các vật dụng che thân như tấm choàng, váy, áo, tấm đắp, chiếu... vào mùa mưa để chống lại cái lạnh giá của núi rừng, người Cơ Tu chọn lựa một vài loại vỏ cây sẵn có tại rừng núi dùng làm trang phục. Ban đầu, họ dùng loại vỏ cây có kích thước lớn, đập mỏng, phơi khô rồi lấy nguyên một miếng lớn khoét giữa thân đủ để chui đầu. Áo bằng vỏ cây giúp chống giá rét hoặc côn trùng cắn rất hữu hiệu khi đi săn bắt trong rừng sâu. Về sau, họ lấy vỏ của cây hơ mớt, hơ mon, hơjoong, chrơ đangơ duông, ta đuých... để làm váy - áo mặc che thân. Người Cơ Tu chọn những thân cây có kích cỡ lớn, đường kính khoảng 3 đến 4 gang tay, cắt thành từng khúc theo kích thước phù hợp với yêu cầu của mỗi người trong gia đình rồi lột vỏ thành từng mảng để làm đồ mặc. Để tấm vỏ cây được mềm mại và dẻo, sau khi hơ lửa cho nóng đều, người ta dùng một khúc cây đã khắc rãnh lồi lõm để đập dập. Đập xong, lột bớt lớp vỏ ngoài, chỉ để lại xơ bên

trong, sau đó ép thẳng, cắt xén, khoét lỗ, chắp nối, khâu lại thành váy, áo...

Để chắp nối các mảnh vỏ cây, người ta dùng dây gai, cây bhơ nương - loại cây rất dẻo và chắc làm chỉ khâu. Nếu có tấm vỏ cây lớn, người ta chỉ cần khoét lỗ làm thành cổ áo, rồi gài thêm các sợi dây vào bên mép áo để khi mặc thì thắt lại với nhau thay cho nút áo. Những tấm chăn, chiếu cũng được làm bằng vỏ cây này, người Cơ Tu dùng dây kết lại thành tấm lớn hơn. Đôi khi họ còn lấy loại mây rục vót thật mỏng, đan thành hoa văn trên váy - áo. Có nơi, họ xẻ tấm áo vỏ cây thành từng ô nhỏ để khi mặc vừa mát, vừa đẹp. Dưới các mép váy - áo, người Cơ Tu còn cắt thành hình răng cưa để trang trí.

Khi nghề dệt phát triển, cây bông vải được trồng phổ biến, thì trang phục bằng vỏ cây ít khi được người Cơ Tu sử dụng. Chỉ số ít những người đàn ông nghèo khổ, sống độc thân hoặc nhà nào đó không có khả năng trồng bông - dệt vải, không có gì để đổi lấy bông, vải thì mới phải mặc trang phục làm từ vỏ cây.

Để có được những bộ trang phục đẹp mang bản sắc văn hoá riêng, phụ nữ Cơ Tu trồng bông, đay lấy sợi rồi tách hạt, tách bông, cán bông, vấn bông, se sợi... Trong quá trình dệt, người ta thường làm hoa văn cho vải bằng cách luồn hạt cườm vào các sợi chỉ dệt, từ đó tạo ra các hoa văn trên nền vải như: hình hoa ablơm (hoa tình yêu), hình lá atút (hình chiếc chong chóng), hình đàn ông Cơ Tu múa tung tung (múa nam), hình thiếu nữ Cơ Tu múa dadá (múa nữ), lá trầu (a bá), dây buộc nhà gươl (hơma cating), hình hoa rừng (hơma tơbang), trang sức (mã não)...

Khâu nhuộm vải cũng không kém phần quan trọng, họ lấy màu chàm từ củ nâu, màu chàm từ cây tà râm, màu vàng từ củ ma rớt... Do vậy, để hoàn tất một tấm vải phải mất nhiều thời gian, đòi hỏi sự tỉ mỉ, công phu và sự khéo léo của người phụ nữ.

Trang phục của người Cơ Tu đơn giản, không cầu kỳ về màu sắc. Hầu hết các hoa văn phản ánh nhân sinh quan, thế giới quan của người Cơ Tu về vũ trụ, trời đất, vạn vật cũng như phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng... Màu chủ đạo trong trang phục của người Cơ Tu là màu chàm đen, đây cũng là màu nền của trang phục. Người Cơ Tu quan niệm: Màu chàm đen là màu của đất (Abhuyh-Catiếc), màu đỏ là màu của mặt trời (Abhuyh-plêếng) - hai vật thiêng không thể thiếu trong đời sống của người Cơ Tu. Vì vậy, trang phục của họ không thể thiếu hai màu nói trên. Màu vàng trên trang phục được người Cơ Tu dùng rất ít, chỉ là những nét mảnh để tạo nên những họa tiết, những đường nét hoa văn tinh tế.

### ❁ Trang phục phụ nữ Cơ Tu

Trước kia, phụ nữ Cơ Tu thường ở trần, chỉ buộc một miếng vải như chiếc yếm che ngực, mặc váy ống ngắn đến đầu gối, mùa lạnh khoác thêm tấm chăn. Sau này, trang phục thường ngày của phụ nữ Cơ Tu đã thay đổi, họ mặc áo và váy với màu sắc chủ yếu là màu đen, trên có thêu hoa văn bằng chỉ và hạt cườm trắng.

Áo *(a jooh)* được làm từ vải dệt bằng sợi bông. Từ một tấm vải rộng, gập đôi chiều dài lại thành thân trước và thân sau. Cổ áo khoét thành hình chữ V dài 25cm trước

ngực. Áo chỉ khâu ở hai bên sườn và viền nẹp cổ, được trang trí hoa văn ở vai, ngực, sườn, gấu với các màu đỏ, trắng trên nền chàm. Hoa văn dệt trên vạt áo thân trước và vạt áo thân sau giống nhau. Những đường dệt chỉ màu đỏ, xanh, vàng chạy dọc thân áo gọi là *arâng amýt.*

Những hạt cườm đính dọc ngực áo là hạt mã não *(klát malao).* Hoa văn dệt dưới gấu áo là gai cây song rừng *(cơrai adương),* hoa văn cây thô lộ *(pơrơtây),* hoa văn hình sao 4 cánh *(ăn tắc rơ riu),* hoa văn chạm khắc ở cây nêu đâm trâu *(sơ nanh).*

Váy có hai loại:

Váy dài *(cơđơ ớch):* Từ tấm vải dài khoảng 6m, người ta khâu lại thành hai lớp, dài khoảng 3m rộng từ 1,5m đến 1,7m (tuỳ chiều cao cao mỗi người). Các họa tiết hoa văn phần thân váy thường là ablơm (hoa tình yêu), lá trầu, dây buộc nhà gươl, múa dadá... màu sắc đơn giản, được thể hiện dưới dạng hình học hoá.

Váy ngắn *(o réch):* Chiều dài từ 80cm đến 1m, rộng từ 70 đến 80cm được khâu lại bằng chỉ, tạo cho váy có hình ống. Tương tự như váy dài, họa tiết của váy ngắn cũng tập trung chủ yếu ở thân váy, thường đứng riêng lẻ với các vạch sọc, bố cục thành từng ô hài hoà, cân đối dưới dạng hình học, dây leo, lá rừng. Khi mặc váy, thân trên ở tầm ngang bụng và để khỏi bị tuột, họ bẻ xoắn lại rồi dùng dây buộc.

Ngày lễ hội, phụ nữ dùng thắt lưng màu trắng mộc, bên ngoài khoác tấm vải lớn. Tấm khoác này còn dùng để quấn và đắp khi trời se lạnh, tóc búi sau gáy hoặc thả buông.

Hoa văn trong trang phục lễ hội là các họa tiết thành từng dải, từng mảng và độ chênh lệch cần thiết giữa các dải

hoa văn với các màu tương phản trên nền chàm đen của trang phục khiến màu đỏ, vàng, trắng luôn trầm lắng, không rực rỡ mà rất nền nã.

### ❁ Trang phục nam giới Cơ Tu

Đàn ông thường ngày đóng khố và ở trần. Ngày nay, họ đã mặc thêm áo cộc. Hầu hết trang phục đàn ông đều có các họa tiết hoa văn thành từng mảng nhưng không đơn điệu.

Áo cộc tay *(a doót)* của nam giới Cơ Tu trang trí những dãy hoa văn đối xứng, với những vạch sọc có khoảng cách đều nhau, được dệt bởi ba màu: vàng, đỏ và trắng, trông nổi bật trên nền vải chàm đen.

Khố *(cha lon)* có chiều rộng khoảng 45cm, chiều dài từ 3m đến 8m, vạt trước dài, vạt sau ngắn, trang trí các họa tiết, đường nét hoa văn thành từng mảng lớn.

Vào ngày lễ hội, đàn ông Cơ Tu thường mặc những bộ y phục mới nhất và khoác thêm tấm choàng *(a duông)* lên vai. Tấm choàng cũng được dệt trên nền chàm đen có nhiều màu trắng, đỏ, vàng.

Nhìn chung, trang phục lễ hội của người Cơ Tu hấp dẫn nhờ ở lối bố cục các họa tiết hoa văn thành từng dải, từng mảng, có độ chênh cần thiết giữa các dải hoa văn với các màu tương phản trên nền chàm đen khiến màu đỏ, vàng, trắng luôn trầm lắng, không rực rỡ sắc màu cũng không chói chang, tạo được độ sâu và sự nền nã trong trang phục.

### ❁ Trang sức

Người Cơ Tu đặc biệt ưa dùng các chuỗi vòng cổ làm bằng mã não. Đối với những người đứng tuổi, vòng đeo cổ



là một loại trang sức chủ đạo, không thể thiếu trong trang phục hằng ngày cũng như vào dịp tết, cưới hỏi, lễ hội... Những chuỗi trang sức làm *(c'rôn)* bằng những hạt mã não nhỏ hình tròn hay bầu dục, xen kẽ giữa các hạt mã não là những chiếc nanh heo rừng, lông gáy heo rừng, vuốt gấu,

hình nhân làm bằng gỗ quý... là biểu tượng của sức mạnh, quyền lực, địa vị của những người đàn ông Cơ Tu cao tuổi.

## 7. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI GIẺ TRIÊNG

### ❁ Vài nét về trang phục

Người Giẻ Triêng có cá tính riêng trong tạo hình và cách ăn vận. Từ xưa, họ đã biết trồng bông, dệt vải. Sản phẩm vải của người Giẻ Triêng khá phong phú, gồm váy, khố, địu trẻ em, tấm dồ, tấm khoác... Không chỉ phục vụ cuộc sống của cư dân mà sản phẩm vải của người Giẻ Triêng còn là mặt hàng có giá trị dùng để trao đổi với các dân tộc khác.

Người Giẻ Triêng từ xưa đã biết trồng bông dệt vải. Tuy nhiên, hiện nay đa số không còn trồng cây bông nữa mà đã dùng len, chỉ màu và các loại sợi tổng hợp để thay thế khi dệt.

Màu sắc phổ biến trên trang phục của người Giẻ Triêng là chàm đen và đỏ, đây là hai màu chủ đạo không thể thiếu, thứ đến là màu vàng và màu trắng. Để có những màu sắc ưng ý, người Giẻ Triêng dùng lá cây trum, vỏ ốc *(pa-chau)*, củ nâu, vỏ của cây tàvạt, củ nghệ, cây chơ hong... giã nhỏ, ngâm trong nước và chế biến thành thuốc nhuộm.

Các sản phẩm dệt của người Giẻ Triêng được làm hoàn toàn bằng phương pháp thủ công. Các họa tiết hoa văn trang trí phần lớn đơn giản trên nền chàm đen, thường chỉ có đường sọc màu đơn hoặc xen kẽ trên nền chàm với các màu tiêu biểu: vàng, đỏ hoặc trắng. Người Giẻ Triêng rất

chú trọng tới việc ghép hai mảnh vải lại với nhau tạo nên sự đối xứng. Hoa văn trang trí trên trang phục thường được sử dụng ở hai rìa của tấm vải.

Trang phục lễ hội của người Giẻ Triêng còn chứa đựng cả yêu tố tâm linh, nên việc mặc chúng được mọi người rất coi trọng. Những ngày diễn ra lễ hội cộng đồng như đâm trâu mừng nhà rông mới, lễ cưới..., người ta mặc đồ mới hoặc đồ sử dụng không thường xuyên. Cả đàn ông và phụ nữ đều đeo trang sức như vòng tay, vòng cổ vòng cườm.... để làm đẹp và hấp dẫn hơn trong mắt mọi người.

Người Giẻ Triêng từ trẻ tới già, ai cũng cố gắng mặc cho đẹp. Những gia đình giàu có, ngoài trang phục có nhiều màu sắc, đồ trang sức của phụ nữ nhất thiết phải có các chuỗi cườm, vòng cổ, bông tai. Đàn ông thì đeo vòng tay. Thanh niên ăn mặc khác người già, khố trang trí hoa văn màu đỏ, trắng, vàng ở vạt trước và vạt sau. Người già mặc khố toàn màu đen và khoác tấm choàng màu đỏ *(lăng la xút)*.

Trong cuộc sống cộng đồng, trang phục là một trong những yếu tố thể hiện sự phân biệt đẳng cấp rõ nét. Những gia đình khá giả phải có nhiều tấm dồ màu đỏ *(ra moong xút, ra moong tem)* bên cạnh tài sản gồm nhiều trâu, bò, heo, chiêng nỉ (bộ 03 cái), chiêng ba (bộ 03 cái), chiêng ngô (bộ 03 cái), ché đổi một trâu, ché đổi hai trâu... Chủ làng trong ngày hội thường khoác những tấm dồ và đóng khố có nhiều màu đỏ, đeo nhiều đồ trang sức. Những người có điều kiện kinh tế mặc trang phục nhiều màu, còn người nghèo mặc trang phục màu đen, khố khổ hẹp, hai đầu không có tua, thân và các mép khố không được viền và trang trí hoa văn. Trong lễ hội, nam giới cũng đeo vòng cổ,

giắt ngoài khố chuỗi hạt. Ngoài ra, họ mang thêm tấm choàng rộng màu chàm có trang trí các sọc màu.

### ❁ Trang phục phụ nữ Giẻ Triêng

Phụ nữ Giẻ Triêng để tóc dài quấn sau gáy. Họ không mặc áo mà mặc loại váy dài cao sát nách, quấn ngang thân.

Váy được may thành hình ống, tương đối dài rộng. Đầu váy, giữa thân và gấu váy trang trí các sọc hoa văn màu đỏ trên nền chàm. Họ quấn mép ra giữa thân trước, đầu váy còn thừa (váy loại này thường dài và cao gấp rưỡi váy bình thường) lộn ngược ra phía trước hoặc quấn thành nhiều nếp gấp ra xung quanh trông như một chiếc áo ngắn thực sự độc đáo. Phụ nữ Giẻ Triêng có nhiều loại váy với tên gọi khác nhau:

Váy *kle* may bằng vải sợi bông tự dệt, màu đen, dài 1,2m và rộng 0,55m. Cạp và gấu váy có mảng hoa văn cao 7cm, được dệt trang trí bằng chỉ màu vàng, đỏ, trắng, đen. Cách phần trang trí này khoảng 30cm có hai mảng trang trí như nhau rộng 5cm, với hai đường chỉ màu vàng ở hai bên, tiếp đến là hai đường màu đỏ, mỗi đường rộng 2cm và ở giữa là một đường nhỏ kết hợp cả ba màu trắng, đỏ, đen xen nhau.

Váy *kai (k'tu, kle, túc)* - tùy từng vùng mà có tên gọi khác nhau: Người Giẻ Triêng ở vùng Đăk Plô- Đăk Giây gọi váy là *k'tu, túc; ở* vùng Ngok Hồi gọi là *kai.* Đây là loại váy phụ nữ các lứa tuổi đều mặc trong các dịp lễ hội như: đâm trâu, mừng nhà rông mới, đám cưới, lễ mừng sức khỏe. Họ còn mặc cho cả người chết khi sang thế giới bên kia. Loại váy này thường dài từ 1,2 đến l,4m; rộng 55cm - 65cm tuỳ

theo kích cỡ của từng người. Đặc biệt, người Giẻ Triêng ở Ngok Hồi chia váy thành các loại khác nhau, dành cho từng lứa tuổi.

Váy *peng joon (kai peng joon)*, váy *peng voong (kai peng xoong)*, váy *peng hâl (kai peng hâl)* là những loại váy đẹp trang trí nhiều hoa văn, dùng cho các cô gái từ 18 đến 20 tuổi, mặc cả trong lễ hội và ngày thường.

Váy *ha mân (kai ha mân)* dùng cho người thấp, hoặc những người có con nhỏ.

Váy *ling (kai ling)* dùng cho phụ nữ trung niên mặc khi lao động.

Váy *ha mừt (kai ha mừt)* dùng cho phụ nữ từ 30 đến 40 tuổi, nếu con gái người thợ dệt mặc loại váy này sẽ bị bà con trong làng chê cười cho là vụng về không biết dệt vải. Đặc điểm của váy là được dệt toàn bộ bằng chỉ bông màu đen, có chiều dài l,2m, rộng l,6m, trang trí hai băng hoa văn ở cạp và chân váy, hai băng chỉ màu (đỏ, trắng, vàng) ở giữa thân váy. Váy được tạo thành bằng hai mảnh vải tự dệt khổ trung bình.

Loại váy *xút (kaỉ xút)* và váy *nương (kai nương)* được dệt và trang trí đặc biệt hơn, màu đỏ chiếm toàn bộ trên các phần trang trí của váy, chỉ dùng cho những người già hoặc đàn ông lớn tuổi mặc khi thổi *đinh* trong lễ hội cộng đồng. Những người già khi chết cũng được mặc váy này để về thế giới bên kia. Cách may và sử dụng loại váy này cũng giống như các loại váy ở trên.

Phụ nữ Giẻ Triêng rất thích đeo đồ trang sức như chuỗi cườm (ở thắt lưng), vòng tay, vòng cổ, vòng chân, khuyên tai làm bằng kim loại, hạt nhựa hoặc hạt cây rừng.

Những loại trang sức này không chỉ thể hiện điều kiện kinh tế của họ mà còn giúp họ đẹp hơn, tự tin hơn khi giao tiếp với xã hội.

Váy dùng trong cưới hỏi, lễ hội của phụ nữ Giẻ Triêng cũng có nhiều loại với các tên gọi khác nhau:

Váy *kai (hay k'tu, kle):* là loại váy đẹp và quý, trên váy có các đường chỉ màu để phân cách các băng màu đối chọi với nhau như: đen, vàng, đỏ, trắng... Thân váy có hai băng hoa văn màu đỏ, trắng trang trí ở cạp và gấu, gọi là *poók voong, voong.* Hoa văn này tượng trưng cho mũi tên độc để săn bắn thú rừng và tiêu diệt kẻ thù.

Váy *pang (kai pang)* và váy *xút pang (kai xút pang)* là loại váy màu đen, xen kẽ các băng màu đỏ. Có một băng hoa văn trang trí cách chân váy khoảng 5cm được gọi là *pang hoốc r'pang.* Tên gọi này có ý nghĩa tượng trưng cho những hạt gạo hoặc đường đi cõng hạt gạo của người Giẻ Triêng. Hoa văn dệt bằng chỉ trắng xen kẽ đường chỉ đen và chỉ đỏ.

Ngoài hoa văn dệt như trên, trước đây váy pang còn được đính những hạt cườm, nên váy còn có ý nghĩa là hạt cườm *(nhúc).*

Tấm dồ là đồ khoác không thể thiếu của phụ nữ Giẻ Triêng trong các dịp cưới hỏi, lễ hội. Tấm dồ có nhiều loại với cách trang trí hoa văn khác nhau:

Tấm dồ *xút paga (ra mo ong xút paga)* có màu đỏ, hoa văn trang trí chính trên tấm dồ có tên là *paga,* được cách điệu từ mạng nhện với ý nghĩa tượng trưng cho sự đoàn kết của các thành viên trong cộng đồng. Hoa văn *paga* bao

giờ cũng được trang trí ở chính giữa băng chỉ màu đỏ nên nó còn có ý nghĩa tượng trưng cho trái tim.

Một loại hoa văn nữa trên tấm dồ này gọi là *lăn, hoốc coong nhoong*, tượng trưng cho hạt bắp, cả băng hoa văn này tượng trưng cho đường lớn đi cõng hạt bắp.

Tấm dồ *xút (ra moong xút)* là tấm dồ màu đỏ thêm nhiều đường chỉ vàng. Hoa văn chính ở đây là hai băng hoa văn màu trắng gọi là *pang*, tượng trưng cho hạt gạo.

Tấm dồ *tem (ra mo ong tem)* có màu đỏ xen kẽ các đường chỉ màu đen và màu trắng. Trên tấm dồ có hoa văn poóc thông, hoa văn grai v.v...

### ❁ Trang phục nam giới Giẻ Triêng

Nam giới để tóc ngắn hoặc đội khăn chàm theo lối chữ nhất trên đầu. Thân ở trần hoặc khoác tấm áo ngoài chéo qua vai, màu chàm có các sọc trang trí. Họ mang khố khổ hẹp, dài, không có tua, thân và các mép khố được viền và trang trí hoa văn ở hai đầu trên nền chàm. Nam giới cũng đeo vòng cổ, vòng ngoài khố đính chuỗi hạt cườm. Các phong tục xăm mặt, xăm mình, cưa răng, đàn ông búi tóc sau gáy ngày nay đã không còn tồn tại.

Khố của người Giẻ Triêng được phân ra nhiều loại cho nhiều lứa tuổi sử dụng:

Khố *k'nhùc (klai k'nhùc)* là loại dành cho người cao tuổi.

Khố *teng jun (klai teng jun)* là loại phổ biến, được nhiều người sử dụng.

Khố *teng nọk (klai teng nọk)* cả người trẻ và người già đều có thể mặc.

Khố *teng treo (klai teng treo)*, đàn ông khi đi săn bắn và sản xuất thường mặc loại khố này.

Khố *ling (klai ling)*, khố *tênh (klai tênh)* là loại khố của những người đàn ông nghèo khổ, độc thân.

Kích thước trung bình của các loại khố: dài 3,5m - 4m, rộng 25 - 30cm. Khố mặc thường ngày phần lớn không trang trí hoa văn và ít màu sắc.

Tấm choàng *(lăng la):* làm bằng vải tự dệt màu chàm, dài ba sải tay, được dệt trang trí hoa văn theo bố cục dải băng truyền thống với các màu trắng, đỏ, xanh. Về mùa rét, đàn ông Giẻ Triêng khoác thêm tấm choàng cho khỏi lạnh. Tấm choàng còn được khoác phủ lên vai thay cho chiếc áo trong dịp hội hè để tham gia múa tập thể có sử dụng nhạc cụ cổ truyền.

Có nhiều cách mang tấm choàng: hoặc là quấn chéo qua vai trái xuống nách phải và hông thành vài vòng rồi buông thõng xuống trùm quá gối. Với lối khoác này, tay và nách phải ở trên, tay và vai trái ở dưới. Người ta cũng có thể quấn tấm choàng thành vòng rộng từ cổ xuống bụng; hoặc theo kiểu dấu nhân trước ngực vòng ra thân sau. Tấm choàng dùng cho đàn ông thường dài sát chân, tấm choàng dùng cho phụ nữ thường ngắn đến ngang lưng. Cả hai loại tấm choàng này không có hoa văn, chỉ có phần trang trí được phân biệt bằng các băng chỉ màu đỏ, vàng, trắng phân ra làm hai phần: phần trên gọi là *joốc,* phần dưới là *chì.* Joốc và chi trang trí trên tấm choàng có tác dụng để khi dùng người ta dễ dàng phân biệt phần trên và phần dưới của tấm choàng.

Trong cưới hỏi, lễ hội, nam giới Giẻ Triêng thường

khoác tấm choàng đẹp và mới. Tấm choàng có nhiều loại với các tên gọi khác nhau. Mỗi tấm sử dụng theo lứa tuổi riêng: tấm choàng *xút paga (lăng la xút paga)* dùng cho người già. Tấm choàng *chi (lăng la chi)* dùng cho thanh niên, trung niên khoác trong lễ hội, nếu cũ được mang ra mặc ngày thường khi đi lao động sản xuất. Tấm choàng *na na* chủ yếu màu đen, dài l,3m, rộng 1m. Hai đầu theo chiều ngang của tấm choàng có một khoảng 4cm được dệt trang trí những đường nhỏ màu vàng, đỏ và trắng. Hai đường màu vàng chạy song song hai bên, tiếp đến là hai đường màu đỏ, ở giữa là đường màu trắng.

Hiện nay, tấm choàng không còn được sử dụng rộng rãi nữa, thay vào đó là những chiếc áo khoác may theo kiểu hiện đại.

Tấm dồ: Trước kia, trong mùa lạnh, khi tham gia lễ hội cộng đồng, cả nam và nữ người Giẻ Triêng đều khoác hai loại tấm dồ, đó là dồ đơn và dồ đôi khi nhảy múa. Trong cộng đồng, tuỳ từng thứ bậc, lứa tuổi khác nhau mà họ dệt và sử dụng những loại dồ khác nhau:

Tấm dồ đơn *(a coọc hoổc a day)* được dệt hoàn toàn bằng sợi bông màu đen, rộng từ l,2-l,4m, dài 1,6-2m. Trên tấm dồ đơn trang trí 4 băng chỉ đỏ chạy theo chiều dài, 2 băng lớn nằm ở 2 mép có kích thước 4cm, 2 băng nhỏ nằm ở giữa tấm dồ có kích thước 2 cm.

Tấm dồ đôi *(ra moong xút)* được dệt hoàn toàn bằng sợi chỉ bông màu đen, rộng khoảng 1,2-1,4m, dài từ 3,4-3,8m. Cách trang trí trên tấm dồ đôi cũng giống như trang trí trên tấm dồ đơn. Loại này dành cho người cao tuổi sử dụng.

Dồ đôi và dồ đơn được sử dụng cho cả đàn ông và phụ

nữ, dồ đơn sử dụng cho một người, dồ đôi khoác cho hai người - thường là một cặp thân thiết cùng múa tập thể và uống rượu cần trong lễ hội cộng đồng.

Tấm *dồ xan (ra moong xan)* dùng cho thanh niên, người trung niên.

### ✿ Trang sức

Nam, nữ Giẻ Triêng đều thích đeo vòng đồng, các chuỗi hạt cườm, vòng kiềng, dây lục lạc, vòng đồng móc xoắn tròn... ở cổ, tay, chân, thắt lưng, lỗ tai. Ở những gia đình khá giả, con gái thường đeo bông tai bằng những khoanh ngà voi hoặc bạc, vàng... Ngoài ra, phụ nữ còn đeo xâu chuỗi hạt cườm đủ màu sắc trên người để tăng thêm vẻ quyến rũ. Xâu chuỗi được xâu kế thứ tự từng màu, mỗi đoạn xâu 34 hạt cườm, cứ thế nối dài 7cm, có khi xâu cùng một màu. Đây cũng là một nghệ thuật làm đẹp ở những người phụ nữ. Họ rất nâng niu quý trọng những xâu chuỗi hạt cườm tự tay mình tạo ra.

## 8. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI HRÊ

### ✿ Vài nét về trang phục

Người Hrê có nghề dệt vải từ rất sớm theo cách thức cổ truyền Inđônêdiêng. Bộ dụng cụ dệt gồm que, thanh, ống rời nhau, đều làm bằng gỗ hoặc tre. Chỉ khi giăng thảm sợi để dệt, chúng mới liên kết với nhau thành một hệ thống. Vừa dệt, họ vừa lựa các canh chỉ màu để tạo hoa văn trên vải. Trước kia, nguyên liệu để dệt thổ cẩm thường được lấy từ quả bông. Người ta mang quả bông về phơi

nắng cho cánh nở bung, sau đó đánh cho tơi xốp rồi kéo thành sợi.

Để cho bộ váy áo của mình đẹp hơn, người ta thường trang trí ở gấu váy, rìa tay áo bằng sợi chỉ màu, hoặc kết bằng cườm nhỏ màu trắng và màu đỏ. Sự độc đáo của hoa văn trên thổ cẩm của người Hrê còn ở chỗ nó được dệt cài, chứ không phải là những đường thêu bằng chỉ màu trên nền vải như vẫn thường thấy. Để dệt một tấm thổ cẩm hoàn chỉnh, tuỳ theo từng loại và kích thước mà thời gian là một tuần hoặc cả tháng mới xong.

Hoa văn được thể hiện trên những tấm thổ cẩm của người Hrê cũng rất đa dạng và phong phú, thường là cảnh núi rừng, sông suối, trời mây, nương rẫy... Những hoa văn đó được thể hiện ở dạng hình quả trám, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông... tạo thành những ô nối tiếp nhau, hoặc hoa văn đường thẳng, đường lượn tạo nên hình dáng cách điệu như con sông, con suối, hay hoa văn có hình giống các loài vật như mỏ gà, mũi tên, tổ ong, da rắn, da trăn, lá cây...

Ngày nay, người Hrê mặc quần áo như người Kinh, riêng cách quấn khăn, trùm khăn vải vẫn như xưa. Phần lớn nữ giới vẫn mặc váy, nhưng may bằng chất vải tổng hợp. Bên cạnh những bộ trang phục truyền thống, người Hrê còn thích đeo trang sức bằng đồng, bạc, hạt cườm; nam nữ đều đeo vòng cổ, vòng tay, nữ có thêm vòng chân và hoa tai.

### ❁ Trang phục phụ nữ Hrê

Phụ nữ Hrê thường ngày rất thích mặc váy áo được dệt bằng vải đen có trang trí hoa văn thổ cẩm, họ quan niệm màu đen là màu kín đáo, dịu dàng và mạnh mẽ...

Bộ váy áo vải thường gọi là *Ca tưư iu găm* (găm tức là màu đen). Tuy nhiên, chỉ có váy nhất thiết phải là màu đen, còn áo thì tùy thích, người ta có thể mặc áo nhiều màu khác nhau.

Váy vải thường có ba loại:

Váy một lớp, gấu váy dài dưới đầu gối khoảng 20cm hoặc dài tới mắt cá chân, gọi là *ca tưư li.*

Váy hai lớp, một lớp gấu váy dài dưới đầu gối khoảng 20cm (lớp ngoài), một lớp dài tới mắt cá chân (lớp trong), gọi là *ca tưư mọiq li, moiq hchon.*

Váy có hai lớp bằng nhau, dài tới mắt cá chân, gọi là *ca tưư hjup.*

Váy thổ cẩm chỉ có một loại, thường người ta may một lớp, dài tới mắt cá chân.

Phụ nữ Hrê thích đeo trang sức ở cổ, tai, cổ tay. Đồ trang sức thường làm bằng đồng, bằng bạc... rất phong phú, đa dạng. Chiếc khăn đội đầu, choàng cổ của các chàng trai, cô gái góp phần tô điểm sự duyên dáng, vẻ đẹp huyền ảo khi tham dự lễ hội hay trong sinh hoạt thường ngày của người Hrê xưa.

### ❁ Trang phục nam giới Hrê

Đàn ông Hrê xưa thường đóng khố *(kpen/ hpen),* ở trần, quấn khăn hoặc mặc bộ quần áo vải thường (may kiểu bà ba). Nam, nữ đều búi tóc cài trâm hoặc lông chim.

Khố có hai loại:

Loại nhỏ gọi là *hpen dham,* dành cho thanh niên và trung niên. Chiều rộng của khố khoảng 18cm, chiều dài



khoảng 4,5m - 5m, họa tiết hoa văn đơn giản, nhẹ nhàng. Thân khố màu đen, có ba đường sọc: màu trắng chính giữa, hai đường sọc màu đỏ hai bên; hai đầu chiếc khố có năm đường hoa văn, nhưng không rõ nét như hoa văn của áo, có tua khoảng 15cm.

Loại lớn gọi là *hpen vroang* dành cho người già được kính trọng và những người khá giả về kinh tế. Chiều rộng của khố khoảng 20cm, chiều dài khoảng 5m - 5,5m; thân khố màu đen, có ba đường sọc: màu trắng chính giữa, hai đường sọc màu đỏ hai viền như *hpen dham* nhưng lớn hơn; hai đầu khố có 7 đường hoa văn sặc sỡ, tua dài khoảng 20cm.

Bộ quần áo vải thường của đàn ông Hrê có màu chủ đạo là màu đen, áo cổ tròn, dài tay, có hai túi ở phía trước. Quần thường dài tới mắt cá chân và không có túi.

Để cho bộ trang phục của mình đẹp hơn, nam giới Hrê thích trang trí ở những đường rìa quần áo bằng sợi chỉ màu hoặc vải màu đỏ, kết hợp với những hạt cườm màu trắng hoặc đỏ, tạo thành hoa văn đặc sắc.

## 9. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI KHƠME

### ❁ Vài nét về trang phục

Dân tộc Khơme sống tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang. Trang phục cổ truyền của người Khơme đặc sắc ở lối mặc váy và gắn với tín ngưỡng đạo Phật.

Người Khơme có kỹ thuật nhuộm truyền thống là "tkat" và "ba-tik" khiến vải vóc, tơ lụa bóng mịn và màu sắc không phai. Trước khi nhuộm vải, người thợ dệt phải định hình sẵn trong đầu những mẫu họa tiết hoa văn định làm, rồi mới mắc những lọn tơ thành mành để phân phối màu. Muốn nhuộm bao nhiêu màu thì phải đánh dấu bấy nhiêu đoạn sợi. Nhuộm xong màu nào, họ lấy nilon bó đoạn đó lại và tiếp tục mở đoạn khác ra để nhuộm màu khác. Công đoạn nhuộm màu cho mỗi một tấm vải thổ cẩm có khi phải mất cả tháng trời mới hoàn tất.

Quy trình nhuộm tơ phức tạp như vậy, song quy trình dệt còn rắc rối hơn nhiều. Dệt lụa thổ cẩm để làm xà rông hoặc khăn choàng, người Khơme thường sử dụng kỹ thuật dệt 3 lớp sợi tơ với 3 màu khác nhau. Loại thổ cẩm này nếu nhìn thẳng sẽ thấy màu xanh, nhìn nghiêng bên trái thấy màu cam, nghiêng bên phải thấy màu đỏ. Còn loại thổ cẩm

làm thành bức họa hoặc khăn trải bàn thì mẫu hoa văn thường phỏng theo các tích truyện cổ (tuồng cổ) nên kỹ thuật dệt vô cùng phức tạp, tỉ mỉ, không phải ai biết nghề cũng có thể dệt được. Người giỏi nghề cũng phải làm cả năm trời mới hoàn thành được tấm thổ cẩm có cốt truyện sinh động...

### Trang phục phụ nữ Khơme

Phụ nữ Khơme thường mặc váy, áo *(tầm vông chor-phum)* dệt bằng tơ tằm, sợi bông hay chỉ kim tuyến với các loại hoa văn khác nhau. Điểm nổi bật trên trang phục truyền thống của họ là bao giờ cũng đính hạt cườm hay kim sa sáng lấp lánh, kết hợp với hoa văn tinh xảo, màu sắc sặc sỡ... Trên váy, họa tiết trái trám là hoa văn chủ đạo, kích thước rộng khoảng 1m, dài 3,5 m; khi mặc cuốn lại che nửa người phía dưới... Phụ nữ Khơme giáp vùng biên giới Việt Nam - Camphuchia như Hòn Đất, Hà Tiên thường mua các loại váy áo tầm-vông vấn khăn *(krama)* in hoa lá sặc sỡ từ Camphuchia. Ngày nay, để giản tiện trong sinh hoạt, nhiều phụ nữ Khơme ăn mặc giống như người Kinh trong ngày thường. Song, tất cả những điều này không có nghĩa là ý thức về bản sắc trang phục truyền thống đã phai nhạt trong suy nghĩ của họ.

Vào mỗi dịp lễ tết, lên chùa lễ Phật, vẻ đẹp của trang phục và đồ trang sức càng rực rỡ hơn. Họ mặc xà-rông có đính chuỗi hạt cườm ở cạp. Áo tầm-vông với các loại hoa văn màu trắng hoặc vàng là màu chủ đạo. Màu vàng được ưa dùng vì nó gợi không khí hội hè, cũng là những sắc màu trong trang trí kiến trúc tôn giáo truyền thống thường gặp

tại các ngôi chùa Phật giáo. Để tôn thêm nét dịu dàng, uyển chuyển đầy nữ tính, trong bộ lễ phục này không thể thiếu "sbay" - một loại khăn lụa màu xanh mềm mại, cuốn chéo từ vai trái xuống bên sườn phải.

Người Khơme quan niệm, để được khoẻ mạnh, cần đeo vào cổ, tay hoặc thắt lưng một sợi dây bùa gắn một mảnh xương hay nanh vuốt của thú dữ như hổ, cá sấu, heo rừng,... để ngăn trừ gió độc và tà ma. Đối với người Khơme, trang sức của họ ẩn chứa một khát vọng lớn lao cầu mong niềm vui và sức khoẻ. Phụ nữ đeo bông tai to như những trái cây chín mọng, gợi cảm giác họ là người chăm chỉ và khoẻ mạnh. Từ người già đến trẻ em, ai ai cũng đều đeo một loại trang sức nào đó.

Với người Khơme, trang sức là vật không thể thiếu trong đời sống của họ. Những món đồ trang sức là của hồi môn có thể truyền qua nhiều đời. Những chiếc vòng cổ, lắc tay thường có mô-típ đa dạng như hình trăng lưỡi liềm, hình thoi, trái cây, hình chim, thú vv...

Ngày thường, phụ nữ Khơme chỉ đeo một đôi hoa tai, đeo vòng cườm, nhưng vào ngày lễ tết, họ thích đeo nhiều hơn. Sau những ngày tháng lo công việc đồng áng vất vả, vào mùa xuân, họ dành thời gian cho những buổi họp mặt, vui chơi và tổ chức các đám cưới. Vào dịp này, các cô gái Khơme đều xúng xính trong những bộ váy áo mới, trang sức lộng lẫy, tạo nên bức tranh đầy màu sắc.

Do đặc điểm khí hậu Nam Bộ thường xuyên nắng nóng, phụ nữ Khơme thường chọn chất liệu vải mềm, mỏng để may y phục. Trước đây, phụ nữ Khơme mặc váy (xà rông), áo bà ba đen và quàng khăn rằn.



*Trang phục lễ hội của phụ nữ Khơme*

Áo *(ao)* của phụ nữ Khơme có hai kiểu thông dụng là kiểu áo dài và kiểu áo ngắn.

Áo dài *(ao quyện, ao giây):* Đây là kiểu áo dài chui đầu, may bít tà, không xẻ nách, không cài cúc ở thân áo. Từ cổ đến gấu áo dài trung bình 100cm, tay áo dài khoảng 50cm. Áo thường may bằng vải hoa màu đen, gọi là vải xăng đăm. Áo có các bộ phận: tay áo *(đay ao),* cổ áo *(co ao),* thân áo *(thân kuỏn ao),* bông hoa trên tà áo *(pha ka),* nút buộc *(âu ao).* Đây là loại áo cổ truyền của đồng bào Khơme vùng Trà Vinh. Loại áo này khi sử dụng trong ngày thường được gọi là *ao giây,* khi sử dụng trong đám cưới và lễ hội gọi là *ao quyện.* Trên áo thường có các dạng hoa văn cỏ cây, hoa quả như hình bông sen, bắp ngô, cành hoa,...

Áo ngắn được cắt may bằng vải phin, cộc tay cổ vuông, rộng. Áo may chít nách và hơi xoè rộng gấu áo.

Váy *(xà rông)* thường là một mảnh vải thổ cẩm rộng 100 - 350cm. Nền vải màu in nhiều họa tiết hoa văn đẹp với mô típ hình thoi *(léc côm)* là chủ đạo, cạp và gấu váy có các dải hoa văn chạy theo hàng ngang với 9 chữ thập đối xứng nhau, tượng trưng cho các ngôi sao trên trời *(pcài)*. Thân váy trang trí 4 dải hoa văn chạy theo lối băng ngang, cách đều nhau 16cm với mô típ hoa văn kiêu chân đèn và các vì sao cách điệu. Gấu váy (*chưn xà rông)* có mô típ hoa văn chân đèn cách điệu *(chỉn chong kiêng)* chạy xung quanh. Bên cạnh chân đèn là các họa tiết hình sao. Cạp váy *(ta vot*) trang trí ô hình tam giác *(ca lac bak*), hình tháp nhọn màu đen *(kha bach bầu nội)*. Kiểu váy này được mặc trong các ngày lễ hội và cưới hỏi, ngày thường người Khơme rất hiếm khi mặc.

Khăn *(khăn seng)* được làm từ vải sợi bông, dài trung bình 180cm, rộng 75-80cm. Khăn có nhiều kiểu khác nhau, nhưng phổ biến có hai loại: loại không có hoa văn thường màu trắng *(eo)* và có hoa văn (là các đường kẻ dọc và ngang với màu sắc khá đa dạng như đen, trắng). Đầu khăn (*đê day)* dệt kẻ ô vuông (*cal buôi chơ rung)*.

Khác với các tộc người khác cùng cư trú, khăn của người Khơme ít dùng để cuốn trên đầu mà thường là vắt xuôi hoặc vắt chéo ở vai. Khi vắt chéo vai, khăn được quấn từ nách phải vát lên vai trái rồi luồn qua nách phải, một đầu khăn được cuốn lên phía trước ngực và một đầu khăn được thả sau lưng bên trái.

Trong những dịp lễ hội, phụ nữ thường mặc váy, áo dệt bằng sợi tơ tằm hay sợi bông, có dệt xen chỉ kim tuyến cùng các loại hoa văn khác nhau. Điểm nổi bật trên trang

phục lễ hội truyền thống của phụ nữ Khơme là những mô típ trang trí đính hạt cườm kim sa sáng lấp loáng kết hợp với hoa văn tinh xảo. Thêm vào đó là gam màu khá sặc sỡ làm tăng thêm vẻ đẹp cho người mặc.

Tuỳ vào khung cảnh, lễ tết, lên chùa lễ Phật hay về nhà chồng, trang phục của người phụ nữ Khơme cũng khác nhau. Trong dịp tết cổ truyền năm mới *(chôl chnăm thmầy)*, diễn ra từ ngày 12 đến ngày 14 tháng Tư (dương lịch) hay vào dịp tết Nguyên Đán của người Kinh, các cô gái Khơme bao giờ cũng mặc những bộ váy áo đẹp nhất, kèm theo rất nhiều đồ trang sức để lên chùa lễ Phật, hay tập trung ở sân bãi nào đó trong phum, sóc để hẹn hò, tìm hiểu.

Hiện nay, thường ngày phụ nữ Khơme mặc áo dài, quấn xà rông. Để giản tiện trong sinh hoạt, nhiều phụ nữ Khơme ngày thường mặc giống như người Kinh Nam Bộ. Có thể nói, trang phục tộc người Khơme chịu ảnh hưởng từ nhiều luồng giao thoa văn hoá, dẫn tới sự biến đổi trong trang phục tộc người .

Cô dâu Khơme trong trang phục cưới cổ truyền rất lộng lẫy. Cô dâu mặc chiếc *xăm pốt* bằng sợi kim tuyến hay tơ tằm màu đỏ sậm hoặc hồng cánh sen sậm, dài đến cổ chân, có hoa văn, cùng chiếc áo ngắn tay bó chẽn hoặc để hở một bên vai *(xa bây)*. Áo và *xăm pốt* được giữ chặt và gọn ghẽ bằng chiếc thắt lưng kim loại *(xai krò bách)*. Một tấm *sronko* có dạng như cái yếm hình bán nguyệt quàng phía trước quanh chân cổ, che phủ hết phần trên của ngực áo. Tấm *sronko* có màu đỏ, trang trí bằng những hạt cườm sặc sỡ, chung quanh kết tua diềm diêm dúa.

Cô dâu còn quàng xéo ngang ngực một chiếc khăn dài

hình chữ nhật *(khăn òn kon đây)* dệt bằng sợi kim tuyến. Sau cùng là cái mũ cưới quý phái hình tháp nhọn ba tầng kết hoa lộng lẫy (*kà păng* hoặc còn gọi là *kpâl plôp)* làm bằng kim loại hoặc giấy bồi cứng. Người ta bới tóc cao cho cô dâu trước khi đội mũ cưới *(mkot)* kiểu dân dã. Chiếc mũ này cũng màu đỏ, được trang trí sặc sỡ bởi các hạt ngọc trai, hạt xoàn nhân tạo, thêu hoa cườm... Ngoài ra, trên mũ cắm tua tủa các cây trâm *(sniêk sok)* gắn hoa tròn đủ màu như một rừng hoa khoe sắc. Nơi chân mũ gắn hai chuỗi hạt ngọc rủ dài xuống hai bên tai cô dâu.

Thời gian gần đây, trang phục của cô dâu Khơme đã có sự cải biên rất nhiều. Sự cải biên này xuất phát từ điều kiện nguyên vật liệu sẵn có và sự thay đổi về quan niệm tộc người theo xu thế mới. Một bộ trang phục cô dâu đã giản tiện chỉ có 3 thứ: áo, váy, khăn quàng vai.

Áo *(ao)* được cắt may bằng vải màu đỏ theo kiểu áo yếm. Áo chỉ che kín từ ngực trở xuống. Áo có 2 dây *(cose hot)* dài 24cm, rộng 3,5cm. Phần thân áo dài 25cm đính dầy đặc các chuỗi kim sa *(tô bôn)* với những kiểu trang trí khác nhau, phần ngực áo được đính các hàng kim sa chạy dọc, ở phần bụng các chuỗi hạt kim sa hình hoa được đính thành một dải hình chữ nhật. Gấu áo *(ch hếch)* được cắt lượn sóng theo hình đuôi tôm, phần gấu không trang trí kim sa mà chỉ là hoa văn của vải. Phần vạt sau không trang trí hoa văn. Khi mặc, luồn áo qua đầu và kéo khoá phía sau, áo chỉ che đến cạp váy.

Váy (xà rông) dài 105-110cm, được ghép bởi hai tấm vải liền mảnh, đường ghép ở hai bên sườn. Riêng mặt trước của váy, vải được xếp gấp lại thành một dải dài chạy suốt từ

cạp đến gấu váy. Ở dải vải này, trên nền đỏ, ngoài các dạng hoa văn in sẵn như hình thoi *(lẻc côm)* và hoa văn hình cây, còn đính những chuỗi kim sa thành hình cây hoa *(rác chna ro ka)*. Toàn bộ mặt trước váy được đính kín các hạt kim sa tạo thành các họa tiết lộng lẫy trong ô hình chữ nhật.

Khăn quàng vai *(so bây)* dài 172cm, rộng 20cm được may bằng hai lớp vải. Lớp dưới bằng sa tanh đỏ, lớp trên bằng vải bông đỏ in hoa. Toàn bộ phần giữa chiếc khăn được gắn 7 hàng hạt kim sa màu vàng tạo thành những bông hoa. Hai bên mép khăn cũng được gắn chuỗi kim sa tạo thành những dây hoa. Ở hai đầu khăn được gắn kim sa kiểu đứng và một bông hoa to, ngoài cùng là những tua hạt cườm nhỏ màu vàng dài 6cm. Toàn bộ quá trình gắn các chuỗi hạt kim sa và hạt cườm đều làm bằng tay. Kỹ thuật ghép các dây hoa thẳng hàng và các dây hoa ở hai mép khăn chứng tỏ trình độ cao hay thấp của người thợ thủ công. Đây là loại khăn dùng để trang điểm sau khi mặc áo, váy. Khi sử dụng, người ta vắt khăn trên vai trái sang nách phải rồi đính lại ở đó.

### ✿ Trang phục nam giới Khơme

Trong lao động sản xuất và trong sinh hoạt, nam giới Khơme thường mặc áo, quần dài, đi chân đất hoặc đi dép cao su.

Áo *(ao)* màu đen hoặc xanh, được cắt theo kiểu chui đầu, ngắn tay, cổ thấp tròn, xẻ ngực và cài cúc.

Quần được cắt may bằng vải phin màu, theo kiểu chân què; cạp, đũng, ống quần may rộng giống như quần của người Kinh.

Loại áo, quần kiểu truyền thống hiện chỉ còn thấy ở người già vùng nông thôn, lớp trẻ ngày nay mặc trang phục hiện đại.

Bộ y phục chú rể người Khơme gồm có áo và váy. Áo được may theo kiểu bà ba, cổ hình lá sen ta, áo được cắt nối ở gần cầu vai, nút áo được làm bằng các mảnh vải đỏ nhỏ bó lại. Đây là kiểu áo chú rể truyền thống của người Khơme.

Gần đây, người Khơme đã có kiểu áo cách tân cắt may bằng vải ka tê, kiểu áo đại cán bốn túi. Áo dài khoảng 70-80cm, rộng 50cm. Vạt trước trang trí 4 túi giả (thực ra chỉ làm nắp túi và được cài cúc giả) gồm 2 túi trên nhỏ, 2 túi dưới to hơn . Ở hai cầu vai, mỗi bên dài 12cm có một cúc giả. Tay áo dài khoảng 40cm rộng khoảng 15-18cm, phần tay áo không trang trí hoa văn. Vạt sau được cắt như kiểu áo đại cán.

Trong xã hội xưa của người Khơme, trang phục truyền thống nam giới (đặc biệt là tầng lớp quý tộc) nhất thiết phải có váy, là thành tố rất quan trọng bởi nó thể hiện đẳng cấp của người sử dụng. Hiện nay, trong cưới hỏi và các lễ hội, nam giới Khơme vẫn mặc váy theo văn hóa truyền thống.

Váy của chú rể Khơme là loại xà rông bằng vải lụa, in hoa, dài khoảng 150cm, rộng 100cm. Đây là một tấm vải dệt khổ rộng được gập đôi và khâu lại. Váy không có sự phân biệt cạp và gấu. Hoa văn trên thân váy có hai dạng cơ bản: hoa văn hình tháp và hoa văn hình cây.

Nhìn chung, ngoài đồ trang sức và trang phục, người Khơme còn có tục đeo bùa để trừ gió độc, tà ma. Bùa có ba loại: dây cột tay gọi là *kfse day* (là sợi chỉ hồng-đỏ, thường

đeo trong đám cưới), dây đeo cổ gọi là *k'se co* và dây thắt lưng gọi là *k'se chonkes.* Hiện nay, tục đeo bùa còn khá phổ biến nhất, là ở vùng biên giới giáp Campuchia.

## 10. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI KHƠ MÚ

### ✿ Vài nét về trang phục

Người Khơ Mú không phát triển nghề dệt vải, họ thường mua quần áo, váy của người Thái để mặc. Nhìn vào trang phục của người Khơ Mú, hầu như không nhận thấy nét riêng biệt của dân tộc này. Riêng đồ trang sức có đôi điểm khác biệt thể hiện qua cách trang trí những hàng tiền bạc và vỏ ốc ở thân áo của phụ nữ. Tuy nhiên, nét khác biệt này không nhiều, hiện chỉ còn thấy trong trang phục của những người cao tuổi. Ngày nay, phần lớn người Khơ Mú, nhất là nam giới đều ăn mặc theo người Kinh.

### ✿ Trang phục phụ nữ Khơ Mú

Trang phục thường ngày của phụ nữ Khơ Mú gồm khăn đội đầu, áo, yếm, thắt lưng, váy, xà cạp.

Khăn đội đầu *(hưm pông)* thường ngày gần giống chiếc khăn piêu của người Thái, được may bằng vải mộc hoặc nhuộm chàm, không trang trí hoa văn. Khăn dài khoảng 2m, rộng 38- 40cm tuỳ theo khổ vải dệt. Khăn quấn đi lễ hội là loại khăn thêu hoa văn một mặt rất đẹp. Người ta khéo léo quấn vòng quanh đầu để phô phần hoa văn ra ngoài.

Áo của phụ nữ Khơ Mú mặc thường ngày chủ yếu là áo ngắn màu chàm, xanh thẫm hoặc xanh lá mạ... Nẹp cổ liền



với nẹp ngực nhưng chỉ dài ngang ngực. Phía dưới hai nẹp ngực nối thêm những băng vải nhỏ màu đỏ, xanh, vàng... Áo thường có hai lớp vải, lớp trong là vải chéo xanh hoặc phin, lớp ngoài là vải dệt thô nhuộm chàm. Còn áo mặc trong những dịp lễ hội, cưới hỏi thường là áo dài. Khi mặc, áo dài sẽ trùm kín cạp váy khoảng 20cm. Với những phụ nữ khá giả, áo có sọc dọc theo nẹp ngực, dưới gấu thêu hoa văn, sau lưng đính hai dải chỉ màu có các tua dài sặc sỡ. Gấu tay áo nối những băng vải nhỏ màu xanh, đỏ, vàng. Với phụ nữ nghèo, áo không thêu thùa cầu kỳ mà chỉ trang trí mấy băng vải nhỏ trên nẹp ngực.

Váy: Thường là màu xanh lá cây, có hoa văn trang trí nhiều màu. Thông thường, các loại váy này được may bằng vải dệt thủ công màu xanh sẫm hoặc màu nâu chàm. Trên

váy thêu các họa tiết như mặt trời, hươu, nai, sóc, mèo... hay hình các loài hoa (cúc, mai...).

Yếm *(ươm):* Yếm được may bằng vải trắng hoặc hồng. Đầu yếm cắt lượn tròn, thêu hoa văn trang trí, đính hai dây vải để buộc vào cổ. Thân yếm đính hai dải vải dài hơn để buộc ra sau lưng dài 2m, rộng 20 cm. Khi dùng, họ gấp làm ba theo chiều dọc rồi quấn vòng quanh eo và dắt lại. Loại thắt lưng được làm bằng vải đỏ hoặc xanh, xâu vào một dây xà tích bằng vỏ ốc nhỏ, nay rất hiếm nên ít người dùng.

*Xà cạp:* Được phụ nữ Khơ Mú mặc hằng ngày, làm bằng vải màu chàm, dài khoảng 1m, rộng 40cm, gấp chéo theo chiều dọc. Khi dùng xà cạp phải quấn hai bên chân ngược chiều để đối xứng nhau.

Vào những dịp lễ, tết, phụ nữ Khơ Mú thường mặc những chiếc váy đẹp nhất. Họ có hai loại váy: một loại may bằng vải tơ tằm pha sợi bông *(còn khôm, còn như),* một loại may bằng lụa tơ tằm *(còn nhang).* Hoa văn trang trí trên váy rất đa dạng gồm hình mặt trời, mặt trăng, hươu, nai, rồng, chim công, gà lôi, các loại hoa thược dược, hoa ban, phong lan... Cũng trong dịp này, phụ nữ Khơ Mú còn dùng một loại khăn khác là khăn nối (một nửa là vải thô nhuộm chàm, một nửa dệt hoa văn) kết hợp với trang phục. Thắt lưng của những phụ nữ khá giả đeo trong dịp lễ, tết là loại thắt lưng đính nhiều mảnh bạc nhỏ hình tròn nối tiếp nhau. Cùng với những bộ y phục trên, trong dịp cưới hỏi, lễ hội, phụ nữ Khơ Mú còn đeo vòng đeo tay và vòng cổ bằng bạc để trang điểm cho thêm phần lộng lẫy, bắt mắt.

### Trang phục nam giới Khơ Mú

Xưa kia, đàn ông Khơ Mú để tóc dài, búi sau gáy, đội ra ngoài khăn vải chàm. Trang phục của đàn ông Khơ Mú gồm quần, áo ngắn và áo dài, khăn, túi vải...

Quần may kiểu chân què, cạp lá toạ, chất liệu là vải bông nhuộm chàm.

Áo: Đàn ông Khơ Mú mặc áo cánh ngắn tương tự như áo người Thái. Tuy nhiên, những lúc trang trọng họ cũng mặc thêm áo dài, được may hơi thắt phía eo, hai vạt xoè rộng, gấu lượn vòng cung.

Túi vải cũng là thứ trang phục tuỳ thân của đàn ông Khơ Mú, khi ra ngoài họ thường mang theo. Túi may từ vải tự dệt, trên mặt và quai túi trang trí hoa văn nhiều màu sắc.

Đàn ông Khơ Mú không có trang phục đặc trưng riêng biệt dành cho những ngày lễ hội, họ thường mặc những bộ y phục mới nhất trong dịp này.

### Trang sức

Trước kia, người Khơ Mú thường dùng vỏ ốc để trang sức, nhưng thời gian gần đây, họ đã sử dụng đồ trang sức bằng bạc, phổ biến gồm hoa tai, vòng cổ, vòng tay. Vòng cổ làm bằng bạc, có thể được trang trí bằng hoa văn quấn thừng, đường kính của vòng từ 18 - 20cm. Vòng được để hở khoảng 5,5cm, hai đầu được làm thành hình lưỡi mác. Ngoài ra còn có một loại vòng cổ khác được làm từ các đồng xu bạc, hình tròn. Người Khơ Mú đục lỗ qua các đồng xu, sau đó dùng dây xuyên thành một chuỗi để tạo thành vòng đeo cổ. Loại vòng này hiện nay rất phổ biến ở người

Khơ Mú Thanh Hóa, đặc biệt, nó thường được trẻ em và các thiếu nữ đeo.

## 11. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI MẠ

### ❁ Vài nét về trang phục

Người Mạ sống tập trung chủ yếu ở Lâm Đồng, nổi tiếng với nghề dệt vải, đặc biệt là người Mạ vùng lưu vực tả ngạn sông Đạ Dơng. Bông vải được trồng trên rẫy lúa. Người ta hái quả bông, phơi khô rồi đem cán và kéo thành sợi bằng những dụng cụ thô sơ, sau đó đem nhuộm bằng các loại vỏ cây, lá cây để tạo màu.

Thổ cẩm Mạ không những độc đáo về đường nét hoa văn mà còn tinh tế, hấp dẫn bởi các sắc màu được thể hiện nổi bật qua bàn tay khéo léo của người phụ nữ. Nói đến thổ cẩm cao nguyên, không thể không nói đến sự độc đáo, pha trộn hài hoà của màu sắc trên váy áo cổ truyền của người Mạ. Màu sắc hài hoà trên tấm vải của người Mạ khiến không một ai tin rằng nó được chiết suất từ vỏ và lá cây rừng.

Thổ cẩm Mạ gồm bốn màu chính: đỏ, vàng, đen, trắng. Màu trắng chính là màu của sợi bông vải. Màu đen được chiết suất từ lá cây ndêr mọc trong rừng sâu, lá có đường kính 2-3cm. Lá ndêr ngâm trong nước khoảng 7 ngày sẽ mủn ra rồi phân huỷ thành màu đen. Người ta lấy loại nước đen này trộn với tro của cây tre rồi cho sợi vào ngâm khoảng 3- 4 ngày, sau đó, vớt sợi ra phơi khô, sợi sẽ có màu đen bóng. Màu đỏ lấy từ vỏ cây vơsi và vỏ cây rơyôl -

giống cây leo, lá có nhiều lông, màu xanh lục. Hai loại vỏ cây này được đem cắt khúc, nấu khoảng nửa ngày sẽ ra nước màu đỏ đậm, sau đó người ta cho sợi vào ngâm khoảng 3 đêm rồi phơi khô, sợi sẽ có màu đỏ thẫm. Màu vàng được lấy từ củ nghệ rừng giã thật nát bỏ vào nước cùng với sợi, sau đó đem nấu khoảng 3 giờ, vớt ra phơi khô là được.

Có được màu sợi ưng ý nhưng chưa đủ. Tấm vải thổ cẩm đẹp hay không phần nhiều phụ thuộc vào công sức của người dệt vải. Người dệt ngồi dưới mặt đất, duỗi thẳng hai chân để trải khung dệt (bơnơ bơsa) ra. Khung dệt gồm những thanh gỗ đặt nằm ngang trên chân người dệt để mắc sợi. Tay người dệt cầm một cái suốt nhỏ luồn sợi chỉ ngang qua giống như động tác dệt chiếu theo lối thủ công của người Việt. Dụng cụ dệt thô sơ, tốc độ chậm nhưng sản phẩm dệt rất đẹp và được nhiều dân tộc ưa thích.

Toàn bộ các sản phẩm dệt được xử lý một cách tinh tế, hài hoà như một tác phẩm nghệ thuật, trong đó màu sắc và đường nét hoa văn hoà quyện trông rất đẹp mắt.

Với các sản phẩm như váy, áo, tấm đắp, khố... hai màu đen trắng được người Mạ sử dụng nhiều nhất, hầu như để làm màu nền cho các hoa văn trang trí.

Nếu tấm vải có nền màu trắng, các màu trang trí thường là màu sáng như vàng, đỏ, đôi khi chen vào đó ít màu đen và đà (màu xanh), làm cho họa tiết khoẻ khoắn, thể hiện những đường nét hoa văn, những khối hình vững chắc. Các đường viền màu chạy theo chiều dài tấm vải thường xen kẽ các màu đỏ, vàng-trắng, đỏ-đen, hay đỏ-đen-trắng, còn các họa tiết hoa văn hình khối được tạo nên

bởi một màu như đỏ, xanh hoặc đen. Có khi hoa văn hình khối được được tạo bởi các màu sắc khác nhau như xanh-đỏ, đỏ-đen, đỏ-xanh-trắng...

Nhìn chung, với loại vải cổ truyền màu trắng dùng làm áo, tấm đắp, người Mạ phối màu khá hợp lý, mạnh bạo nên nhìn rất khoẻ khoắn, sống động.

Với tấm vải nền đen, việc đặt màu sắc phải tính toán thận trọng và hợp lý vì màu đen rất khó đẩy các sắc độ lên. Để hạn chế điều đó và át đi một phần tối của màu đen, người Mạ thường sử dụng màu đỏ, vàng, trắng đi cạnh nhau. Đôi khi họ còn kết hợp cả màu đen với màu xanh-trắng để tạo ra đồ án hình học trên nền đỏ, gây hiệu quả thị giác, đó là khi nhìn các dải màu chạy trên nền đen của tấm vải thì màu đỏ như nổi bật lên. Việc đặt màu đỏ trên nền đen không phát huy độ cực nóng của màu đỏ, trái lại, còn hút một phần chất rực rỡ của màu đỏ vào lòng sâu của bóng tối, nhưng chính nhờ đó, sự rực rỡ lại trở nên sâu lắng, không bùng lên chói mắt mà đậm đà hơn, tạo một sức ấn tượng về mong muốn vươn lên, thoát khỏi bóng tối.

Nhằm tiếp sức cho màu đỏ, người Mạ còn dùng màu trắng và màu vàng làm nền bên cạnh màu đỏ đối chọi với màu đen. Cả mảng sáng này đã phát huy tác dụng, tạo thế vững chãi, lúc ẩn lúc hiện trong bóng tối của nền đen.

Một điều đáng chú ý là khi tạo trang phục, người Mạ không tách biệt việc dệt các tấm vải với việc cắt may. Thậm chí, họ còn kết hợp việc dệt vải và tạo hoa văn cùng một lúc. Vì thế, khi tấm vải hoàn tất, luôn có hoa văn theo sở thích của người dệt. Trên một mảnh vải lớn, họ cắt vải thành từng mảnh vừa với chiều dài của y phục,sau đó gấp



đôi lại thành thân trước và thân sau rồi khâu nối cạnh sườn và khoét cổ là mặc được.

Ngoài việc tạo trang phục, người Mạ còn đeo nhiều đồ trang sức nhằm tạo hiệu quả thẩm mỹ như đôi vòng hoa tai cỡ lớn bằng đồng, kền, ngà voi, gỗ hay những khoanh nứa *(kar)* vàng. Người Mạ thích mang nhiều vòng đồng ở cổ tay có những ngấn khắc chìm, dấu hiệu ghi nhận các lễ hiến sinh tế thần linh cầu may mắn, phụ nữ còn mang vòng chân bằng đồng với nhiều vòng xoắn.

Hiện nay, việc đeo các đôi hoa tai cỡ lớn không còn tồn tại trong cộng đồng Mạ nhưng quan niệm về cái đẹp này vẫn còn lưu lại vết tích ở nhiều người già, thể hiện qua

vành tai rất rộng do họ đã từng đeo những vòng to bằng gỗ hay ngà voi ở lỗ tai.

Nhìn chung, y phục của người Mạ tới nay có nhiều thay đổi, khi lao động, nam giới thường mặc quần đùi, chỉ một số người già còn đóng khố. Nữ giới tuy vẫn còn mặc váy quấn nhưng nhiều cô gái đã ưa mặc váy tân thời (váy ống), khi đi xa, nam giới nhiều người mặc quần âu và áo sơ mi, phụ nữ thường mặc áo may sẵn ở các cửa hàng tạp hóa.

### ❁ Trang phục phụ nữ Mạ

Xưa phụ nữ Mạ ở trần, mặc váy, tóc dài búi sau gáy. Một số nhóm địa phương như Mạ Xốp, Mạ Tô mặc áo chui đầu. Áo mặc vừa sát thân, dài tới thắt lưng, không xẻ tà, vạt trước và sau bằng nhau, cổ áo tròn thấp. Nhìn tổng thể, áo hình chữ nhật, màu trắng. Nửa thân dưới phía trước và sau lưng trang trí hoa văn hình học đỏ, xanh kết hợp các dải băng ngang thân. Dọc hai mép áo dệt viền các sọc màu trang trí. Áo có nhiều loại, mỗi loại có tên gọi khác nhau, căn cứ vào mô típ hoa văn trang trí trên áo.

Áo ao kroh dài 55cm, rộng 44cm, vạt trước và sau đều nhau, may giáp hai đường sườn từ gấu đến nách (kín tà) bằng chỉ khác màu (xanh, đỏ), phía nách chừa một khoảng 15 - 20cm để xỏ tay. Cổ áo khoét hình bán nguyệt, viền chỉ màu xanh, đỏ, đen. Hoa văn trên thân áo thể hiện tài khéo léo của phụ nữ Mạ cũng như óc thẩm mỹ của họ trong cách dệt vải. Thân trước áo trang trí hoa văn từ cổ xuống đến gấu với những mô típ diễn tả thiên nhiên cùng những sinh hoạt trong đời sống thường nhật của họ như hoa cây bông, lá bí, con vượn, con hổ, chà gạc, cối giã gạo, mũi tên, ché rượu... Ngoài

mô típ hoa văn cổ truyền, ngày nay trên áo phụ nữ Mạ còn có những hoa văn diễn tả cuộc sống hiện đại như hình máy bay, hình người *(kon cau)*, các loại phù hiệu... Thân trước áo là mảng hoa văn rộng khoảng 27cm. Hoa văn ở mảng này được dệt bằng chỉ màu đỏ, đen, xanh... theo hàng ngang với các hình chân quạ, hình bán nguyệt *(nhai srăt)*, hình răng cưa *(dăl dhah)*. Thân sau áo trang trí mảng hoa văn rộng đến 54cm, chủ yếu là hình động vật như chân quạ, chim, hươu *(sếm pút)*, vượn *(kwain)*. Hai bên sườn áo có dải hoa văn vảy thằn lằn chạy suốt từ vai xuống gấu. Gấu áo viền một đường chỉ màu trang trí, khi mặc áo vừa sát thân.

Váy *(ôi mbơn)* của phụ nữ Mạ là loại váy cuốn dài 160cm, rộng 90cm. Váy như một tấm chăn hình chữ nhật, được ghép từ ba tấm vải, hai tấm hai bên và một tấm ở giữa. Trên váy trang trí những mảng hoa văn lớn màu xanh, đỏ, hồng, tím, vàng trên nền vải chàm sẫm. Hoa văn trên cạp váy được dệt, trang trí suốt chiều rộng của váy, với nhiều loại chỉ và len màu xanh đậm, chủ yếu là hình ốc sên, vảy bụng thằn lằn và hình zích zắc. Thân váy có mảng hoa văn lớn, thường là hoa văn hình học, hình thoi, cánh bướm... dệt ngang thân bằng chỉ vàng xanh, đỏ, tím. Ở phần cạp và gấu váy có mảng hoa văn là những đường chỉ màu song song xen kẽ với hàng hoa văn màu trắng và đen tượng trưng cho cối giã gạo *(npal)*. Hai mép váy là hoa văn vẩy bụng thằn lằn. Mảng giữa váy trang trí hoa văn hình thoi to, nhỏ lồng nhau *(garplarpung)* và những chấm đen trắng tượng trưng cho hạt dưa *(graprpung)*. Một mép váy có tua chỉ màu dài 3cm, mép kia đính những tuýp len xanh, đỏ, tím, vàng gọi là *bố hau* (bó hoa).

Nói chung, hoa văn dệt trên váy phụ nữ Mạ rất đa dạng, bố cục hoa văn phụ thuộc vào kỹ thuật dệt và khiếu thẩm mỹ của từng người.

Váy *ôi mbơn* là loại váy đẹp, dệt công phu nên được nhiều người ưa chuộng. Khi mặc, họ quấn một vòng quanh thân, khép mép không có tuýp len vào trong phía hông trái, mép có tuýp len sang phải để tuýp len lộ ra ngoài và chạy dọc theo chân bên sườn phải.

### ❁ Trang phục nam giới Mạ

Đàn ông Mạ trước kia thường để tóc dài búi sau gáy, ở trần, đóng khố. Riêng thủ lĩnh Mạ búi tóc cắm lông chim, kèm theo là bộ khiên giáo.Ngày nay, nhiều nam giới để tóc ngắn hoặc đội khăn chàm kiểu chữ nhất nhưng đa số vẫn đóng đóng khố ở trần hoặc khoác tấm áo màu chàm với các sọc trang trí chéo qua vai.

Nhìn chung, trang phục nam giới Mạ gồm:

Khố có nhiều loại khác nhau về kích thước và hoa văn trang trí. Loại khố sang trọng có đính hạt cườm, tua dài.

Khăn vắt vai *(úi còn)* của nam giới người Mạ không chỉ có giá trị sử dụng mà còn thể hiện giá trị nghệ thuật. Khăn vắt vai là một mảnh vải dài 186cm, rộng 33cm hai đầu có tua *(n dieng)* dài 7cm. Khăn màu đen trang trí nhiều hoa văn bằng chỉ màu xanh, trắng, vàng, hồng. Hiện nay, nam giới người Mạ chỉ sử dụng khăn vắt vai trong các lễ hội cổ truyền, còn thường ngày họ không sử dụng.

Áo đàn ông Mạ là loại chui đầu, có nhiều loại với những tên gọi khác nhau căn cứ vào kiểu dáng hoa văn trang trí. Áo có các loại: dài tay, ngắn tay và cộc tay.

Áo kroh làm bằng vải sợi bông, chui đầu, không tay, cổ áo hình bán nguyệt, cách cắt may đơn giản như áo nữ nhưng áo nam thường rộng hơn, hở tà, vạt sau dài hơn vạt trước, thêm tua dài ở vạt sau che kín mông khi mặc. Áo thường dài trên 70cm, với một tấm vải khổ rộng 46cm được cài go, đan sợi từ trong khung dệt. Nói đúng hơn là dệt áo. Tất cả các quy trình và bố cục hoa văn đều được thực hiện từ khâu dệt. Sau khi vải dệt xong, người ta chỉ cần gập đôi tấm vải, khoét cổ rồi khâu hai bên sườn là xong.

Các loại áo kroh của nam giới người Mạ ở cả thân trước và thân sau đều trang trí nổi bật hoa văn, những mảng hoa văn này chiếm 2/3 thân áo. Hoa văn chủ yếu là hình quả trám nằm ngang, hình sóng nước, hình bụng thằn lằn bằng chỉ xanh, đỏ trên nền vải trắng. Gấu áo, cổ áo viền chỉ màu đen.

Áo kroh kon cau: có cổ hình tim *(ngô kroh plai nus)*, vạt trước là các hoa văn hình mũi tên *(dap kon na)*, hình cái lược *(kút)*, người cưỡi ngựa *(di aseh)*, con gà *(kon rar)*, hoa cây gạo *(bo kau big fong)*, phù hiệu... Nhìn tổng quát, cả mặt trước và mặt sau áo còn dệt phối hợp chỉ màu xanh, đỏ trên nền trắng tạo thành hoa văn vẩy con trăn (kac klan). Đây là loại áo cổ truyền, được nam giới Mạ sử dụng phổ biến trong các ngày hội lễ lớn trong năm của dân tộc.

Áo kró được làm từ một mảnh vải tự dệt màu trắng, dài 140cm, rộng 60cm. Người ta gập đôi chiều dài miếng vải để làm thân trước và thân sau, khoét cổ rồi khâu nối hai cạnh sườn. Áo không có tay, cổ áo, gấu áo thường để tua, cổ áo hình bán nguyệt, quanh cổ viền một đường chỉ màu đen.

### ✿ Trang sức

Vòng tay *(kồng):* Không chỉ là đồ trang sức của phụ nữ mà nam giới người Mạ cũng có thói quen đeo vòng tay. Số lượng một hay nhiều vòng là tuỳ sở thích mỗi người. Vòng tay thường có đường kính 7-8cm.

Vòng vừa là đồ trang sức vừa là vật mang ý nghĩa tín ngưỡng, bởi người Mạ quan niệm đeo vòng có thể loại trừ được những điều xấu có hại đến con người. Ngoài ra, vòng tay còn là vật thể hiện một sự giao ước, một dấu ấn khi con người trở thành thành viên chính thức của buôn làng.

Người Mạ đeo vòng cho nhau trong những cuộc gặp gỡ bạn bè thân thiết hay gặp khách quý. Trong lễ cưới, lễ kết nghĩa anh em, người ta đeo vòng cho nhau để cầu mong sức khoẻ và mọi sự tốt đẹp. Khi đeo vòng cho nhau, người Mạ có một nghi lễ nhỏ: Đặt vòng lên chai rượu rồi nói chuyện với nhau, nếu đồng ý kết bạn thì rót rượu ra uống sau đó đeo vòng cho nhau, và từ đó họ coi nhau như anh em ruột thịt.

Trường hợp hai người cho nhau vay trâu bò thì khắc vào vòng của nhau, mỗi con là một vạch ngang...

Trên những chiếc vòng chân của người Mạ đều có những nét khắc chìm, đó là ký hiệu ghi nhận các lễ hiến sinh, tế thần linh cầu mong điều tốt lành.

## 12. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI MNÔNG

### ✿ Vài nét về trang phục

Dệt thổ cẩm là một trong những nghề truyền thống có từ lâu đời của người Mnông. Từ xưa, họ vẫn dùng loại

khung dệt bằng tre, giữ bằng chân, dệt bằng tay để tạo ra các loại sản phẩm thổ cẩm. Nói chung, một gia đình Mnông bao giờ cũng có máy quay làm bằng gỗ dùng để cán lọc bông vải; máy đánh bông cho nhừ làm bằng cật tre và lát dây mây; khúc cây tre cuốn bông; xa kéo sợi làm bằng gỗ và đặc biệt là khung dệt vải.

Phụ nữ Mnông tranh thủ mọi nơi, mọi lúc để làm ra vải vóc, áo váy, khố chăn. Sáng sớm, họ vừa thổi cơm vừa cặm cụi cuốn bông, kéo chỉ. Buổi tối, cơm nước xong, họ tranh thủ kéo sợi cho đến khuya mới đi ngủ. Người Mnông đánh giá tài năng, vẻ đẹp và đức hạnh của người phụ nữ qua tấm vải dệt được thể hiện trên những bộ trang phục mà họ mặc trong ngày hội. Các chàng trai kén vợ cũng dựa vào trang phục của các cô gái để lựa chọn. Chỉ cần nhìn vào cuộn sợi của bất cứ cô gái nào là có thể biết cô gái ấy có giỏi giang, chăm chỉ hay không. Một cô gái chăm chỉ, biết dệt vải, thêu thùa khéo tay là tiêu chuẩn hàng đầu để các chàng trai tìm đến.

Những bộ váy đẹp nhất được người Mnông dành cho những ngày lễ hội, cưới xin, khi dân làng tụ họp vui vẻ trong tiếng cồng chiêng. Nhìn chung, trang phục truyền thống của đồng bào Mnông vô cùng độc đáo. Đặc biệt, trong lễ hội, người Mnông có quy định về cách trang phục theo thứ bậc trong buôn, chẳng hạn, già làng, chủ lễ, thầy cúng mặc khố hoa, ngực quấn mền thay áo; nhóm đánh chiêng mặc khố hoa, ở trần; người đến dự mặc khố (đối với nam), mặc váy áo (đối với nữ); còn những phụ nữ tham gia lễ hội mặc váy hoa, áo cộc để tiện đánh chiêng, múa hát, tiếp khách...



Thời gian trước đây, nghề dệt thổ cẩm đem lại nhiều lợi ích cho người Mnông vì họ có thể tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, có việc làm trong thời gian nhàn rỗi và tạo thu nhập cho gia đình, nhưng đáng tiếc là những năm gần đây, do nhiều nguyên nhân, nghề dệt thổ cẩm của người Mnông đã mai một dần.

### Trang phục phụ nữ Mnông

Trang phục của phụ nữ Mnông gồm áo ngắn *(ao ur)* và váy quấn *(ôi m'bon)* hay *subăn,* hoặc *ôi pnô...* tùy theo tên gọi của từng địa phương.

Áo của phụ nữ Mnông là loại áo chui đầu, không có tay hay là tay lửng, dài quá khuỷu một chút, thân áo hầu như để nguyên, không trang trí gì. Xưa phụ nữ Mnông cũng ít khi mặc áo, họ ở trần, nhất là với những cô gái chưa chồng và có bộ ngực đẹp. Áo có nhiều loại: áo dếch có đường thêu

hoa văn đẹp, có loại dài tay và áo ngắn tay; áo dài tay *(ao nah)* có trang trí đường hoa văn ở gấu và ống tay.

Váy là y phục nổi bật trong trang phục của người Mnông. Váy mặc trong lao động có màu đen tuyền gọi là ôi ếch, còn các loại khác ít nhiều đều thêu dệt hoa văn. Váy thêu có các loại: Ôi m'bon, Rno, Rơnh, Ôi m'bon hô, Rơ tiêng.

Những dải hoa văn trang trí trên thân váy rất cầu kỳ và có màu sắc rực rỡ. Váy của phụ nữ Mnông thường có chiều dài cuốn quanh thân là 1,4 - 1,8m, chiều cao từ 0,7 đến 0,9m, khi mặc, gấu váy còn cách mắt cá chân 10cm.

Vào ngày lễ, ngày hội, phụ nữ Mnông thường mặc áo ngắn tay *(ao lieh toi* hay *ao krek)*, hoa văn được trang trí ở thân áo. Có nơi dùng mền hoặc khăn quấn trước ngực (quàng từ sau lưng đến trước ngực) thay cho áo.

Có nhiều loại váy được dùng trong lễ hội như:

Váy hoa *(ao mbon hô)* sử dụng trong lễ hội là loại váy hoa văn sặc sỡ ở thân váy và gấu váy kết hợp với áo ngắn tay *(ao liêh toi)* màu trắng, hoa văn sặc sỡ.

Váy ôi m'bon hô có đường hoa văn khoảng giữa thân váy, điểm những chùm tua chỉ bằng sợi bông màu đỏ.

Váy rơ tiêng tuy chất lượng hoa văn kém hơn váy ao mbon hô, nhưng cũng là váy khá thông dụng trong lễ hội của phụ nữ Mnông.

### ❁ Trang phục nam giới Mnông

Phần lớn trang phục đàn ông Mnông là khố và áo dài che qua mông. Trong thời kỳ xảy ra giao tranh giữa các nhóm Mnông, những chiến binh Mnông còn khoác lên người tấm mền gọi là su nhap.

Khố của đàn ông Mnông dài từ 5 -7m (gọi là ôi t'rônh). Trên khố trang trí hoa văn chạy theo chiều dài với màu sắc sặc sỡ như đỏ, xanh, vàng...

Áo: Đặc điểm chung của áo nam giới Mnông là cổ tròn, thân bằng vai và mở xuống một đoạn trước ngực, được đính khuy và khuyết. Áo có nhiều loại với nhiều tên gọi khác nhau:

Áo hở tà, vạt sau dài hơn vạt trước một chút. Áo mặc hơi chùng, ống tay áo vừa sát. Các dải hoa văn trang trí cũng nằm trên đường biên áo.

Bình thường đàn ông M'nông thường mặc áo biyang hàng ngày ở nhà, ở trong buôn hay khi đi làm nương rẫy.

Áo ndrõng là áo có tay dài, mở bụng, đồng thời cũng là một loại áo của người sang trọng trong xã hội.

Áo liên toi là áo cộc tay mặc khi lao động.

Áo kroh là áo mặc mát, chỉ có hai thân trước và sau.

Áo dir là áo được kết bằng vỏ cây lanh, che hai thân trước và sau. Áo này chỉ tồn tại đến khoảng giữa thế kỷ XX và là áo của người nghèo dùng khi trời trở lạnh, còn nhìn chung, đàn ông Mnông thường choàng tấm mền ở ngoài để giữ ấm.

Ngày xưa, trong các ngày lễ hội, đàn ông Mnông chủ yếu mặc khố, quấn gọn gàng ngang thắt lưng, phần tua dải trước và sau (dài từ 30-50 cm) vừa đủ che phần trước và phần sau của bụng, mông. Phần ngực quấn một cái khăn chéo từ lưng đến bụng, đầu quấn một dải vải đỏ, trên cắm một chiếc lông công, hai lỗ tai đeo hai khúc ngà voi.

Hiện nay, trong những ngày lễ hội, đàn ông M'nông mặc những loại áo riêng, gồm:

Áo nah kier: Áo dài tay, ngực áo kết những sợi chỉ đỏ thành mảng trang trí. Áo này chỉ dùng những khi có sinh hoạt long trọng trong cộng đồng và chỉ những người khá giả, có địa vị mới mặc.

Áo pal tô: Áo đẹp để mặc trong ngày hội của nhóm Prâng.

Ngoài ra, trong trang phục của những người đàn ông tuổi hơn 50, có thế lực trong buôn còn có thêm khăn chít nhiều lớp quanh đầu gọi là kưn ktêh, kưn tăn với nhiều dải, hai dải buông thõng ra sau lưng.

### ❁ Trang sức

Phụ nữ và đàn ông Mnông rất thích đeo trang sức. Họ làm hoa tai trang sức bằng ngà voi, cục gỗ nhẹ hay một đoạn nứa *(kar)*. Theo quan niệm của người Mnông, dái tai càng xệ xuống thì càng đẹp. Vì thế, trong cộng đồng Mnông đã lưu truyền những câu nói về tục đeo trang sức khá hay như:

*Tai không xỏ không sà xuống được*
*Răng không cà ló ra cửa mồm*

Hay:

*Nơi tay phải có vòng tẻ*
*Nơi cổ phải đeo xâu hạt cườm*

## 13. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI RƠ MĂM

### ❁ Vài nét về trang phục

Trước kia, nghề dệt phát triển khá mạnh trong cộng đồng người Rơ Măm, họ có đủ khả năng và kỹ thuật trồng cây bông vải trên rẫy, cung cấp cho nhu cầu may mặc của

mỗi gia đình. Nhà nào cũng có một vài rẫy bông và được chăm sóc cẩn thận. Nhưng gần đây, khi nền kinh tế thị trường phát triển, đồng bào Rơ Măm thường mua vải bán sẵn ở chợ về may quần áo.

### ✿ Trang phục phụ nữ Rơ Măm

Trang phục truyền thống phụ nữ Rơ Măm gồm váy và áo.

Váy là tấm vải được quấn quanh thân dưới người mặc, tạo nét mềm mại, duyên dáng, váy dài đến mắt cá chân, nối thêm miếng vải mỏng màu đen với những dãy hoa văn. Sau này, váy thường được may bằng vải thổ cẩm, dài qua đầu gối.

Áo được may rất đơn giản với kiểu tay cộc, cổ tròn, cầu vai may thẳng, để tua rua dài thả xuống khoảng tầm 15cm. Áo có dải hoa văn trang trí các đường viền màu đỏ làm nổi bật trang phục và nét duyên dáng của phụ nữ. Áo thường có màu sáng (màu nguyên của sợi bông), các đường viền cổ và cửa tay màu đỏ, gấu áo có dải băng trang trí (cao 1/4 thân áo) màu đỏ, hoa văn hình học.

Phụ nữ Rơ Măm thường hay mặc áo cộc tay, không trang trí hoa văn, không thêu không nhuộm trong các dịp nghi lễ của gia đình hoặc làng bản. Họ rất thích đeo hoa tai bằng ngà voi, bằng gỗ quý cùng nhiều đồ trang sức khác như vòng tay... Tục đeo hoa tai đã có từ lâu đời. Người khá giả thường đeo hoa tai bằng ngà voi, người nghèo đeo hoa tai bằng gỗ. Tương truyền, vùng đất tộc người Rơ Măm sinh sống hiếm ngà voi nên họ phải đổi nồi đồng (loại nồi 7, nồi 8), chiêng, ché... lấy hoa tai hoặc vòng tai bằng ngà voi từ các bộ tộc khác.



Phụ nữ Rơ Măm thích xâu lỗ dái tai để đeo vòng, đeo hoa. Có người đeo những chiếc hoa tai có đường kính 5- 6 cm, làm cho dái tai sệ xuống gần chấm vai. Hiện nay, tập tục này đang mai một dần. Ngoài ra, họ còn rất thích đeo vòng tay bằng đồng nhiều vòng xoắn và đeo chuỗi hạt cườm trên cổ.

### ✿ Trang phục nam giới Rơ Măm

Đàn ông Rơ Măm trước kia thường cắt tóc ngắn, đóng khố, cởi trần, khi trời lạnh họ quấn thêm chăn, khăn. Sau này, trang phục đã có sự thay đổi gồm áo và khố.

Khố: Được may dài, theo kiểu phía trước mặt khố thả xuống đầu gối, phía sau buông đến ống chân. Khố thường dùng màu trắng nguyên của vải mộc, không nhuộm.

Áo: Áo của nam có tay giống như một mảnh vải vuông được khoét trễ; hoa văn trên trang phục của nam thường

là các dạng hình tam giác, đa giác, đường thẳng, đường song song...

Đàn ông Rơ Măm không có trang phục lễ hội riêng biệt, vào những ngày lễ lớn họ thường chọn mặc những trang phục mới hoặc tốt nhất của mình.

## 14. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI TÀ ÔI

### ❁ Vài nét về trang phục

Phụ nữ Tà Ôi nổi tiếng với truyền thống dệt *(zèng)* vải bông màu đen có những dải màu trang trí. Nét độc đáo của sản phẩm dệt Tà Ôi là người dệt sẽ đưa cườm trực tiếp vào sản phẩm để dệt chứ không đính kết lên, đây là cách tạo hoa văn duy nhất bằng cườm chứ không tạo hoa văn bằng chỉ màu như các nơi khác. Tấm vải khi hoàn tất thể hiện vẻ đẹp độc đáo trong nghệ thuật sắp đặt hoa văn, trang trí họa tiết mang đậm sắc màu văn hóa truyền thống của người Tà Ôi như khuôn mặt ka-bu-anl (một loại chim trong rừng), hay quang-ta-ting (một loại quả rừng làm thuốc) với cách thể hiện rất mộc mạc, bình dị mà vô cùng tinh xảo.

Trước kia, người Tà Ôi sử dụng loại cườm bằng chì nên khi dệt xong, tấm vải rất nặng. Ngày nay, họ sử dụng loại cườm bằng đá để tạo ra những sản phẩm mang tính hữu dụng hơn. Vải gắn cườm được dệt trên một khung dệt nhỏ có đai buộc sau lưng người dệt. Người thợ dệt ngồi trên sàn nhà, dùng chân kéo căng sợi dọc trên khung tre. Bằng phương pháp này, phải mất ba ngày mới dệt được một mét vải. Loại vải này rất có giá trị với người Tà Ôi, họ coi nó là

biểu tượng của sự giàu có và cái đẹp. Trước đây, người Tà Ôi thường nhuộm sợi bằng nguyên liệu thiên nhiên, còn hiện nay, họ đã dùng phẩm hóa học. Loại vải này có thể giặt bằng tay trong nước lạnh, màu chỉ phai chút ít trong lần giặt đầu tiên.

Vào dịp cưới hỏi, người ta thường tặng cho cô dâu các tấm vải gắn cườm cùng những đồ vật khác như vàng, bạc, gia súc, cồng, chiêng đồng... Trong những ngôi nhà chung của buôn cũng như những nơi thờ cúng, người Tà Ôi dùng các tấm vải cườm để trang trí cùng với các đồ vật khác.

Nghề dệt zèng được lưu truyền từ rất lâu, qua nhiều thế hệ, trong đó, vai trò của người phụ nữ, người mẹ vô cùng quan trọng, bởi các cô gái lớn lên đều phải biết dệt những tấm zèng truyền thống của dân tộc mình do chính người mẹ truyền lại, biết dệt tấm zèng đẹp để tặng người trong gia đình nhà chồng, và đây còn là thước đo vẻ đẹp và sự khéo léo của cô dâu. Bởi vậy, dệt zèng đã trở thành nghề không thể thiếu trước đây.

Nam nữ Tà Ôi đều để tóc lá bài, mớ tóc rủ xuống ngang chân mày, phủ gần kín vùng trán. Số tóc còn lại được vuốt ngược hay chải lật ra phía sau rồi búi lại. Dùng để giữ hoặc làm đẹp thêm cho mái tóc là những cây trâm bằng kim loại, lược sừng hoặc lược đồng. Riêng đàn ông, khi cần tỏ ra tráng kiện họ còn quấn thêm một vành khăn, trên dắt vài ba chiếc lông chim dài và đẹp.

### ❁ Trang phục phụ nữ Tà Ôi

Một bộ trang phục thường ngày của phụ nữ Tà Ôi gồm dây cuốn đầu, áo, váy, vòng cổ, hoa tai...



Dây cuốn đầu dùng để trang trí được dệt bằng vải thổ cẩm, dài 50cm, rộng 5cm, hoa văn trang trí là các hình ngang và hoa thị trải dài cùng với màu chủ đạo là màu đỏ. Hai đầu dây có đính khuy và cúc để khi thắt qua đầu giữ cho dây khỏi tuột.

Áo *(ao)* của phụ nữ Tà Ôi may bằng vải bông nhuộm

đen, theo kiểu chui đầu *(pon cho)*, không tay. Áo được làm từ một tấm vải dài, khổ rộng 54 cm, gập đôi lại, khoét cổ phía trước và sau bằng nhau theo hình chữ V, nẹp viền bằng chỉ đen. Thân áo khâu từ gấu lên vai để chừa một khoảng rộng 15cm giáp vai để xỏ tay. Hoa văn trang trí tổng thể là chỉ đen, trắng. Trên áo có ba băng hoa văn dệt ngang, một ở vai và hai dải to hơn ở phần bụng và gấu, trên nền vải chàm đen.

Váy *(a dớ)* của phụ nữ Tà Ôi dệt từ sợi bông, may theo kiểu váy ống, với một băng dài gập đôi lại, khâu một đường nối hai đầu vải. Thân váy hình trụ, trang trí nhiều hoa văn bằng chỉ đỏ, vàng, xanh, trắng với năm dải hoa văn ngang. Tiếp giáp phần gấu là ba dải hoa văn chạy ngang hình quả trám bằng chỉ màu trắng trên nền đen, ba dải hoa văn này đan xen với những dải hoa văn hình sóng nước, hình răng cưa, xoắn ốc. Tiếp đến, ở gần cạp là mảng hoa văn chạy dọc bằng chỉ trắng, vàng, đỏ, trong đó điểm xuyết những bông hoa nổi bật trên nền chàm đen của váy. Khi mặc, họ váy quấn quanh hông và giắt mối ở phía bụng. Phụ nữ Tà Ôi có tục khi chưa lấy chồng thì mặc váy dài quá đầu gối, khi đã lấy chồng mặc váy ngang đầu gối. Mỗi khi đi chơi xa hay dự lễ hội, phụ nữ Tà Ôi thường mặc đẹp, đủ các loại váy, áo, thắt lưng và không quên mang theo chiếc gùi sau lưng.

### ❁ Trang phục nam giới Tà Ôi

Y phục truyền thống của đàn ông rất đơn giản với áo và khố, tuy nhiên, họ có thói quen đóng khố, ở trần.

Áo: Giống như áo phụ nữ, áo của đàn ông Tà Ôi thường may bằng vải bông nhuộm đen, cổ tròn nhưng có tay.

Khố: Được may dài đến ngang bắp chân với những dải họa tiết chạy dọc. Hoa văn tập trung chủ yếu từ giữa thân khố và kéo dài cho đến hết đuôi khố. Đàn ông quấn khố và để thả hai đầu khố trước sau dài bằng nhau. Vào dịp lễ hội, họ thường để tóc lá bài, khoác tấm choàng dài màu đỏ. Áo và khố màu xanh chàm có những sọc hoa văn đỏ.

### ❁ Trang sức

Đàn ông và đàn bà Tà Ôi đều đeo bông tai hình nón cụt bằng xương hay quý hơn là ngà voi. Đường kính của hoa tai to làm dái tai căng rộng. Họ thường đeo ở cổ những chuỗi vòng mã não màu nâu trong suốt hay những chuỗi hạt cườm nhiều màu quấn thành nhiều vòng; cổ tay, cổ chân đều đeo vòng bằng kim loại.

Hoa tai *(pa ra)* của phụ nữ Tà Ôi làm bằng nhôm, trên có hình xoắn ốc, hình dấu chấm hỏi, phần móc to hơn để luồn qua lỗ xâu ở dái tai. Họ quan niệm càng nhiều vòng xoắn thì càng đẹp. Vòng to, nặng, biểu hiện sự cường tráng của các chàng trai, cô gái. Họ đeo hoa tai càng lâu năm thì sức nặng của hoa tai sẽ kéo dái tai xệ xuống và họ xem đó là đẹp.

Vòng cổ là đồ trang sức được phụ nữ ưa dùng. Trước đây, phụ nữ thường dùng vòng cổ bằng bạc, đồng, nay thay thế bằng vòng hạt nhựa. Ngày thường họ đeo rất nhiều vòng, vòng cườm hạt tròn nhỏ nhiều màu, vòng nạt nhựa hình quả trám màu đỏ.

Đặc biệt, người Tà Ôi có tục đeo mã não vì đây là biểu tượng của quyền lực, giàu có, sang trọng và địa vị trong cộng đồng. Trong xã hội xưa, không phải ai cũng có mã não để đeo, chỉ những nhà giàu nhiều trâu bò, ruộng nương và

có vị thế trong cộng đồng mới mua được mã não, đặc biệt phụ nữ cao tuổi mới đeo mã não. Với những gia đình giàu có, hồi môn cho con gái trong ngày cưới là những chuỗi vòng đeo cổ hoặc vòng đeo tay bằng mã não. Gia đình nghèo dù rất khó khăn cũng cố kiếm lấy đôi ba hạt làm của hồi môn. Có thể nói, những hạt mã não thường gắn liền với phong tục thách cưới của người Tà Ôi.

## 15. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI XINH MUN

### ❁ Vài nét về trang phục

Trước đây, người Xinh Mun thường trao đổi hàng hóa với người Thái để lấy vải vóc quần áo, tuy nhiên, từ sau năm 1954, họ đã biết tự trồng bông, kéo sợi và tự túc được vải mặc.

Do ảnh hưởng từ nhiều dân tộc khác nên trang phục của người Xinh Mun không mang sắc thái khác biệt rõ rệt. Tuy nhiên, sự hòa trộn từ trang phục của dân tộc khác đã tạo cho trang phục của người Xinh Mun những nét đẹp riêng. Trang phục của họ là sự giao thoa giữa người Lào và người Thái. Chiếc kiềng đeo cổ của họ giống của người Kinh, chiếc túi đeo giống của người Thái nhưng có thêm những quả bông sặc sỡ...

Ngày nay, trang phục dân tộc Xinh Mun đã mai một, phần lớn người Xinh Mun phục sức giống người Kinh.

### ❁ Trang phục phụ nữ Xinh Mun

Trang phục truyền thống của phụ nữ Xinh Mun là váy, áo, khăn, thắt lưng.



Váy thường may ngắn hở bắp chân, tạo thành một vòng khép kín, chu vi khoảng 100-120 cm. Cạp váy rộng 8cm bằng vải hoa. Gấu váy rộng 3cm bên trong nẹp bằng

vải đỏ. Khi mặc, người ta kéo sát phía sau thân váy bó vào mông, phần còn thừa dồn hai bên hông và kéo về phía trước bụng, sau đó họ dùng thắt lưng thắt chồng khít lên phần cạp váy.

Áo của phụ nữ Xinh Mun may bằng vải bông, thân ngắn, cộc tới ngang eo, cổ cao và tròn, tay áo bó sát và dài tới mắt cá tay. Áo có khuy phía trước, làm bằng đồng, nhôm hoặc bằng bạc giống hình con bướm. Hàng khuy bên phải là con đực, hàng khuy bên trái là con cái. Mỗi chiếc áo có từ 11-12 đôi bướm. Khi mặc họ thường để hở phần thắt lưng tạo nên vẻ duyên dáng rất nữ tính.

Phụ nữ Xinh Mun đội khăn piêu giống người Thái, khăn làm bằng vải bông nhuộm chàm. Piêu được trang trí bằng cút ở bốn góc và xung quanh mép. Thông thường họ trang trí số cút lẻ, mỗi chùm ba cút gọi là piêu cút xam. Ngoài áo, váy, khăn, phụ nữ Xinh Mun còn đeo vòng tay, vòng cổ, khuyên tai bằng bạc.

Thắt lưng của phụ nữ Xinh Mun dệt bằng tơ tằm, dài khoảng 2,5m, rộng khoảng 15cm, nhuộm màu xanh lá cây.

### ✿ Trang phục nam giới Xinh Mun

Trang phục truyền thống của nam giới Xinh Mun có phần đơn giản. Ngoài bộ quần áo mặc hàng ngày, đàn ông Xinh Mun chỉ có thêm chiếc khăn quấn đầu, chiếc túi đeo bên người khi đi nương, xuống chợ.

Áo nam giới dài ngang bắp chân, may bằng vải dệt sợi bông, nhuộm chàm, có màu xanh đen, giống chiếc áo dài của đàn ông Thái Đen, Khơ Mú... Thân áo gồm bốn mảnh, phía sau là hai mảnh ghép giữa sống lưng, phía trước là hai

mảnh. Cổ tròn, được may thành nẹp ôm xung quanh cổ khi mặc. Dải khuy chạy từ cổ xuống áo, qua vai xuống nách và chạy dọc sườn trái xuống ngang thắt lưng. Khi mặc áo này, đàn ông Xinh Mun hay quấn trên đầu chiếc khăn bằng vải nhuộm chàm, dài khoảng 80cm. Cách quấn khăn của họ giống người Thái Đen: quấn mỏ rìu quay ra phía trước trán.

Quần của đàn ông Xinh Mun giống quần của nam giới Thái Đen. Quần thường may ngắn trên mắt cá, ống rộng, nhuộm chàm. Quần không có cạp để luồn dải rút mà dùng thắt lưng buộc lại khi mặc.

## 16. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜIXƠ ĐĂNG

### ❁ Vài nét về trang phục

Phụ nữ Xơ Đăng hầu hết đều biết dệt vải (trừ nhóm Ca Dong). Khung cửi của người Xơ Đăng giống khung dệt của người Ba Na. Nếu nhà có con gái, ngay khi lên mười tuổi, người mẹ đã tập cho con làm quen với kêvai (khung dệt), tập làm các kariêu, karuông, kaxa (các con thoi to, nhỏ) rồi học kéo sợi, phối màu, các họa tiết hoa văn để dệt nên những tấm dồ, tấm choàng, chiếc khố, áo váy... Trước khi lấy chồng, các cô gái thường tự tay dệt cho mình, cho người thân trong gia đình chồng những tấm dồ, tấm váy đẹp nhất.

Xưa kia, khi nghề dệt còn chưa phát triển, người Xơ Đăng đã biết dùng xơ của vỏ cây mo để may thành áo vỏ cây *(ao loong mor).* Công đoạn tạo ra "tấm vải" từ vỏ cây gồm thao tác bóc vỏ cây, ngâm nước, đập dập, tách lấy xơ, cuối cùng người ta gập đôi chiều dài tấm xơ lại thành thân

trước và thân sau áo. Thân sau dài hơn thân trước khoảng l0cm. Người ta dùng dao khoét một lỗ tròn ở thân trước để làm cổ, sau đó dùng chỉ khâu hai bên sườn, chỉ để chừa một đoạn giáp vai để xỏ tay khi mặc.

Khi nghề dệt xuất hiện, mới đầu người Xơ Đăng chỉ dệt bằng các loại sợi đay, gai mọc dại hoặc trồng trong vườn. Hiện nay, nhóm Mơ Nông và Xơ Teng vẫn duy trì truyền thống đó. Còn nhóm Tơ Đrá và Hà Lăng đã trồng bông kéo sợi, dệt vải. Họ chủ yếu dệt vải khổ hẹp từ 30 - 40cm, đôi khi cũng có khổ vải rộng tới 80 cm.

### ✿ Trang phục phụ nữ Xơ Đăng

Trang phục của phụ nữ Xơ Đăng gồm áo *(ao goh)*, váy *(ktắc)*, tấm choàng *(khăn vai)*.

Áo *(ao goh)* của phụ nữ Xơ Đăng là kiểu áo đơn giản không có tay. Họ lấy một tấm vải hình chữ nhật, gập đôi lại để thân trước dài hơn thân sau, rồi tiếp tục gập lại làm bốn. Từ góc trong của vải, người ta cắt một đường vòng cung để tạo cổ áo. Họ để chừa từ cầu vai đến nách khoảng 19cm để xỏ tay rồi cuối cùng khâu hai thân lại.

Hoa văn viền trên cổ áo hầu hết được móc bằng những sợi len màu đỏ, vàng, hồng, tạo thành những đường chỉ màu nổi bật. Riêng vạt áo *(cô nheng ao)* dệt trang trí những hình thoi nối tiếp nhau, trong lòng hình thoi là hình chữ thập và gạch ngang màu trắng. Thân trước áo dệt hoa văn hình người.

Váy *(ktắc)* của phụ nữ Xơ Đăng được dệt thẳng thành một tấm vải dài, chỉ cần nối hai đầu với nhau là thành chiếc váy kín hình ống, dài 0,79 m, rộng 0,69m. Trên váy dệt xen

kẽ chỉ các màu với nhau, trong đó màu đỏ là chủ yếu. Phần gấu váy có hai đường chỉ đỏ chạy song song, giữa hai đường này là một đường chỉ trắng.

Tấm choàng *(khăn vai)* của phụ nữ Xơ Đăng được dệt từ những sợi bông với nhiều màu sắc khác nhau, trong đó màu đen là chủ yếu. Để có tấm choàng, người ta dệt tấm vải với kích thước cần dùng sau đó ghép hai tấm lại. Trên mặt phải của tấm choàng dệt trang trí hoa văn hình quả trám xen kẽ với các dải màu đen, trắng, đỏ tạo sự hài hoà đẹp đẽ cho tấm vải nhưng trông không rối mắt. Các thiếu nữ Xơ Đăng đến tuổi trưởng thành thường dùng tấm choàng khoác qua người - dấu hiệu để các chàng trai ở các buôn làng khác biết họ chưa kết hôn và có thể trò chuyện cùng họ. Khi đi ngủ, người Xơ Đăng dùng tấm choàng thay cho chăn để tránh muỗi đốt. Khi về nhà chồng, các cô gái thường đem theo tấm choàng này và giữ gìn nó như một kỷ vật quý thời con gái.

### ❁ Trang phục nam giới Xơ Đăng

Trang phục nam giới Xơ Đăng gồm khăn *(trăng)*, khố *(kpen tích)*.

Khăn *(trăng)* được dệt từ sợi bông, dài khoảng 2m và rộng 16cm. Hai mép khăn được thêu, móc nhiều hoa văn như hình chấm, hình móc, vòng tròn nhỏ nối tiếp nhau. Hai đầu khăn có thêm dải sợi tua rua ở mép, phần giữa khăn hoàn toàn màu trắng. Khi dùng, họ buộc khăn một vòng quanh đầu và để hai đầu buông dài xuống dưới vai.

Khố *(kpen tích):* Trước đây, đàn ông Xơ Đăng chỉ đóng khố, cởi trần. Khố *(kpen tích)* làm bằng vải sợi bông, dài

khoảng 4m, rộng 28 - 30cm. Hai đầu khố là những tua chỉ màu đen, đỏ. Trên lớp tua chỉ đó xâu một hàng hạt màu trắng làm từ cây cơ ti (một loại cây nhỏ thân cứng có lỗ ở bên trong). Phần kế trên của hàng hạt cây là phần trang trí hoa văn hình chữ V đảo ngược nhau, ở giữa dệt trang trí hình quả táo, hình móc. Hoa văn trang trí này dệt theo chiều ngang của tấm khố và dệt làm hai lớp ép vào nhau.

Chạy dọc theo chiều dài của tấm khố là những sợi chỉ đỏ và trắng xen kẽ theo kiểu trang trí đường diềm với những chữ C nối tiếp nhau. Phần giữa khố là màu đen.

Hai đầu khố còn có hai dải hoa văn ngang, mỗi dải dài 3,4cm, rộng 5,5cm, hoa văn hình cây rau dớn *(kxun)* và hoa ngô cách điệu. Tiếp theo dải hoa văn này là hàng hạt cườm màu trắng đục. Cuối cùng là tua chỉ màu đen chàm.

Khố dùng để che phần dưới cơ thể, có tác dụng như một chiếc quần. Khi mặc khố, họ thả một đầu khố ở phía bụng dài xuống tới đùi, sau đó quấn khố vòng quanh bụng luồn qua háng. Khi quấn gần hết chiều dài của chiếc khố, còn một đoạn khoảng 50cm họ buộc ngang bên hông.

## 17. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI XTIÊNG

### ❁ Vài nét về trang phục

Nghề dệt vải của người Xtiêng không phát triển, họ chỉ tự túc một phần nhỏ vải mặc trong gia đình, còn lại phần lớn phải trao đổi với các tộc người láng giềng. Do vậy, trang phục truyền thống của phụ nữ Xtiêng rất đơn giản. Đàn bà mặc váy, đàn ông đóng khố. Trẻ em Xtiêng ở trần

truồng cho đến khoảng 10 tuổi mới đóng khố hoặc mặc váy. Mùa đông, người ta choàng thêm một tấm vải để chống rét.

Người Xtiêng để tóc dài búi sau gáy, tai xâu lỗ, đeo hoa tai bằng gỗ, ngà voi và xăm mặt, xăm mình với những hoa văn đơn giản.

Người Xtiêng từ trẻ đến già đều thích đeo các loại vòng. Trẻ em còn nhỏ đeo lục lạc ở hai cổ chân. Đặc biệt, người Xtiêng có tục căng tai. Theo qui định qua bao đời, con gái đến tuổi trưởng thành phải căng tai. Người có dái tai to là người đẹp, sang trọng. Người Xtiêng hiện vẫn còn lưu giữ nhiều tập tục cổ truyền, trong đó có tục đeo hoa tai bằng ngà voi. Vào những ngày lễ hội lớn như mừng lúa mới, cúng thần núi thần rừng hay cưới hỏi, phụ nữ tuổi ngoài 50 sẽ dùng những chiếc hoa tai ngà voi (bà con gọi là *tuol-la)* to như cuộn chỉ nong vào vành tai theo tục căng tai, trông rất ấn tượng.

### ❁ Trang phục phụ nữ Xtiêng

Phụ nữ Xtiêng trước kia thường mặc váy ngắn, ở trần.

Váy *(ka nan)* của phụ nữ Xtiêng là loại váy quấn, được may từ vải bông tự dệt màu đen. Váy là một khổ vải dài 150 cm, rộng 80 cm, hai đầu có tua.

Nhìn tổng thể, thân váy trang trí bốn mảng hoa văn nằm ngang, giữa là mô típ hoa văn hình zích zắc, kỷ hà, hình hoa dâu cách điệu màu trắng. Tiếp đến là một mảng màu đỏ, viền ngoài cùng là những đường chỉ màu vàng, trắng, đỏ. Toàn bộ những dải hoa văn được bố trí theo chiều ngang, mô típ hoa văn nổi bật trên nền đen.

Hoa văn viền ngoài có những đường kẻ nhỏ dọc váy, người Xtiêng gọi là *uyên miệng*, hoa văn đường kẻ màu đẹn gọi là *che miệng*, hoa văn đường kẻ màu trắng vàng gọi là *dân trăng*, hoa văn nâu đen chấm trắng gọi là *spar*, hoa văn đường kẻ màu đỏ gọi là *bach đó*.

Khi mặc váy, phụ nữ Xtiêng thường quấn sát quanh thân người, cao lên phía ngực thành hình váy ống, giống như kiểu váy của người Giẻ Triêng.

Các dịp lễ hội, phụ nữ Xtiêng mặc như ngày thường, chỉ khác là mặc thêm áo chui đầu ngắn và quàng một tấm chăn bên ngoài kết hợp với đồ trang sức bằng đồng. Phụ nữ khá giả còn đeo vòng tay, vòng chân bằng đồng cuộn liền thành ống dài; cổ đeo vòng đồng, chuỗi hạt cườm; tóc cài lược bằng sừng hay kim loại.

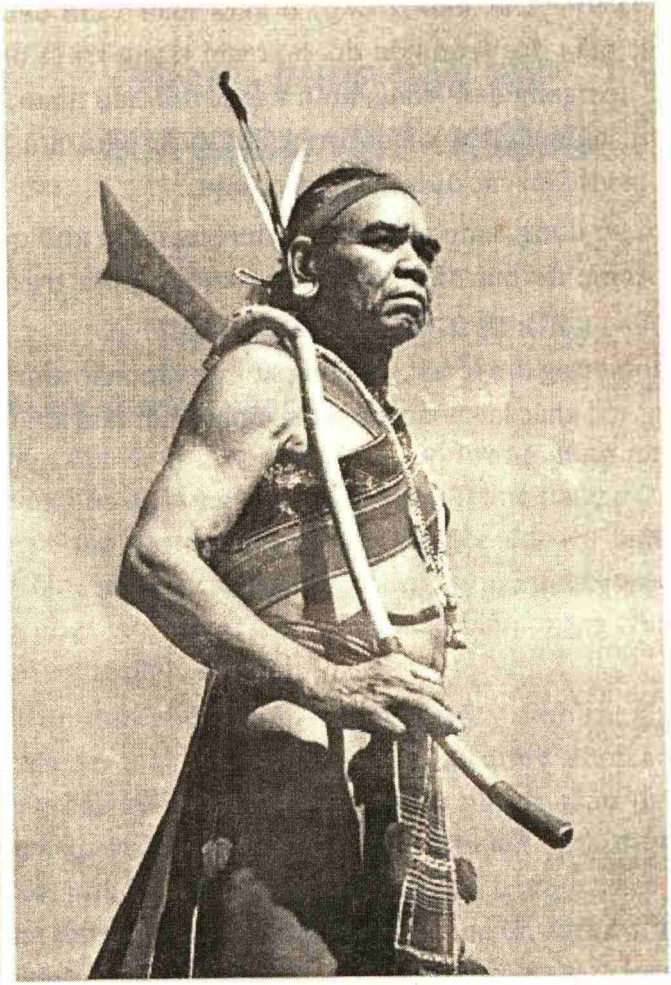
Ngày nay, người Xtiêng mặc gần giống như người Kinh, các loại vải tự dệt hầu như không còn nữa. Trang phục dân tộc chỉ còn một số cụ già mặc trong các lễ hội.

### ✿ Trang phục nam giới Xtiêng

Đàn ông Xtiêng để tóc dài, bới tóc thành búi, trang điểm thành những búp màu và cài lông chim màu sắc rực rỡ. Trang phục truyền thống của họ rất đơn giản, chủ yếu là đóng khố, ở trần.

Khố *(tnong)* của nam giới Xtiêng thường dài từ 4,5m - 4,8m, rộng từ 28cm - 30cm. Khố có nền màu xanh đen, dệt hoa văn trang trí, hai đầu khố có tua.

Tua ở hai đầu khố gọi là *rui troi*, trong đó tua màu đỏ gọi là *nưng tu dun*, diềm ngoài cùng gọi là *tia tu un*, hoa văn xanh đỏ ở hai đầu khố gọi là *rong*, đường kẻ giữa khố là



*rang.* Hoa văn trên khố chủ yếu là hình con khỉ *(pây rộc),* hình gấp khúc *(phông dân),* hình vuông có đường chéo *(phông xúp),* hình chữ thập trong có dấu cộng *(sơ lơ pư)...*

Nhìn tổng thể, khố *(tnong)* ở giữa màu xanh đen, hai đầu dệt màu đỏ. Trên nền đỏ, hoa văn trang trí là những đường kẻ ngang đen trắng, hình ngoặc nối tiếp nhau, hình con khỉ, hình vuông có đường chéo, hình quả núi, hình ngoặc tạo thành các đường kẻ trắng đen...

Khi sử dụng, nam giới Xtiêng thường quấn khố quanh phần hông, để hai đầu khố buông xuống phía trước và phía sau.

Vào những dịp lễ hội, đàn ông Xtiêng vẫn mặc như ngày thường, chỉ khác là khoác thêm lên người một tấm khăn.

# TRANG PHỤC DÂN TỘC CỦA NHÓM VIỆT - MƯỜNG

## 1. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI KINH

### ✿ Vài nét về trang phục

Dân tộc Kinh là tộc người có số lượng đông nhất, với nền văn hóa đa dạng nhất Việt Nam. Trang phục của người Kinh phong phú về chủng loại và độc đáo về kiểu dáng cũng như phong cách mặc ở từng vùng, miền. Ngày nay, trang phục của người Kinh trở thành biểu tượng chung khi nói về trang phục Việt Nam.

Dưới thời phong kiến, có những quy định rất khắt khe về cách ăn mặc. Dân thường không được phép mặc đồ nhuộm bất kỳ màu nào khác ngoài những màu đen, nâu hay trắng. Quần áo của người dân hầu hết bình thường và đơn sơ, phù hợp với thân phận của họ trong xã hội (ngoài những dịp quan trọng hoặc nghi lễ cúng tế, đám cưới...).

Nguồn nguyên liệu để may trang phục của người Kinh là tơ tằm. Theo một số nghiên cứu, nghề trồng dâu nuôi tằm ở nước ta đã xuất hiện từ thời Hùng Vương. Có nhiều loại tơ tằm tự nhiên, chẳng hạn tơ tằm dâu, tơ tằm thầu

dầu lá sắn, tơ tằm sồi..., trong đó tơ tằm dâu chiếm tới 95% sản lượng.

Trồng dâu nuôi tằm là một công đoạn quan trọng trong việc tạo ra trang phục của người Việt. Đây là một công việc rất vất vả, vì vậy dân gian xưa đã có câu: "Làm ruộng ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng". Tằm lột xác nhiều lần, chuyển từ màu đen sang màu xanh nhạt, xanh đậm, xanh lục thẫm... Sau khi phát triển đến kích thước tối đa trong khoảng 6 tuần, tằm dừng ăn, thay đổi màu sắc.

Khi tằm chín vàng, người ta bắt lên né đóng kén. Né là tấm phên đan bằng tre, có những lỗ hổng vuông rộng mỗi bề 10cm. Tằm chín được bỏ vào né, đem để ra chỗ hơi có ánh nắng. Khi tằm đóng kén, người nuôi phải "hong nắng" sao cho kén khô, thơm để khi ươm tơ kén không bị tan, cho sợi tơ vàng óng. Thiếu ánh nắng, tằm làm kén không được đẹp, vì trước khi nhả tơ làm kén, tằm sẽ "đi tiểu" lần đầu và cũng là lần cuối trong đời tằm rồi mới bắt đầu làm kén. Ánh nắng nhẹ làm khô nước tiểu tằm và kén sẽ có màu vàng óng rất đẹp; trái lại, nếu tằm chín phải ngày mưa, né phải để trong nhà thì kén sẽ bị xỉn màu, vì chất nước tiểu tằm thấm vào kén.

Thông thường, tơ có hai màu trắng và vàng do hai giống tằm khác nhau đóng kén. Giống tằm kén vàng là giống tằm truyền thống của người Việt, cho màu đẹp nhưng năng suất thấp, mỗi kén chỉ được khoảng 300 mét tơ.

Tiếp đó là quá trình ươm tơ. Đây là quy trình gia công kéo sợi tơ từ kén tằm thành tơ tằm, là một công đoạn đòi hỏi sự lành nghề và khéo léo. Trong quy trình ươm tơ, người ta đem kén tằm nấu trong nước sôi, làm cho lớp

keo tơ secirine tan ra một phần, kén mềm và dễ dàng rút thành sợi.

Kén được thả vào nồi nước sôi hay chảo miệng rộng. Người ta đảo kén thành từng nhóm nổi trên mặt nước, tìm mối tơ gốc rút ra, quấn vào những con suốt, hình giống như lõi ống chỉ, xếp thẳng đứng thành hàng ngang, rồi cho chạy vào những guồng tơ tròn bằng gỗ, nằm bắc ngang trên nồi nước sôi và kéo hết tơ ở mỗi cái kén làm thành con tơ. Phần còn lại, lớp trong của kén cũng cho vào guồng ươm tơ quay vào ống lấy tơ nõn màu vàng nhạt, sợi nhỏ phía trong của kén. Sợi tơ này gồm hai sợi nhỏ, tiết ra từ cặp tuyến tơ ở tằm chín và dán chặt vào nhau, được bao phủ bởi một lớp keo (sericin), người ta phải tẩy sạch lớp keo này khi kéo tơ.

Nếu kén cắn tổ, không thể ươm tơ được thì người ta kéo thành sợi đũi. Cách kéo sợi đũi như sau: Kén đem ngâm nước 3 giờ, vắt sạch nước (nước ngâm và vắt từ nước kén ra gọi là nước cốt, nước này phải giữ lại để sau ngâm kén lần nữa). Bỏ kén vào nồi đun sôi vài phút, thấy kén thâm đều là được. Kén luộc xong, vắt kiệt nước thả vào nồi nước cốt, ngâm một đêm thì kén chín, kén chín vừa kéo trơn và nhẹ tay. Người kéo sợi ngồi trên ghế thấp, trước một cái chậu sành đầy nước và kén, hai tay ngâm trong nước để kéo sợi. Kéo xong một mẻ, người ta dùng giằng sợi cuộn lại thành từng con, cho lên sào phơi. Thành phẩm này được dệt thành lụa đũi. Lụa đũi to, xốp, mềm, nhẹ. Riêng tơ nõn sẽ được se với nhau, tùy theo tính chất, số lượng sợi và vòng xoắn để mắc cửi rồi dệt thành các loại hàng vải khác nhau.

Tơ tằm được cuộn lại thành những nén tơ hoặc ống tơ. Tùy theo chất lượng tơ, cách xử lý sợi tơ và cách xoắn sợi tơ, sẽ cho ra những loại tơ với tên gọi và chất lượng khác nhau.

Sợi mốt: Là sợi tơ to, dùng để dệt dọc, dệt không bị đứt.

Sợi mành: Là sợi tơ nhỏ, dùng để dệt ngang, lụa đều, không bị chỗ dày chỗ mỏng.

Sợi đũi: Là sợi của kén cắn tổ, không ươm tơ được, xù xì, thô hơn.

Từ các sợi tơ trên, tùy theo cách dệt, người ta có được những loại tơ lụa khác nhau.

Kiểu dệt cổ truyền của Việt Nam là phối hợp, pha trộn các loại sợi dọc và ngang để tạo ra những mặt hàng khác nhau. Người thợ khi dệt phải dùng tay đưa, chân dận cùng lúc.

Dụng cụ dệt là khung cửi gỗ "con cò", dệt ra loại hàng vuông, thô, mỏng, chừng 40 hay 60cm. Con cò đặt ở trên và chính giữa khung dệt để thẳng sợi, làm chuẩn cho cái go khỏi lệch. Những vuông lụa mới dệt xong gọi là lụa mộc, chỉ có màu trắng ngà hay vàng mỡ gà của tơ.

Theo phương pháp thủ công, lụa mộc được ngâm trong nước trà, nước trầu không, nhựa cây... rồi xả, nhuộm màu, phơi khô, nhuộm lại lần thứ hai để ra đúng màu sắc như ý muốn.

Màu nhuộm được pha chế với nguyên liệu hoàn toàn tự nhiên như hột dành dành (Gardenia augusta, tiếng Hán là Chi tử), lá bàng (Terminalia catappa, tiếng Hán là Lãm nhân thụ) than, gạch... Màu thông dụng là màu đen (thâm)

và màu nâu. Người ta nhuộm nâu bằng củ nâu (Dioscorea cirrhosa - Evergreen yam). Củ nâu đem về, gọt vỏ, thái mỏng, giã cho chảy nhựa, đổ thêm nước mà nhuộm. Nhuộm vài nước thì được màu nâu non, nhiều nước thì có màu nâu già (nâu đậm). Nhuộm bằng củ nâu vừa bền màu lại vừa chắc sợi. Ngâm tơ vào nước bùn sẽ cho ra màu thâm - màu tam giang - gọi là màu nâu tím. Người ta còn dùng cánh kiến (một loại sâu ở mạn Sơn La, Lai Châu) để nhuộm màu nâu đỏ. Nếu để lụa mộc màu trắng, người ta chỉ cần chuội (trụng nước sôi). Có nơi người ta còn dùng quả mặc nưa - giống như quả olive, khi chưa chín màu xanh, khi chín chuyển màu đen để nhuộm lụa đen, chẳng hạn lụa đen Tân Châu (lãnh Mỹ A).

Ngày nay, kỹ thuật nhuộm hiện đại đem lại cho lụa tơ tằm những màu sắc đa dạng và rực rỡ hơn, nhưng những màu sắc mộc mạc thiên nhiên vẫn được người Việt ưa thích.

Với sự tinh tế và sáng tạo không ngừng, các sản phẩm dệt từ tơ tằm của người Việt rất phong phú, đa dạng gồm lụa, là, gấm, vóc, vân, the, lĩnh, băng, sa, xuyến, đoạn, nhiễu, đũi, cấp, kỳ cầu...

Gấm: Nền dày, bóng. Nền gấm thường có hoa văn chữ triện hay chữ thọ với sắc màu tươi, sặc sỡ bằng kim tuyến, ngân tuyến được dệt như thêu. Một tấm gấm thường có nhiều màu, phổ biến là năm màu: xanh, đỏ, tím, vàng, trắng hay bảy màu, gọi là gấm ngũ thể hay thất thể. Do sợi ngang (tạo hoa nổi lên trên) và sợi dọc (tạo nền chìm ở dưới) đều được nhuộm màu nên khi có ánh sáng, đứng ở mỗi góc cạnh khác nhau, sẽ thấy gấm có các màu sắc khác nhau. Gấm có vẻ đẹp lộng lẫy, rực rỡ nên ngày xưa dân

thường không được dùng, chỉ có vua, quan được dùng mà thôi. Vua mặc gấm vàng có hai rồng chầu mặt nguyệt hay hổ phù. Còn gấm may lễ phục cho các quan thường là gấm hoa tròn hay gấm hoa bạc.

Vân: Là mặt hàng xếp thứ nhì sau gấm. Hàng vân có nền lụa, mỏng, bao giờ cũng có hai kiểu hoa dệt trên một tấm vân: hoa nổi và hoa chìm. Hoa nổi bóng mịn, còn hoa chìm phải đưa lên ánh sáng mới thấy được. Đó là nét độc đáo của hàng vân, nhờ có hoa thủng như vậy, nên các áo lót bên trong sẽ nổi màu lên rất đẹp khi mặc áo ngoài may bằng vân. Vân được dùng để may áo dài mặc vào dịp hội hè, đình đám.

Lĩnh (lãnh): Sợi mịn, một mặt bóng, một mặt mờ do khi dệt đưa sợi dọc lên nhiều tạo nên sự bóng láng. Lĩnh thâm (đen) trơn rất thông dụng, dùng may váy, quần cho phụ nữ, ngoài lĩnh trơn còn có lĩnh hoa dầy dặn, điểm lấm tấm hoa mịn màng, kín đáo, có tên riêng là lĩnh hoa chanh, nổi tiếng nhất là lĩnh Bưởi đen nhánh, óng mượt.

Đoạn: Đoạn cũng được dệt theo cách thức của lĩnh, nhưng dày hơn, sợi dọc nhiều hơn cả gấm. Đặc biệt, sợi dọc, sợi ngang nổi đều nhau, mịn màng, óng ả. Đoạn dùng để may áo dài cho nam giới mặc vào những dịp long trọng. Do hàng đoạn dày nên người ta thường may áo đoạn bọc lụa bên trong mặc vào mùa lạnh.

Vóc: Là một thứ đoạn mỏng, có hoa, dệt bằng sợi đồng màu, dùng làm tán thờ thần hay may y phục cho vua chúa, quan lại. Vóc thường đi chung với gấm: gấm vóc.

The: Sợi dệt bóng và mảnh, sợi dọc rất ít nên the thưa. Dệt the là bố trí các sợi dọc và ngang không khít nhau, tạo

nên hình thủng theo hàng ngang. The có nhiều loại: the đơn (mỏng), the kép (dầy) và the hoa. The được nhuộm thâm để may áo mặc bên ngoài, hay chuội cho trắng để mặc mùa nóng, nổi tiếng nhất là the La Cả. Đối với dân thường, áo the được coi là sang và rất phổ biến. Những hàng the dùng may y phục tế lễ gọi là hàng địa, thường có hoa văn đặc biệt như song hạc, hổ phù, thủy ba gợn sóng.

Sa, xuyến, băng cũng tựa như the, là các loại hàng mỏng, bóng và bền vì khi giặt không bị xô dạt sợi, dù mỗi mặt hàng mỗi vẻ khác nhau:

Sa: Sa được dệt rất mỏng nên trong suốt, tạo nên những đường vân óng ánh rất đẹp nếu mặc áo trong màu trắng. Sa mỏng và mát nên thường được mặc vào mùa hè. Có sa đơn và sa hoa. Sa hoa có nhiều loại: đặc biệt là sa thất thể và sa cung đình (dùng may áo long bào cho vua mặc vào mùa nóng).

Xuyến (quyến): Xuyến như sa, có cát nổi ngang, mỏng hơn the trơn và thoáng trông tựa mành mành do sợi dầy xen lẫn sợi thưa.

Băng: Cũng là mặt hàng thủng, trong suốt, có hoa lác đác, nhẹ hơn the.

Cấp: Mỏng gần giống như the, lượt và thường có hoa.

Lượt: Mặt hàng dệt thưa, mỏng, mịn, rất mềm, dùng may khăn, áo.

Lương: Có lương đơn và kép, dùng để may áo dài, làm khăn.

Lụa: Có hai loại: lụa trơn và lụa hoa, dệt bằng tơ nõn sao cho sợi dọc và sợi ngang khít với nhau, tạo nên vẻ mịn màng, óng ả và độ dày vừa phải.

Là: Cùng họ với lụa, dệt bằng tơ nõn, có những đường dọc nhỏ đều, thường được dùng làm khăn hay nhuộm màu để làm các phần đổi màu trong y phục.

Nhiễu: Là thứ lụa dệt bằng sợi đã se nên mặt nổi cát như hàng crêpe ngày nay, dùng làm khăn.

Kỳ cầu: Là thứ lụa bóng có hoa nhỏ, nền mịn và đều.

Đũi: Được dệt từ tơ trong cùng của kén tằm, hơi thô, cũng dày và bền như nái, nhưng mềm và mịn hơn. Đũi nguyên thủy óng màu vàng chín của kén tằm. Đũi có loại trơn, loại hoa và đũi thọ hỉ. Đũi mộc mạc, thoáng, mát mùa hè, ấm mùa đông, thường dùng may quần, áo và thắt lưng.

Sồi (chồi): Dệt bằng tơ gốc, thường dùng may yếm, khố, bao...

Nái: Được dệt bằng sợi kéo từ vỏ kén bên ngoài nên thớ to, có nhiều lông và sần, thường có màu vàng đậm, cứng nhưng rất bền. Nái dùng may quần, khăn, thắt lưng...

Ngày nay, với kỹ thuật dệt tiên tiến, khắc phục được khuyết điểm dễ nhăn, nhàu của tơ tằm, người ta đã sản xuất nhiều loại vải lụa tơ tằm khác nhau, phục vụ cho đủ mọi yêu cầu trang phục:

Chiffon: Lụa chiffon tơ tằm mỏng tang, trong mờ, mềm mượt, ấm áp, tinh tế, dùng để may váy, áo rất đẹp. Ngoài sản phẩm thông dụng là hàng màu trơn, hiện nay có rất nhiều mặt hàng lụa chiffon in hoa văn mới lạ và đẹp mắt với nhiều kích thước, thích hợp với nhiều loại trang phục.

Habotai: Đục nhẹ, mỏng, trơn mượt, rất mềm mại và mát dịu, tạo sự thoải mái dễ chịu khi sử dụng, nên lụa Habotai cũng được dùng để may áo mùa hè hoặc áo dây, áo ngủ.

Satin: Óng ả, mềm mại, bóng đẹp, thấm mồ hôi, mát vào mùa hè, lại không tích điện dính sát vào người vào mùa đông.. Bên cạnh các màu trơn, lụa satin còn có nhiều hoa văn phong phú dùng để may áo cưới, trang phục thời trang và trang trí nội thất.

Twill: Có độ bóng vừa phải, dày dặn và độ rủ cao hơn lụa habotai mà vẫn mềm mại, mát rượi, phù hợp với mọi lứa tuổi, tạo cảm giác nhẹ nhàng thoải mái khi mặc, không gây khó chịu, kích thích da nên thích hợp với mọi trang phục thời trang.

Organza: Hơi cứng hơn Taffeta nhưng thưa và mỏng, thích hợp để may áo cưới, đầm dạ hội sang trọng.

Taffeta: Có độ bóng, độ cứng, "đứng mình" nhưng lại không bám da vào mùa đông nên phù hợp để may áo cưới, áo vest, áo khoác, váy ngắn, quần tây hay kết hợp với các loại chất liệu khác để may sản phẩm thời trang công sở, dạo phố.

Tussah: Còn gọi là "đũi thô", sản phẩm được dệt từ những sợi tơ thô của con tằm. Đũi có bề mặt hơi khô nhưng có độ bóng nhẹ nên thích hợp cho sản phẩm áo sơ mi nam, áo vest hoặc quần tây.

Jacquard: Mềm mại, nuột nà, óng ả. Bên cạnh màu sắc tươi trẻ, đa dạng, óng ánh đặc trưng của tơ tằm, các hoa văn phong phú trong kỹ thuật dệt hoa văn chìm đem lại sự lựa chọn đa dạng khi may áo dài, trang phục thời trang, trang trí nội thất.

Damash: Là loại vải dày dặn, có độ mềm vừa phải, mềm mại hơn Taffeta, nhưng có độ bóng và ánh màu như satin, với nhiều kiểu hoa văn lạ, thích hợp may áo vest, quần tây, áo dài, cravat...

### ❁ Trang phục phụ nữ người Kinh

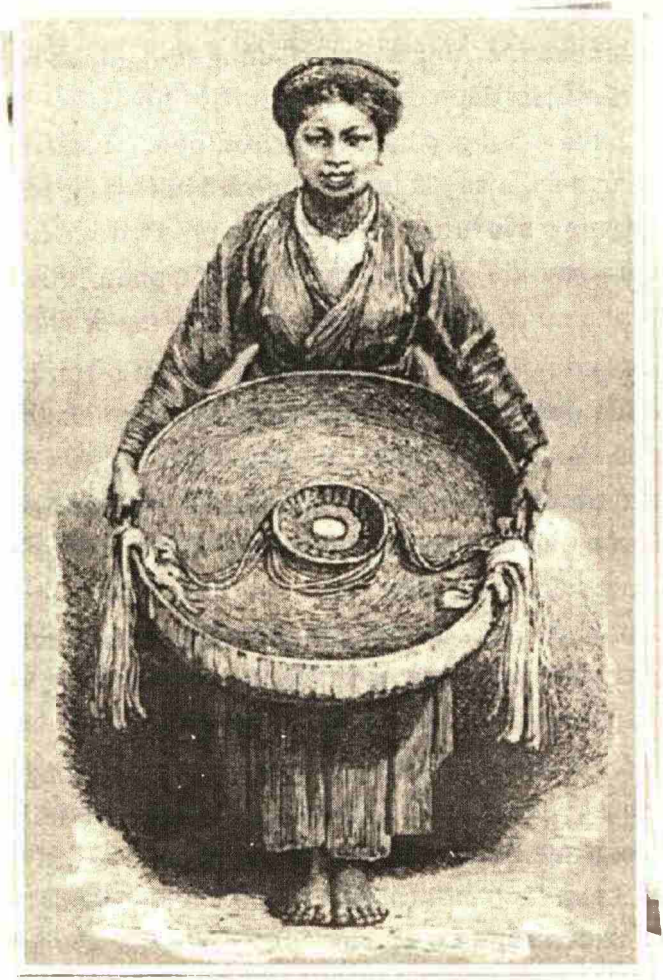
Trang phục thường ngày truyền thống của phụ nữ ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ gồm áo, yếm, váy, khăn, nón.

*Áo ngắn:* Loại áo cánh bằng vải nâu, cổ tròn, viền nhỏ, tà mở, đa số không cài cúc trước ngực. Bên trong là yếm màu vàng tơ tằm, màu hoa hiên hoặc nâu non.

*Áo dài (áo tứ thân):* Được sử dụng như trang phục hàng ngày đến đầu thế kỷ XX, còn ngày nay, áo tứ thân chỉ được mặc trong các dịp lễ hội. Trên sân khấu truyền thống, áo tứ thân dùng cho các vai nữ nông thôn, thường may bằng vải màu sẫm có khuy tròn gài bên nách phải. Áo tứ thân là một kiểu áo mà phần lưng áo gồm hai mảnh vải ghép lại, thường là màu nâu hoặc nâu non ghép với màu cùng gam; phía trước là hai thân tách rời, được buộc lại với nhau, thả trước bụng để tạo dáng người thon thả, phía trên không gài khít mà để lộ yếm màu bên trong; cổ áo viền 1 - 2 cm. Áo tứ thân dài gần chấm gót, tay áo bó chặt. Loại áo hai vạt phía trước đều nhau, buông thả xuống, không cài khuy, buộc hai vạt vào nhau gọi là áo buộc vạt. Trường hợp mặc áo buông vạt, người phụ nữ bao giờ cũng mặc yếm cổ xây cho kín đáo.

Ngoài ra còn có loại áo năm thân (vạt ngoài, còn gọi là vạt cả, ở bên trái người mặc, rộng gấp đôi vạt trong, còn gọi là vạt con bên phải) không cài khuy cạnh sườn mà dùng thắt lưng thắt ngang bụng giữ không cho vạt áo trễ xuống. Tất cả mọi trường hợp mặc áo dài đều đeo thắt lưng màu đẹp buông xuống phía trước.

*Yếm:* Là một miếng vải vuông đặt chéo trên ngực người mặc. Ở một góc (trên) khoét hình tròn làm cổ yếm



*Trang phục phụ nữ Việt Nam xưa*

(loại yếm này có tên là yếm cổ xây) hay khoét hình chữ V (gọi là yếm cổ xẻ hay yếm con nhạn), thường là xẻ nông nhưng cũng có loại xẻ sâu xuống phía dưới. Ở góc nhọn

yếm cổ xẻ (đáy chữ V) có ba đường khâu nổi như hình chân chim có tác dụng trang trí, đồng thời giữ cho cổ yếm lâu bị rách. Hai đầu cổ yếm có hai dải nhỏ để buộc ra sau gáy. Hai dải ở hai góc bên cạnh sườn buộc ra sau lưng. Có loại yếm, hai dải này là hai miếng vải hình tam giác dài vắt chéo ngang ở sau lưng rồi lại buộc ra phía trước. Hình thức loại yếm này kín cả ngực, bụng và một phần lưng, do đó người phụ nữ có thể không mặc áo ngoài, tay để trần.

*Váy* (có nơi ở Bắc Trung Bộ gọi là mấn): Thường mặc ngắn đến ống chân. Khi làm ruộng, người ta xắn váy cao lên trên đầu gối rồi buộc túm gấu váy trước và sau vào nhau và thường quấn thắt lưng bằng vải màu một hoặc rất nhiều vòng ngoài cạp váy, hoặc cùng một lúc họ dùng hai thắt lưng khác màu nhau, đầu thắt lưng giắt gọn lên cạp váy cho đỡ vướng. Mùa rét, phụ nữ nông thôn thường mặc thêm áo cánh hoặc mặc một kiểu áo cộc tay bằng vải thô, buộc một sợi dây quanh bụng cho gọn gàng.

*Khăn:* Khăn vấn tóc là một miếng vải dài khoảng 80cm, rộng chừng 15cm - 20cm, có màu đen, màu nâu hoặc màu tím tam giang. Để vấn tóc được tròn và chặt, người ta phải độn thêm vào tóc một cái độn (bằng vải nhồi bông), trông như hình con rắn (dài khoảng 50cm). Ở phía đầu độn còn có thêm một sợi dây nhỏ, dài bằng thân độn. Những người tóc không dài và thưa phải dùng một bộ tóc giả đệm thêm vào cho vành khăn dày để mớ tóc đuôi gà đong đưa duyên dáng. Các cụ bà bị rụng tóc, dùng một dải vải xoắn lại và quấn quanh đầu làm khăn.

Về mùa rét, phụ nữ miền Bắc và Bắc Trung Bộ còn chít khăn vuông màu thâm (thường gọi là khăn vuông hoặc

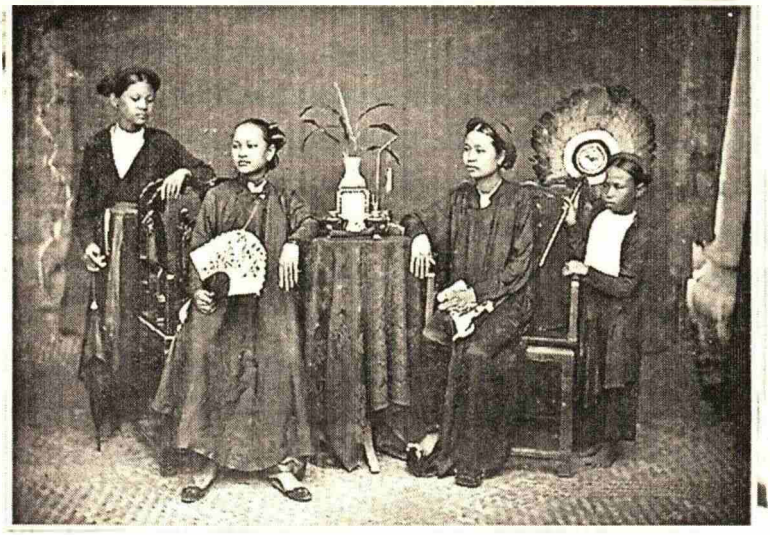
khăn thâm). Đó là một miếng vải vuông mỗi cạnh từ 70cm đến 80cm. Khi chít, gập chéo khăn lại thành hình tam giác, đặt lên đầu, (có thể chỉ đặt ngang trên đỉnh đầu), hai góc khăn buộc vào dưới cằm, tai được trùm kín. Cũng có kiểu đặt mép khăn xuống gần trán, kéo hai bên khăn về hai phía thành một hình mỏ quạ ở giữa rồi buộc hai đầu khăn xuống dưới cằm hoặc quặt đầu khăn buộc ra sau gáy, gọi là chít khăn mỏ quạ.

*Nón:* Các loại nón thường thấy là nón lá gồi, lá cọ (loại lá già, bền chắc, để dãi nắng dầm mưa, lâu bị hở), nón chỏm bằng, nón lòng chảo (nông mà choãi), nón thúng (sâu và hơi khum), nón chân tượng (rất sâu, hình chân voi) - nón này còn gọi là nón quả bứa (vì trông giống quả bứa cắt ngang).

Nhìn chung, phụ nữ miền Bắc ưa chuộng màu nâu sồng. Màu sắc và kiểu áo phù hợp với điều kiện lao động, thời tiết từng miền. Dù là trang phục lao động, các kiểu quần áo vẫn được sửa đổi ngày một gọn gàng, ưa nhìn hơn.

Ở thành thị miền Bắc, tầng lớp phụ nữ ít phải lao động vất vả thường mặc váy dài màu đen chấm gót, áo cánh ngắn bằng vải trắng hay lụa tơ tằm. Yếm màu trắng, hoặc màu hoa hiên hay vàng tơ tằm. Thắt lưng bằng lụa màu. Khi có khách đến nhà hoặc có công việc ra đường, bao giờ họ cũng mặc thêm áo dài. Mùa nóng, họ mặc áo dài tứ thân hai vạt trước như nhau và buông thả tự nhiên hoặc buộc vạt phía trước hoặc phía sau. Mùa rét, họ mặc hai hoặc ba chiếc áo dài cùng một lúc gọi là áo mớ. Vấn khăn nhiễu, để tóc đuôi gà. Đầu đội nón ba tầm. Chân đi dép cong.

Răng đen hạt huyền, ăn trầu cho môi đỏ cũng là một tiêu chuẩn về cái đẹp của người phụ nữ.



Phụ nữ lao động ở miền Nam và Nam Trung Bộ ưa mặc màu đen. Áo cánh (áo bà ba) cài cúc giữa, vạt áo sau dài trùm mông. Đây là loại trang phục phổ biến ở các miền quê Nam Bộ. Cho đến nay, chưa có tài liệu nào nói rõ áo bà ba xuất hiện ở thời điểm nào. Do đó, có một số giả thiết:

- Áo bà ba xuất hiện đầu tiên ở Nam Bộ vào thời Nhà Hậu Lê.

- Áo bà ba xuất hiện vào nửa đầu thế kỷ XIX, được Trương Vĩnh Ký cách tân từ áo của người dân đảo Pénang, Malaysia (người Malaysia gốc Hoa) cho phù hợp với người Việt.

Người dân ở đồng bằng sông Cửu Long xưa thường vận bộ bà ba đen đi làm đồng, bởi nó vừa sạch, vừa dễ giặt giũ. Vải may là loại vải một, vải ú, vải sơn đầm... rất mau khô sau khi giặt. Bên cạnh đó, chiếc áo bà ba được xẻ ở hai

bên hông làm cho người mặc cảm thấy thoải mái... Áo bà ba được phụ nữ mặc cả lúc đi làm, đi chợ, đi chơi. Riêng lúc đi chơi, họ thường chọn màu sắc nhẹ hơn như màu trắng, màu mạ non, xanh lơ nhạt... với chất liệu vải đắt tiền hơn như the, lụa...

Sau này, nhất là ở thời kỳ những năm 1960-1970, áo bà ba truyền thống được phụ nữ thành thị cải tiến, vừa dân tộc, vừa đẹp và hiện đại hơn. Áo dài bà ba hiện nay không thẳng và rộng như xưa, mà được may hẹp, nhấn thêm eo bụng, eo ngực cho ôm sát lấy thân hình. Ngoài ra, người ta còn sáng tạo các kiểu chắp vai, cổ tay, cửa tay, riêng các kiểu bâu (cổ) lá sen, cánh én, đan tôn... là được tiếp thu từ kiểu y phục nước ngoài. Các kiểu ráp tay cũng được cải tiến. Từ kiểu may áo cánh xưa, liền thân với tay, người ta nghĩ tới cách ráp tay rời ở bờ tay áo. Trong những năm 1970, thành thị miền Nam phổ biến kiểu ráp tay raglan, đã tạo nên vẻ đẹp hiện đại cho chiếc áo bà ba truyền thống. Với kiểu vai raglan này, hai thân áo trước và sau tách rời khỏi vai và tay áo, trong khi tay và áo lại liền từ cổ tới nách. Bà ba vai raglan chỉ cần may khít, vừa vặn với eo lưng, không quá thắt như kiểu áo trước đó. Tay áo dài hơn nhưng hơi loe, có khi người ta bỏ cả hai túi ở vạt trước để tạo cho thân áo nhẹ nhõm, mềm mại hơn.

Phụ nữ miền Nam dùng khăn vải màu sáng hoặc kẻ ô gập lại, vắt trên đầu để tránh nắng là chủ yếu. Mùa rét, phụ nữ Nam Trung Bộ quàng khăn vuông rộng.

Phụ nữ miền Trung mặc áo dài năm thân. Người nhiều tuổi hay mặc áo màu đậm, các cô gái mặc màu nhẹ hoặc trắng. Màu tím được dùng nhiều ở Huế. Có trường hợp

mặc áo mớ ba nhưng khác miền Bắc là cài cúc kín, cổ áo trong cao hơn cổ áo ngoài chút ít để lộ ba màu khác nhau. Tà áo khép kín nhưng mép tà cũng vẫn lộ ba màu. Quần thường mặc màu trắng, hãn hữu mới mặc quần đen. Phụ nữ trung niên để tóc dài, chải ngược lên (gọi là chải láng) và búi gọn sau gáy. Phụ nữ trẻ để tóc dài, cặp lại phía sau hay để tóc ngang vai.

Vào những năm 1920-1930, trang phục ở nông thôn vẫn theo lối cổ truyền, nhưng trang phục của phụ nữ thành thị Bắc, Trung, Nam đã có nhiều thay đổi. Họ thường mặc áo dài, cổ áo tròn đứng. Từ vai đến cổ tay áo nhỏ dần, dọc ống tay áo mở một đoạn (dài chừng 3cm), sau khi mặc cài kín bằng cúc bấm cho tay áo khít vào cổ tay. Gấu áo dài cách đất từ 10cm-20cm). Khi mặc áo, cài cúc cạnh, chiếc cúc ở cổ nhiều khi không cài, gọi là áo cổ hở (riêng phụ nữ vùng Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế mặc áo cài kín cổ). Phụ nữ miền Nam thường mặc áo dài đến đầu gối, phủ lên chiếc quần lĩnh đen. Tóc chải ngược lên rồi búi gọn sau đầu, cài trâm vàng hay cài hai cái lược cong ở hai bên để giữ búi tóc cho khỏi tuột.

Phụ nữ Hà Nội giai đoạn này dần dần bỏ mặc váy. Họ mặc quần màu đen bằng vải lĩnh, nái, sa tanh hay quần màu trắng bằng lụa, lanh, vấn khăn nhung đen, để tóc đuôi gà. Hình thức chải tóc lúc đầu ngược lên rồi bới gọn phía sau đỉnh đầu, đến giai đoạn búi ở gáy, về sau lại hạ thấp xuống nữa. Rẽ ngôi giữa, vấn tóc trần thường là phụ nữ Quảng Trị, Thừa Thiên, Huế. Phụ nữ miền Nam vẫn búi tóc cao, cài trâm (lông nhím). Hàng ngày tóc thường được chải, xoa bằng dầu dừa để bảo vệ và nuôi tóc được óng ả, mượt mà.

Phụ nữ tiểu thương thành thị, ngoại thành miền Bắc thường mặc áo cánh trắng hay nâu, mở hoặc kín tà. Cổ áo hình tròn, hình quả tim, cổ vuông hoặc cổ thìa... Áo dài tứ thân nâu non buộc vạt, thả múi phía trước. Có người mặc kiểu hai vạt quặt chéo buộc ở sau lưng. Ngoài ra họ còn mặc loại áo gọi là áo dài đổi vai, gồm những miếng vải khác màu nối ở lưng, vai và phía trên cánh tay hoặc ở phía dưới hai vạt trước và sau. Đặc biệt những miếng đổi màu thường may so le nhau. Họ vấn khăn vải hay nhung đen, chít khăn mỏ quạ, mặc quần đen bằng vải láng, phi hoặc lụa, thắt bao lưng (ruột tượng) bên trong áo dài và áo cánh. Ruột tượng là một ống vải dài khoảng 150cm, rộng 15cm, hai đầu hình chéo vát, bên trong để tiền và giấy tờ, thắt múi thả phía trước. Bao lưng thường màu xanh, vàng chanh hay hoa lý, hồng điều...

Vào ngày hội, phụ nữ miền Bắc mặc các kiểu trang phục cổ truyền, đồng thời biết khéo léo sử dụng nhiều màu sắc tự nhiên, gần gũi với cuộc sống làm cho bộ trang phục biểu lộ rõ xu hướng thẩm mỹ.

Bộ áo mớ ba trong những ngày xuân trẩy hội nơi đình làng là trang phục điển hình của những cô gái Kinh Bắc. Đó là một bộ áo dài ba chiếc: ngoài cùng là áo tứ thân bằng the màu thâm hay màu nâu hoặc màu tam giang, hai chiếc ở trong màu mỡ gà và cánh sen, vàng chanh và hồ thuỷ. Cổ áo tròn, vạt thẳng, tay áo bó, cổ tay xẻ một đoạn để xỏ tay được dễ dàng.

Áo dài thường cài cúc cạnh sườn, đoạn từ nách lên cổ lật chéo để lộ ba màu áo ra ngoài. Bên trong là áo cánh trắng không cài cúc cổ, tôn màu yếm hoa hiên hay đỏ thắm,

cổ yếm có hai dải bơi chèo (vì trông giống chiếc bơi chèo) buộc sau gáy để lộ ra phía ngoài những lớp áo. Với việc khéo chọn màu sắc, cách mặc áo vạt buông, thắt tế nhị khiến trang phục của phụ nữ miền Bắc trông hấp dẫn mà vẫn giữ được sự nền nã, kín đáo, hài hoà.

Ngoài áo dài, phụ nữ miền Bắc còn mặc váy lưỡi trai bảy bức bằng lĩnh hay sồi đen dài chấm gót. Cạp váy bao giờ cũng may rộng bản, khoảng từ 8cm - 10cm, màu sáng như xanh, vàng chanh hay hồng điều. Màu đen của váy làm nền cho những dải thắt lưng bằng vải sồi hay lụa tơ tằm màu mỡ gà, màu hồng đào, màu hoa thiên lý.

Cũng có khi họ mặc chiếc áo dài màu (xanh, hồng hoặc hoa hiên...) bằng lụa Tây Hồ, cài khuy cạnh, ngoài là áo dài the thâm La Cả làm dịu màu áo bên trong, tạo nên một sự hài hoà thật độc đáo. Ngoài áo, họ mặc váy hay quần lĩnh Bưởi, thắt lưng màu lục hay màu tím tam giang, buộc múi ra ngoài vạt áo trước.

Vào ngày hội, họ đội nón quai thao (nón thúng hay nón ba tầm). Nón hình tròn, mặt trên bằng, xung quanh có gờ dày khoảng 10cm - 12cm bằng lá gồi, khâu dây móc. Mặt dưới, ở giữa gắn một ống hình tròn bằng tre đan để làm chỗ dựa đội lên đầu cho cân gọi là chũm nón. Quanh chũm nón là những vòng tre chuốt nhỏ, khâu bằng chỉ tơ, đan chéo sợi với nhau rất công phu, trang trí hình bướm hay những bông hoa bằng chỉ nhiều màu. Quai nón làm bằng dây thao đen (do đó gọi là nón quai thao), gồm từ một đến ba dây chập lại buông xuống đến thắt lưng, (có khi quai nón là một dải vải dài). Hai đầu quai nón mỗi bên có năm, bảy đến mười nhóm tua nhỏ, dài khoảng 25cm - 30cm.

Dưới chân họ đi đôi dép cong (bằng da trâu) hay đôi guốc cong bằng gỗ sơn đen, quai tết bằng da hay mây (một quai ngang hoặc hai quai chéo).

Ngoài ra, họ còn đeo bên mình một bộ xà tích bằng bạc, ống đựng vôi bằng bạc và con dao nhỏ, chuôi bằng sừng, vừa là đồ trang sức đồng thời dùng để bổ cau, têm trầu.

Đồ trang sức của phụ nữ miền Bắc thuộc tầng lớp trên gồm chuỗi hột vàng đeo cổ, càng giàu có càng quấn nhiều vòng. Cổ tay đeo vòng vàng, vòng ngọc thạch hoặc xuyến vàng. Xuyến là một loại vòng mình dẹt, hai đầu khoằm ôm vào mình xuyến, có thể nới rộng ra để lồng bàn tay vào rồi thít cho vừa cổ tay. Xuyến mặt nhẵn gọi là xuyến trơn. Xuyến chạm trổ gọi là xuyến chạm. Những người giàu làm xuyến to bản tới 4cm còn thông thường là 7-8mm chiều ngang.

Phụ nữ Quảng Trị, Thừa Thiên, Huế đeo kiềng vàng (kiềng vàng là một vòng tròn hình ống, đường kính tiết diện khoảng dưới 1cm, chạm trổ xung quanh hoặc để trơn), cổ tay đeo xuyến. Nếu là xuyến chạm, thường là một chiếc to, xuyến trơn gồm nhiều chiếc nhỏ, đeo ra ngoài tay áo. Ngón tay đeo nhẫn vàng trơn hay mặt ngọc.

Phụ nữ miền Nam thuộc tầng lớp khá giả đeo chuỗi hạt vàng quấn nhiều vòng quanh cổ, thả trễ xuống ngực. Ngoài ra họ còn đeo dây chuyền nách, một loại dây bằng vàng vòng qua cổ, đeo chéo xuống nách. Chân đi đôi guốc đế gỗ hoặc đi văn hài...

Với chính sách cai trị của Pháp, làn sóng văn hoá Tây Âu tràn vào Việt Nam đã ảnh hưởng tới thị hiếu của tầng lớp tư sản, tiểu tư sản, đặc biệt là thanh niên thành thị



trong các phong trào "Sống mới", "Vui khoẻ", "Trẻ trung". Năm 1935, ở Hà Nội, áo dài "Lơ Muya" xuất hiện với các kiểu được xem là "mốt tân tiến". Áo vai bồng, tay măng sét

(như tay áo sơ mi nam) hay tay chun. Cổ áo tròn khoét sâu xuống ngực, viền đăng ten, hoặc kiểu lá sen tròn, lá sen cài vắt chéo... Gấu áo cắt hình sóng lượn, đáp vải khác màu hay đính những đường đăng ten diêm dúa. Nhiều chi tiết của áo dài "Lơ Muya" giống áo, váy của phụ nữ châu Âu thời gian đó. Năm 1939, áo dài "Lơ Muya" có ít nhiều cải tiến: cổ áo đứng cao từ 1 đến 2 cm, tay thẳng, may liền vải, cổ tay hẹp, viền nhỏ. Có kiểu ở cửa tay, gấu, nẹp cài cúc đều viền vải khác màu thành đường nẹp rộng khoảng 0,5cm gọi là áo lé nẹp. Có kiểu gấu áo vê tròn lẳn, không gập.

Sau một thời gian, chiếc áo dài truyền thống lại được phục hồi. Phụ nữ thành thị tiểu tư sản, phụ nữ cao tuổi thường mặc áo dài cổ đứng cao từ l đến 2 cm, góc thẳng, quần đen. Các cô gái thường mặc áo cổ cao từ 4cm đến 7cm dựng bằng vải hồ cứng, góc tròn. Vạt áo lượn, tà khép, quần trắng.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, trang phục của phụ nữ nông thôn có nhiều thay đổi để phù hợp với cuộc sống vừa lao động sản xuất, vừa chiến đấu. Họ mặc áo cánh nâu, cổ tròn hay cổ quả tim, trong mặc áo lót không tay, quần đen bằng vải phin hay láng. Vấn khăn và chít khăn vuông mỏ quạ. Những người thoát ly làm cán bộ mặc áo kiểu sơ mi đại cán, tay thẳng, cổ hình cánh nhạn, áo thường may bằng vải màu xanh hoà bình hay ka ki màu xi măng, màu be hồng; tóc búi hoặc cặp lại; đi dép cao su đen. Thời gian này, ở vùng tự do hầu như vắng bóng những chiếc áo dài màu sắc của nữ thanh niên nhưng các bà, các cụ vẫn mặc áo tứ thân đi lễ, đi hội, đi họp...

Ở miền Trung và miền Nam, phụ nữ vẫn giữ được nền

nếp ăn mặc truyền thống. Ở vùng Pháp tạm chiếm cũng không có gì thay đổi đặc biệt lắm trong tầng lớp phụ nữ lao động, tiểu thương và một số phụ nữ tiểu tư sản.

Sau khi hoà bình được lập lại, ở miền Bắc, phụ nữ thành thị, nông thôn đều tích cực tham gia hoạt động xã hội. Để phù hợp với cuộc sống mới, phụ nữ thành thị dần dần thay đổi cách ăn mặc. Phụ nữ cao tuổi thường mặc áo cánh ngắn hoặc áo bà ba, may sát eo, tà rộng, thân dài, đường gấu cong hình vành lược, cửa tay rộng; cổ áo hình quả tim hoặc cổ thìa, cổ vuông... may bằng các loại vải mỏng như phin nõn, lụa, pô-pơ-lin... Cán bộ, nhân viên cơ quan, xí nghiệp thường mặc áo sơ mi kiểu Hồng Kông, cổ bẻ, tay thụng. Hầu hết nữ thanh niên mặc áo sơ mi chiết eo hay kiểu Hồng Kông bó. Tay áo dài, cửa tay có măng sét to hoặc nhỏ, tay lửng hay áo cộc tay, vai bồng. Các kiểu cổ áo: hai ve, lá sen nằm, lá sen đứng, lá sen vuông, một ve nhọn v.v... Áo may bằng nhiều loại vải và nhiều màu sắc, điểm hoa hoặc kẻ ô, kẻ sọc. Quần màu đen được dùng phổ biến trong mọi tầng lớp, thường may bằng lụa chéo, lụa trơn, lụa hoa hay sa tanh, lanh, phíp v.v...

Mùa rét, phụ nữ thường mặc áo bông Tàu: cổ áo đứng cao 5cm (như cổ áo dài) vai tra, cửa tay rộng. Áo thắt eo, tà rộng, chần mỏng, cài khuy, khuy thường bằng vải tết hình chiếc lá hay hình bướm cùng màu với vải áo. Kiểu áo bông này mặc gọn và đẹp. Còn áo kép là loại áo may bằng hai lần vải dày như nhung, hoặc sa tanh hoa hay trơn... cũng may như hình thức áo bông Tàu nhưng ở giữa không có bông (áo kép thường mặc vào mùa thu). Các cô gái mặc áo vét Hồng Kông có ly hay may thẳng, bằng vải ka ki dày, cổ hai

ve nhọn, tròn hoặc lá sen đứng, cúc cài ở giữa hay cài lệch bên ngực, hai túi thẳng hoặc chéo, tay thẳng, gấu tay gập vào trong hay lật ra ngoài. Ngoài áo vét còn có áo len các loại: dài tay hoặc không tay, áo mở, cài cúc, hay chui đầu, thân áo dài đến cạp quần, mặc ra ngoài áo sơ mi hay trong áo vét, cổ quàng khăn san, khăn nilông, khăn hoa hoặc khăn len...

Những người đứng tuổi thường quấn tóc trần, búi tóc hoặc uốn tóc, nữ thanh niên cặp tóc, tết đuôi sam, cắt tóc ngắn đến ngang vai hoặc uốn tóc; đi guốc gỗ, guốc nhựa đế bằng, hoặc cao gót từ 5cm - 7cm - 9cm, lòng máng, có một quai ngang hay hai quai chéo hoặc dép lê bằng nhựa nhiều kiểu và nhiều màu khác nhau.

Thời gian này, trang phục lao động của phụ nữ trở nên đa dạng do việc họ tham gia vào các ngành nghề khác nhau. Nữ công nhân mặc quần áo bảo hộ lao động màu tím than hay áo sơ mi trắng, quần tím than liền yếm. Tóc cặp gọn lên cao, cắt ngắn hay uốn, đội mũ lưỡi trai hay trùm bao tóc bằng vải hoặc buộc chéo trên đầu chiếc khăn nhiều màu, chân đi giày ba-ta, giày vải, dép cao su đen hoặc "bốt"... Phụ nữ ngành y tế mặc áo bờ lu (blouse) dài màu trắng, quần vải trắng, đội mũ tròn trắng khi làm việc. Nữ mậu dịch viên mặc áo sơ mi cổ hai ve, tay thẳng rộng, màu xanh hòa bình hay màu trắng.

Phụ nữ lao động ở thành thị và nông thôn Trung Bộ thường mặc áo cánh ngắn hay áo bà ba bằng nhiều loại vải và nhiều màu khác nhau, quần màu đen, ống rộng, bằng sa tanh hay ni lông, tóc búi gọn sau gáy, có người vấn khăn như phụ nữ miền Bắc. Phụ nữ đứng tuổi tầng lớp trên ở

thành phố, thị trấn mặc áo dài may sát thân, màu sáng như màu hoàng yến, màu xanh da trời..., cổ đứng, cao từ 3 - 5cm. Đặc biệt, màu tím Huế của chiếc áo dài vẫn được phụ nữ ưa chuộng. Tóc của họ vẫn búi như bình thường. Tuy nhiên, thời gian này đã xuất hiện một kiểu tóc khá cầu kỳ, búi tóc cao lên đỉnh đầu cuộn lại thành hình mỏ phượng, những dải tóc ở bên và ở gáy được chải, xếp thành nhiều lớp như cánh phượng, gọi là búi tóc phượng. Nhiều người vấn tóc trần, sau khi vấn tóc sau gáy chải một lớp tóc võng xuống hình lưỡi trai. Nữ sinh mặc áo dài trắng, quần trắng, tóc cặp trễ sau lưng hay cắt ngắn ngang vai (tóc thề), đội nón trắng và mỏng, lồng giữa hai lớp lá là những hàng chữ bằng giấy màu, gọi là nón bài thơ. Quai nón làm bằng dải lụa màu hồng, xanh da trời hoặc hoàng yến... thắt như đôi bướm ở hai đầu trong vành nón hoặc buộc nút buông hai đầu mềm mại rủ xuống cạnh mái tóc. Phụ nữ Huế ít dùng đồ trang sức, một số vẫn đeo kiềng vàng.

Ở miền Nam, chế độ chính trị khác với miền Bắc khiến trang phục phụ nữ có nhiều điểm khác biệt, nhất là trang phục của phụ nữ thành thị. Phụ nữ lao động mọi lứa tuổi ở nông thôn thường đội khăn rằn, mặc quần áo bà ba màu đen, trắng, xanh, nâu, gụ, hoa... bằng nhiều loại vải, phổ biến là ni lông. Áo dài vẫn được sử dụng. Người nhiều tuổi thường để tóc dài, búi gọn sau gáy. Nữ thanh niên cặp tóc hoặc xoã tóc. Ở thành thị, phụ nữ nhiều tuổi mặc áo dài may sát thân, vạt dài quá đầu gối, mặc quần trắng hoặc đen, tóc búi gọn sau gáy hoặc uốn tóc. Nữ thanh niên tầng lớp trên ăn mặc theo mốt hiện đại trên thế giới.

Những năm 1960, hàng ni lông tràn ngập miền Nam,



thịnh hành nhất là kiểu áo dài mỏng được mặc ra ngoài một loại áo lót, cổ khoét rất sâu xuống, không tay, may liền với quần sa tanh đen. Ít năm sau, Trần Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu tung ra một kiểu áo dài khoét cổ ngang - bị phản đối kịch liệt - nhưng rồi người ta lại khoét cổ tròn, cổ vuông, cổ nhọn... tay áo ngắn hơn, tà rộng, dài ra, thân áo bó sát, thắt eo.

Những năm sau 1968, trong phong trào "mi ni", chiếc áo dài lại đổi dạng, tà áo rất hẹp, vạt ngắn đến đầu gối, cổ cao, vai nối chéo, cánh tay áo ngắn, ống tay rộng. Áo dài may bằng các loại vải nội, vải ngoại với các màu trắng, màu sáng, màu bồ quân, màu tím Huế... Thân và vạt áo có khi thêu hoa, thêu rồng, thêu phượng. Nếu là vải hoa thì in đủ các cỡ hoa to, hoa nhỏ nhiều màu sặc sỡ hoặc hình kỷ hà.

Phong trào mặc áo váy đầm cũng phát triển. Váy từ kiểu dài quá đầu gối, may phồng và hơi khum phần dưới sau lại may thẳng, xẻ chút ít ở giữa thân sau, may xếp li hoặc may bó, mặc với áo ngắn tay hoặc không tay, ngang lưng có dải vải thắt ngoài, hoặc mặc với áo thắng, cổ viền, túi viền... một màu hay nối màu. Điểm xuyết vào các bộ trang phục này là những đường ren trên ngực, bên vai, hay ở thắt lưng đính bông hoa bằng vải, "nơ" to, hoặc chiếc kẹp trang sức đá quí, dải vải mỏng, dài... Nếu mặc áo ngắn tay hay không tay, người ta thường đeo găng ngắn hoặc dài bằng ren hay xoa thêu đẹp. Có người quàng khăn mỏng trên vai, đeo hoa tai. Sau năm 1968, chiếc váy mi ni ra đời, ngắn trên đầu gối.

Áo thời kỳ này, áo dệt thun chui đầu với các kiểu cộc tay, không tay, cổ bẻ hay không cổ, được mặc ra ngoài váy. Loại áo dài tay cài khuy "măng xét" cũng được sử dụng. Đặc biệt, áo sơ mi may rất dài, thân trước xẻ làm ba vạt.

Quần thời kỳ này là các loại quần thun bó sát, hoặc rộng dài. Quần Âu ống loe 30cm - 40cm xuất hiện với nhiều loại thắt lưng da các màu, to bản, có cả thắt lưng bằng kim khí. Những năm về sau này, ống loe phát triển, ống rộng 50cm rồi 60cm, hai bên ống quần không nối, gấu quần không vén, không máy mà được đốt thành những hình sóng lượn.

Áo quần kiểu "híp-pi" một thời chiếm lĩnh mốt thời trang Sài Gòn. Áo may bằng vải xô mỏng, thêu rối rắm, tay dài hoặc ngắn. Có loại áo may rất ngắn, để hở cả lưng, bụng người mặc, ống tay áo dài hoặc ngắn nhưng rộng, gấu tay áo thít lại cho tay áo phồng lên. Quần bò Zin bó đùi, bạc phếch, có khi vá miếng da ở đầu gối, ở mông...

Giày dép cũng thay đổi nhanh chóng. Năm 1954 - 1959, phụ nữ giàu sang mới có điều kiện đi giày da đế mỏng, mũi nhọn, gót cao. Ít năm sau, người ta đi giày mũi vuông, gót vuông, thấp. Nếu mặc áo dài thì đi guốc gỗ gót cao, nhọn, sơn mài hay sơn các màu, vẽ hoa lá. Tiếp đó xuất hiện những đôi giày rất cao, rất thô, những đôi guốc cao hơn 10cm.

Đồ trang sức phổ biến gồm vòng tay bằng nhựa nhiều màu đeo ở cổ tay hay cổ chân. Nhẫn phần nhiều đều gắn mặt đá màu cỡ lớn. Hoa tai vòng to. Trang sức ở cổ là vòng đồng hoặc chuỗi hạt to.

Kính đeo mắt gọng nhựa, mắt kính càng ngày càng to với các hình tròn, hình chữ nhật, hình vuông màu xanh, tím nhạt, hồng nâu v.v...

Các mốt trang điểm phát triển theo mốt trang phục. Môi son, má hồng, mắt kẻ đậm, mi tô màu xanh, nâu hoặc tím, lông mày nhổ, để lại một hàng chỉ rồi vẽ cho đậm. Móng tay, móng chân đánh hồng, đỏ, nâu, tím, xanh, nhũ bạc...

Từ ngày thống nhất đất nước đến nay, trang phục của phụ nữ ba miền không còn sự khác biệt nhiều nữa. Phụ nữ đứng tuổi ở thành thị ngày thường mặc áo cánh, áo bà ba, áo sơ mi, hai vạt trước hay ở ngực thêu hoa thưa hoặc giua nổi một vài họa tiết. Gấu áo, cổ tay, miệng túi, đường viền cổ hai bên tà áo đều giua. Có hình thức thêu hoa ở chung quanh gấu áo hoặc ở bốn góc tà áo trước và sau, vai áo tròn (cắt liền vải), hoặc vai chéo (raglan). Ngày lễ, ngày tết họ mặc áo dài màu trang nhã.

Nữ thanh niên có nhiều kiểu áo, áo bộ đồ mặc ở nhà, áo chui, áo mở, áo sơ mi chiết ly, áo sơ mi Hồng Kông, vai áo

bồng, vai liền, vai chéo, áo có hoặc không có cầu vai, áo có cả cầu ngực hoặc trang trí đường nổi ở ngực áo thành nửa hình tròn, hình vuông, hình nhọn, áo ngắn tay hoặc dài tay, tay măng xét, tay lửng, tay chun, tay loe, tay thụng, tay chun xi-mốc v.v... Áo mở tà hoặc không mở tà, vạt áo cong vành lược, hoặc lượn hình cung, hoặc tròn... Có kiểu áo hai hoặc một túi ngực nổi, có hoặc không có nắp, miệng túi thẳng hoặc chéo, có kiểu túi hình trái đào. Ve cổ áo nhiều kiểu phong phú: cổ liền, cổ thìa, cổ quả tim, cổ vuông, cổ chữ U, có nẹp hoặc làm xi-mốc, cổ tròn, cổ chữ B, cổ một ve, cổ hai ve tròn, cổ hai ve nhọn, cổ hai ve liền, cổ lá sen tròn, cổ lá sen nhọn, lá sen vuông, lá sen nằm, cổ ve đứng có chân, cổ đứng (như cổ áo dài), cổ cánh nhạn, cổ lật nhọn, cổ lính thuỷ, cổ Nhật Bản, cổ san v.v...

Các kiểu áo cầu kỳ thời gian này như áo cánh bướm, áo cánh dơi. Đặc điểm của áo cánh bướm là cổ áo tròn, tay áo loe rộng, gấu áo là một đường cong. Khi mặc, giang thẳng hai tay, toàn bộ thân áo như một nửa hình tròn. Đặc điểm của áo cánh dơi là cổ áo hình nhọn (chữ V), tay áo loe rộng, gấu áo hình nhọn (chữ V). Khi mặc, giang thẳng hai tay thì trông toàn bộ thân áo như một hình tam giác cân. Kiểu áo này được may bằng chất liệu mềm, tạo những nếp rủ làm cho những đường cong ở cửa tay, gấu áo mềm mại, áo có các màu sặc sỡ, các hình trang trí ở cổ áo, tay áo, gấu áo. Nhiều kiểu áo dệt kim cộc tay, áo phông đơn giản hợp với tuổi trẻ, tạo dáng khoẻ mạnh, áo sơ mi ghép nhiều màu bằng vải hoa hay vải trơn vào các bộ phận hợp lý như cổ áo, tay, ngực, vai... làm cho chiếc áo thêm hấp dẫn. Sau một thời gian dài mặc quần đen ống hẹp, ống thẳng, rộng, hơi

loe, gần đây đa số phụ nữ mặc quần Âu, quần ống đứng, ống vẩy, quần bò, quần lửng, váy ngắn.

Các kiểu áo mùa đông phát triển rất mạnh, áo vét; áo len dài tay, ngắn tay, không tay; áo khoác kiểu măng-tô có đai thắt eo, áo chui đầu cổ cao, gấu chun hoặc không gấu... đan hoặc dệt, nhiều họa tiết và màu sắc, áo măng tô, áo lông, áo vi-ni-lông, áo dệt kim dày kiểu thể thao, áo liền mũ thắt dây lưng như áo trượt tuyết của các nước châu Âu, áo dạ, áo da v.v...

Ở thành thị miền Bắc, phụ nữ vấn khăn chỉ còn lại số ít. Người nhiều tuổi thường búi tóc, uốn hoặc cắt tỉa ngắn, nữ thanh niên uốn tóc các kiểu hay cắt tỉa, uốn điện để tóc ốp vào đầu, hoặc để tóc dài, cắt ngang vai v.v...

Vào mùa lạnh, phụ nữ nông thôn chít khăn vuông vải đen hay sợi dệt, khăn ni lông... Nữ thanh niên đội mũ len đan hình tròn ống, có người đội mũ nồi, mũ lưỡi trai bằng nhung, chít khăn vuông mỏng, quấn khăn dài nhiều màu hoặc quấn khăn dài bằng len móc, hai đầu khăn có tua. Giày, guốc vẫn có các kiểu gót nhọn, gót vuông, gót bằng. Chất liệu giày bằng da, giả da, dép, guốc nhiều màu.

Thời gian sau này, có hiện tượng giao hoà trong trang phục phụ nữ nông thôn và thành thị, đặc biệt là trang phục khi không lao động. Trong hoàn cảnh đất nước thống nhất, sự giao lưu thuận tiện giữa ba miền đã tạo điều kiện cho sự giao lưu trang phục phát triển. Bộ quần áo bà ba không chỉ phổ biến ở miền Nam, màu tím Huế đã thấy thấp thoáng ở Hà Nội, chiếc nón lá Vĩnh Phú, Hà Tây... đã đi vào Nam. Đặc biệt, chiếc áo dài truyền thống, dù tà dài hay ngắn, rộng hay hẹp tà, màu trắng hay màu vàng, điểm hoa

to, nhỏ hay in các hình ngang, dọc nhiều màu, bằng vải thường hay lụa quí... ngày nay là chiếc áo dài của cả ba miền, bên cạnh những tấm áo dài nâu non đối vạt, buông vạt hoặc thắt vạt, bên cạnh những tà áo màu tím Huế, những tấm áo dài cài khuy cổ truyền phụ nữ ở miền Nam thường mặc. Có thể nói, chiếc áo dài của phụ nữ Việt Nam đã trở thành một biểu tượng của Việt Nam đối với thế giới.

Đặc biệt, gần đây, các cuộc trình diễn thời trang trong nước và quốc tế phát trên sóng truyền hình khiến trang phục của phụ nữ, đặc biệt phụ nữ thành thị ngày càng nổi bật về tính thời trang bên cạnh tính tiện dụng.

### ❁ Trang phục nam giới người Kinh

Trang phục đàn ông các vùng miền tương tự như nhau. Đàn ông thuộc tầng lớp lao động miền Bắc, miền Trung thường mặc quần áo bằng vải Đồng Lầm nhuộm nâu. Áo cánh ngắn, bốn thân cài cúc giữa hay năm thân cài cúc bên, cổ tròn đứng, vuông góc. Quanh cổ có lót (ở phía trong áo) một miếng vải trùm một phần vai, lưng, ngực gọi là cổ lá sen, có tác dụng làm cứng vai áo và lâu rách do vai thường bị cọ xát nhiều (do gánh, vác). Gấu áo, gấu tay viền to hơn áo phụ nữ. Hai vạt trước có hai túi. Đặc biệt, ở miền Trung có loại áo *lác* được đan bằng sợi cỏ lác phơi khô, mặc khi giá rét. Áo là một hình chữ nhật gập đôi, giữa khoét miếng tròn làm cổ áo. Khi mặc, chui đầu qua cổ áo, buộc một sợi dây ngang bụng, giữ cho hai vạt áo trước và sau sát vào người.

Quần nam giới là loại quần lá tọa - may rộng, đũng thấp, ống thẳng. Khi mặc, thắt dây lưng ra ngoài cạp rồi kéo cạp lên hoặc xoắn cạp làm cho ống quần cao lên. Lúc

lao động có thể vén ống quần lên quá bắp chân, xoắn gọn lại (gọi là quần xắn móng lợn). Cũng có thể mặc quần đùi (quần cụt) cho thuận tiện.

Tóc đàn ông để dài như tóc đàn bà, búi cao lên phía sau đỉnh đầu. Người lao động chít khăn đầu rìu. Khăn là miếng vải vuông, mỗi chiều 40cm - 50cm. Gập chéo khăn lại thành hình tam giác, góc giữa để về phía sau gáy, hai góc cạnh buộc với nhau phía trên trán, có tác dụng giữ búi tóc phía sau và để tóc phía trước không xoã xuống mặt. Nhiều người chỉ quấn trên đầu một vòng khăn sơ sài bằng dải vải dài cuộn xoắn lại.

Đàn ông lao động thường đi chân đất. Khi có việc đi đâu hoặc buổi tối rửa chân mới xỏ đôi guốc gỗ một quai ngang hay hai quai chéo. Người già đi guốc mũi cong.

Ở miền Nam, quần áo nam giới phổ biến may bằng vải đen rộng rãi theo kiểu bà ba. Áo bốn thân, cổ đứng, cài khuy giữa, ống tay rộng, quần mặc như quần lá tọa miền Bắc.

Ở thành thị, có thời gian những người kéo xe tay, trong mặc áo cánh trắng cháo lòng, ngoài mặc áo cánh bốn thân viền nẹp màu, rộng bản ở cổ áo, cổ tay áo, gấu áo, cạnh tà áo... thường không cài cúc. Người nghèo mặc áo bằng vải gai cộc tay, hở nách, thân áo ngắn hở cả lưng... Mùa rét, đa số phải quàng khố tải.

Nhìn chung, khi có việc tới những chỗ quan trọng (chốn đình trung), nam giới mới mặc áo dài the đen, quần ống sớ (ống thẳng, đũng cao). Riêng các nhà nho và những người có địa vị trong xã hội ngày thường cũng mặc áo dài, đội khăn lượt.



Trang phục ngày lễ, ngày tết của đàn ông rất đơn giản. Đàn ông miền Bắc, miền Trung thường mặc quần lá toạ, áo năm thân ngắn bằng vải màu trắng, người giàu mặc áo lụa tơ tằm màu vàng hoặc đũi màu ngà, thắt lưng nhiễu tím tam giang, hồng điều, hay xanh lục... ở trong áo, dải thắt lưng buông rủ một đoạn ngắn phía trước. Nếu mặc áo dài the thâm, họ thường mặc thêm áo dài trắng bên trong, đôi

khi họ mặc áo the màu nâu hay màu xanh lam, cổ áo cao, đứng, vuông góc. Áo the may năm tà, khi cài cúc, vạt trước đè lên vạt nhỏ bên trong tạo nên màu sẫm làm thành hai mảng đậm nhạt khác nhau. Đi hội, họ buộc thắt lưng màu ra ngoài áo the, bỏ bên cạnh sườn. Những người có chức tước hoặc giàu có trong xã hội thường mặc áo dài may bằng gấm (có hoa văn chữ thọ), vóc, đoạn, sa tanh, sa trơn.

Từ 1925 trở về sau, đàn ông thành thị miền Bắc vào mùa nắng chỉ mặc một áo dài trắng, mùa rét mặc loại áo dài bằng dạ khoác ngoài, theo kiểu phương Tây gọi là ba-đơ-xuy (pardessus), quấn khăn phu-la (foulard) quanh cổ. Những người có chức sắc ở nông thôn như chánh tổng, lý trưởng... thường mặc áo the đen dài, khoác thêm áo vét-tông (veston) ra ngoài. Đàn ông thường đi văn hài là loại giày đế cao bằng giấy bồi cứng, mũi giày bằng vải nhung hay bằng vóc màu đen hoặc màu lam, khum kín các ngón chân và hai cạnh bàn chân, thêu hình rồng hoặc hình hoa lá nhiều màu. Ngoài ra, còn có loại hài bằng da dê núi, bịt gót, giày hạ (giày bằng da, có mũi che phần trên các ngón chân), ủng (giày có cổ cao)... những thứ này chủ yếu là của tầng lớp trên.

Đàn ông miền Nam mặc quần áo bà ba trắng. Người nhiều tuổi cũng mặc áo dài trắng bên trong, áo dài đen bên ngoài, cổ đứng, chân đi giày da láng (mũi giày bằng da sơn đen bóng), giày guốc (đế bằng gỗ, mũi trên bằng da), giày cóc (trông giống đầu con cóc) hoặc đi guốc gỗ một quai v.v...

Những người còn để tóc dài thường quấn khăn lượt đen. Gọi là khăn lượt vì chất liệu là loại vải lượt (sau thay bằng loại vải mềm khác như nhiễu, là màu tím tam giang),

dài trên 2m, rộng 30cm, gập đôi (có khi gập ba) theo chiều dài, quấn nhiều vòng trên đầu. Khi chít khăn, hai nếp khăn đầu trong cùng xếp chéo lên nhau, chữ nhân được tách cách xa những nếp vòng quấn lên cao, cũng có khi họ quấn khăn thành nhiều vòng, quấn bè ra và cao lên làm thành một tầng khác.

Nón của đàn ông đa phần có hình chóp, có người đội nón chỏm bằng, khum cạnh hình quả bứa cắt ngang gọi là nón quả bứa. Nón miền Bắc, miền Trung làm bằng lá gồi, miền Nam làm bằng lá dừa... Quai nón đơn giản làm bằng vải sợi dây mây, dây vải, nếu sang trọng làm bằng lụa bạch, thao đen...

Nhìn chung, trang phục của người dân trong sinh hoạt và lao động hàng ngày cả một giai đoạn dài hầu như định hình, ít thay đổi. Bước vào thời kỳ thuộc Pháp, trang phục đã có sự cách tân, biến đổi. Sự tiếp xúc văn hoá giữa phương Đông và phương Tây đã tác động nhiều mặt tới sự phát triển văn hoá nước ta, trong đó trang phục là một trong những biểu hiện rất rõ nét. Trang phục của người Kinh thời kỳ này tiếp nhận những nhân tố mới của phương Tây về cách ăn mặc, nhất là ở thành thị - nơi giao lưu nhiều, còn ở nông thôn, trang phục trong lao động về cơ bản không có gì thay đổi.

Ở thành thị đã có những thay đổi căn bản trong cách ăn mặc, trang phục của nam giới tiếp thu kiểu mặc châu Âu: áo sơ mi, quần âu, áo vét tông, cà vạt, mũ phớt, giày da bắt đầu xuất hiện.

Từ năm 1910, nhiều đàn ông (nhất là thanh niên thành thị) đã cắt tóc ngắn nhưng vẫn quấn khăn lượt. Ra đường

họ dùng ô màu trắng hay đen, thường gọi là ô cánh dơi (vì khi giương ô lên, hình bộ gọng và vải ô giống cánh con dơi).

Những năm 1930, phong trào cắt tóc ngắn, rẽ ngôi lệch phát triển rầm rộ. Những người đứng tuổi mặc áo dài, đội khăn xếp, hình thức như khăn quấn, nhưng được làm sẵn, khi cần chỉ chụp lên đầu như đội mũ, rất tiện lợi, không mất thì giờ quấn nhiều vòng như trước. Khăn xếp ở miền Bắc vẫn còn hình chữ nhân ở trước trán, miền Trung là hình lưỡi trai.

Thời kỳ này, có một tầng lớp mới xuất hiện - đó là những người đi làm (viên chức). Ngoài trang phục dân tộc như áo the khăn xếp, họ còn mặc Âu phục gồm quần tây, áo sơ mi, áo gi-lê, áo vét-tông, cà vạt. Ngoài com-lê, họ còn mặc các loại áo khác như va-rơi, blu-dông..., chân đi giày Tây bằng da đen, đội mũ phớt, mũ cát két bằng dạ, bằng vải... Mùa hè, tầng lớp viên chức đi giày hai màu "đơ cu-lơ" (deux couleurs), đội mũ cát (casque) trắng... Mũ cát làm bằng li-e hay bằng dút, ngoài bọc vải rồi quét sơn trắng. Mũ cát trắng có loại rộng vành, có loại hẹp vành, có loại tròn, có loại hơi hình bầu dục, chỏm bằng.

Sau cách mạng tháng Tám 1945, trang phục đàn ông ở thành thị được Âu hoá khá nhanh. Ở nông thôn còn phải trải qua một quá trình lâu hơn mới có sự thay đổi căn bản. Sau kháng chiến chống Pháp, mối quan hệ thành thị, nông thôn trở nên hoà đồng. Nhiều thanh niên nông thôn bắt đầu mặc áo sơ mi, quần Âu, trong khi đó nhiều cán bộ xuất thân ở thành thị cũ đã thường xuyên mặc quần áo nâu để dễ thâm nhập vào quần chúng nông thôn.

Ở miền Bắc, từ năm 1954, đàn ông hay mặc áo vải ka ki

đại cán, bốn túi. Mùa hè họ mặc sơ mi cộc tay, may thẳng, không bó, cổ hai ve. Khi mặc thường bỏ ra ngoài quần cho đỡ nóng. Có thời kỳ ống tay và thân áo rộng, sau đó ống tay và thân áo được may hẹp lại, trông gọn và khỏe. Áo sơ mi dài tay, mùa hè khi mặc họ hay xắn lên trên hay dưới khuỷu tay. Đàn ông cao tuổi vẫn mặc bộ quần áo cánh ta màu nâu, màu xanh hay trắng hoặc kiểu áo sơ mi ba túi, cổ hai ve.

Mùa rét, họ mặc áo ka ki có hai túi chéo, màu tím than, vỏ áo trùm ra ngoài một nền bông trần ô vuông, phù hợp với cuộc sống lao động thời chiến. Khi áo bẩn, chỉ việc tháo vỏ ngoài ra giặt. Đàn ông thường đi dép bằng lốp ô tô (dép cao su đen) vì tiện lợi và rẻ tiền.

Đàn ông nhiều tuổi vùng tạm chiếm mặc áo dài the, áo sa tanh đen hay màu lam, áo gấm hoa hay chữ thọ v.v...; quần trắng ống sớ; đầu đội khăn xếp, đi giày da láng hay giày da đen, một số mặc Âu phục. Đàn ông trung niên, thanh niên mặc sơ mi, áo vét tông, thắt cà vạt, quần Âu (thường là màu sáng), đi giày da hoặc xăng đan, cắt tóc ngắn, rẽ ngôi cạnh, chải mượt, đội mũ cát, mũ lưỡi trai.

Thời gian này ở nông thôn miền Nam, ngoài quần áo bà ba, nhiều người đã mặc sơ mi. Trong các thành phố bị tạm chiếm, đặc biệt là Sài Gòn, hầu hết đàn ông đều mặc sơ mi, vét-tông, quần Âu may bằng nhiều loại vải, nhiều màu sắc, chân đi giày tây, xăng đan, săm-pô, dép nhựa các kiểu, đầu đội mũ nhựa trắng, mũ phớt, mũ lưỡi trai... bằng da hay vải.

Một thời trang châu Âu tràn ngập miền Nam, được thanh niên hưởng ứng nhanh chóng, áo sơ mi chiết ly các loại, áo thun, áo phông trước ngực và sau lưng in hình người, phong cảnh hay in các dòng chữ. Theo phong trào

"híp-py", một số nam thanh niên mặc áo bằng vải xô, may gần giống kiểu áo cánh rộng, cổ tròn trễ xuống ngực, xẻ tà, gấu dài quá mông, thêu ở ngực, cửa tay và gấu áo, quần bò "zin" sờn, bạc màu, đi guốc gỗ to, mũi bịt, gót hở, đế cao từ 5cm - 9cm, xung quanh đóng đinh mũ bằng kim loại hoặc sơn xanh, đỏ với hình vuông, tròn hoặc bầu dục. Tai và cổ của họ đeo vòng đồng to, tóc chấm vai, để râu các kiểu.

Từ năm 1975 đến nay, đa số đàn ông mọi lứa tuổi trong cả nước đều mặc quần Âu. Có thời kỳ một số thanh niên mặc quần ống bó khoảng 15cm (ống tuýp). Những năm 1970-1980, một số thanh niên mặc quân ống loe từ 30cm đến 70cm. Năm 1982, mốt quần Âu lại trở về dạng ống "tuýp", quần bó ống, bó mông và bó đùi may bằng loại vải bò, ka ki trắng hoặc nhung kẻ, có túi nổi sau mông, đính nhiều khuy bằng đồng... Một số chi tiết của quần Âu thời kỳ này có sự thay đổi, như ly lật vào trong hoặc ra ngoài, đỉa to, nhỏ ở cạp, túi thẳng, túi chéo. Đàn ông khi mặc quần đều dùng thắt lưng. Thắt lưng bằng ni lông, bằng vải, bằng da rộng từ 2cm - 8cm, khoá bằng kim loại với nhiều hình tròn vuông, bầu dục, chữ nhật, có họa tiết hoặc chữ...

Áo nam giới thường là áo sơ mi, tay măng-sét to bản. Có loại áo chiết ly, gấu áo lượn, vạt ôm lấy mông (áo đuôi tôm), có loại áo không may cầu vai hoặc có cầu vai, có hai nếp ly hoặc không có ly. Ngoài ra, còn có áo phông, áo dệt kim v.v... phong phú về màu sắc, đa dạng về kiểu may, có khi nam giới còn mặc áo hoa, loại vải mỏng...

Mùa đông cũng như những ngày lễ, ngày hội, đàn ông thành thị mặc com-lê các màu... đeo cà vạt. Cà vạt có thời gian rất nhỏ làm bằng vải pha ni lông, nay lại rất to làm

bằng các loại vải hoa. Ngoài com-lê, họ còn mặc áo vét-tông ve to, nhỏ, ve nối, ve liền, ve nhọn, ve xếch, ve đăn-tông, hai vạt áo phía trước thẳng hoặc tròn, có loại vét-tông xẻ hai đường nhỏ ở gấu áo hai bên mông và nhiều kiểu áo rét khác như măng-tô bằng dạ, áo mút, áo bay, áo blu-dông bằng da, áo len dệt, đan các kiểu v.v...

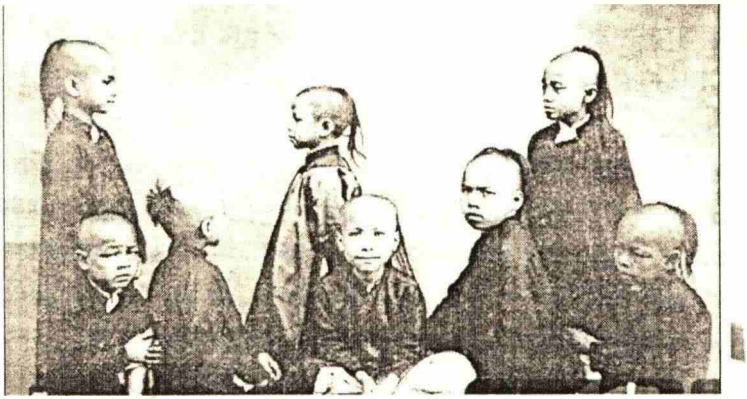
Ở nông thôn, mùa rét một số người vẫn mặc áo bông hoặc áo va-rơi bằng dạ.., đi dép cao su đen có hai quai chéo phía mũi dép và hai quai ngang đằng sau, dép cao su cải tiến đế cao từ 3cm - 7cm, có hai quai chéo như xăng đan, xăng đan bằng da, đế da hay đế kếp, dép nhựa hoặc săm pô các loại, giày tây, giày ba-ta, bát-kết thường được sử dụng.

Nhìn chung, trang phục của đàn ông trong cả nước không thấy còn sự cách biệt giữa các tầng lớp như trong xã hội cũ nữa.

### ✿ Trang phục trẻ em người Kinh

Trang phục trẻ em tộc người Kinh xưa kia chưa có sự phân biệt rõ rệt với trang phục của người lớn. Đối với các em ba, bốn tuổi, bé trai mặc áo cánh ngắn buộc dây bên cạnh (thay cúc), quần liền yếm, cổ yếm có hai dải vải nhỏ buộc ra sau gáy, hai dải bên cạnh buộc ra sau lưng, mặc quần khoét đũng. Bé gái mặc váy liền yếm cũng có dải vải dài buộc như quần con trai. Tóc bé trai thường để trái đào, một mảng dài hơn ở giữa đỉnh đầu chải ra sau (gọi là chỏm hoa roi). Tóc bé gái để một mảng ở chỗ thóp (gọi là cút trước), một mảng ở phía sau đầu để dài đến gáy gọi là cút sau.

Trẻ em thường đeo vòng tay, vòng chân, vòng cổ, khánh



bằng bạc, có gắn quả nhạc, vừa để trang sức vừa có ý nghĩa giữ "vía" cho trẻ.

Lên bảy, lên tám tuổi, các bé gái đã mặc yếm, áo cánh ngắn, ngoài mặc áo dài bốn thân màu nâu hay đen. Thắt lưng buông dải phía trước, mặc váy hoặc quần thâm, đầu vấn khăn, dù tóc không có bao nhiêu vẫn chít khăn vuông. Vào mùa rét, các em gái mặc thêm chiếc áo bằng loại vải thô mở ngực, không dùng cúc mà có dây nhỏ buộc hai vạt vào với nhau, chân đi dép da hay guốc gỗ, đeo khuyên bạc.

Các bé trai thường mặc áo cánh và quần trắng. Đi đâu cũng mặc áo dài the thâm hoặc vải trắng, cắt tóc ngắn, cũng có khi đội khăn xếp, đi guốc gỗ hoặc đi chân đất. Ở tuổi này tóc nhiều em con nhà nghèo vẫn để trái đào hoặc để cút.

Nhìn chung, thời gian này trẻ em thuộc tầng lớp giàu hay nghèo, quần áo và cách ăn mặc không phù hợp với lứa tuổi, rất giống trang phục người lớn nên trông cằn cỗi, già trước tuổi rất nhiều.

Sau này, ở thành thị, các em gái thuộc gia đình tầng lớp trên thường mặc áo dài trắng bằng lụa hay gấm, sa tanh các màu, cài cúc cạnh sườn; mặc quần trắng; đi guốc gỗ quai ngang hay giày cườm, tóc đê cút sau dài, buộc lại cho gọn hoặc cắt theo kiểu Nhật Bản (phía trước cắt ngang bằng, hai bên dài hơn ở giữa nhưng cũng cắt ngang bằng, khoanh ra phía sau), hoặc dùng lược bờm gài ngược tóc lên cho khởi xoã xuống mắt. Đồ trang sức có hoa tai, kiềng vàng, vòng tay hoặc lập lắc vàng. Các em trai mặc trang phục như ở thôn quê nhưng dùng chất liệu vải mềm mại hơn, thi thoảng mới có em trai thuộc gia đình khá giả mặc theo kiểu trang phục trẻ em châu Âu.

Từ sau năm 1954, trang phục trẻ em đã có nhiều kiểu mẫu phù hợp với từng lứa tuổi. Trẻ sơ sinh có những kiểu áo đơn giản: Áo cài cúc giữa, cài cúc bên, áo chéo vạt sau... Những kiểu áo này trẻ mặc ấm bụng và ngực, may rộng bằng những loại vải mềm, mỏng, thoáng, hợp vệ sinh. Trẻ em từ 5 tháng đến 3 tuổi, ở ngoài áo mặc thêm yếm dãi để



tránh ướt ngực, có tác dụng ấm bụng, dễ thay giặt, đỡ bẩn áo bên trong. Các loại yếm dãi gồm yếm bầu dục (đường cạnh yếm, từ thân đến gấu cắt lượn hình bầu dục), yếm hình lượn sóng (từ thân yếm đến gấu, cắt chéo rộng phía trước bụng, gấu cắt hình sóng lượn, kiêu yếm này trông giống chiếc váy nhỏ, thường cho bé gái mặc), yếm hình cánh sẻ (hình thức như chiếc áo gi-lê, hai mảnh sau từ cổ xuống gấu cắt lượn trông như cánh chim). Ngoài ra còn nhiều loại yếm hình tròn, hình vuông v.v... Tất cả các loại yếm đều cài cúc hay buộc dây sau cổ. Phía dưới nách có hai dải vải nhỏ đính ở hai bên mép yếm, khi mặc buộc lại ở sau lưng. Xung quanh cổ, nách, các đường mép thường thêu chỉ khác màu. Vạt yếm trước bụng, ngực thêu hoa hay hình những con vật như gà thổi kèn, thỏ che ô, chim bay v.v... được cách điệu ngộ nghĩnh làm cho chiếc yếm thêm đẹp. Ở lứa tuổi này, các bé thường mặc quần cắt theo kiểu quần ta, cạp chun.

Ở tuổi nhi đồng, bé trai mặc áo sơ mi ngắn tay hoặc dài tay. Mùa hè, mặc áo sơ mi ngắn tay may kiểu blu-dông liền với quần soóc, quần âu dài hoặc quần yếm với túi chéo, túi vuông, túi bán nguyệt; Tóc cắt ngắn, đội mũ lưỡi trai bằng vải gồm 8 mảnh vải từ hai đến bốn màu, mỗi mảnh là một múi khâu nối với nhau hoặc đội mũ nan nhỏ vành.

Bé gái có nhiều kiểu sơ mi: sơ mi Hồng Kông cài cúc hay chui đầu. Áo cộc tay vai bồng, cửa tay làm xi-mốc, tay thẳng dài có măng sét hay tay lửng, cổ chun, cổ thắt nơ, cổ lá sen nằm, lá sen đứng. Vạt áo trước có hai túi hình trái đào hay nửa hình tròn v.v...

Các loại áo váy gồm áo xoè (áo liền váy), phần trên

không có tay, từ nách đến gấu xoè rộng, gấu lượn cong vành lược, cạnh sườn cao hơn giữa gấu. Khi mặc, phần dưới váy tạo thành hình tròn. Váy xoè chun ngực, hai quai váy to bản từ 4cm - 5cm, hai vai đính vào thân váy, phần ngực khâu chun vải hay làm xi-mốc bằng chỉ màu. Từ nách đến gấu xòe rộng. Váy xếp ly, quai váy to bản, hai đầu đính vào thân váy, từ nách đến gấu xoè vừa phải. Ở ngực váy hay sau lưng mở một đoạn nhỏ để mặc dễ dàng. Khi mặc xong thì cài lại hoặc buộc dây thành hình nơ cho kín. Váy xếp ly có thể may bằng hai hoặc ba màu vải. Mảnh váy trước có một túi giữa hoặc hai túi hai bên hình bán nguyệt hay hình quả tim, hình lẵng hoa v.v... bằng vải đồng màu hoặc khác với màu váy.

Mùa đông các bé trai và gái mặc áo khoác liền mũ, áo len, áo măng tô. Quần liền áo chun gấu hoặc quần Âu bằng len hay vải dệt kim, đội các loại mũ len đan hoặc dệt, mũ dạ, mũ mảnh che tai, mũ mảnh che gáy bằng nhiều loại vải hoa ghép, mũ kiểu phi công v.v...

Học sinh nữ từ 7 đến 15 tuổi mặc áo sơ mi ngắn tay hoặc dài tay, có măng-sét hay tay lửng, cổ lá sen, tròn hay nhọn hoặc hai ve, quần Âu nhiều màu các kiểu, ống thẳng hay hơi loe hoặc quần bà ba ống gọn. Tóc cắt ngắn ngang vai hoặc để dài cặp gọn phía sau, rẽ hai bên, buộc nơ, tết đuôi sam hai bên hoặc cắt tỉa gọn ngắn đến tai.

Học sinh nam mùa hè thường mặc sơ mi cộc tay hay dài tay, quần Âu, bỏ áo ra ngoài hoặc cho gọn vào trong quần.

Mùa rét, nam nữ đều mặc thêm áo len cộc tay, dài tay, hoặc áo khoác ngoài bằng các loại vải dày, ấm. Thời kỳ chống Mỹ, các em thường mặc quần áo màu sẫm và đội

một loại mũ đan bằng rơm, có tác dụng chống mảnh bom, mảnh đạn - đó cũng là một trang phục đáng ghi nhớ.

### ❁ Trang phục cưới

Trong ngày cưới thời xưa, trang phục của cô dâu miền Bắc là bộ áo mớ ba, ngoài cùng là áo the thâm, bên trong ẩn hiện hai chiếc áo màu hồng và màu xanh, hoặc màu vàng và màu hồ thuỷ, bên trong cùng là áo cánh trắng, chiếc yếm hoa đào có dải bằng lụa bạch, váy sồi đen hoặc váy lĩnh, thắt lưng gồm hai chiếc bằng lụa màu hoa đào, hoa lý, ngoài cùng là thắt lưng sồi xe hay vải sa màu đen, cả ba thắt lưng đều có tua ở hai đầu. Cô dâu vấn khăn, đầu khăn gài chiếc đanh ghim, đính con bướm vàng chạm bạc, để tóc đuôi gà. Lúc đưa dâu, đi đường cô dâu đội nón thúng quai thao, chân đi dép cong. Đồ trang sức gồm khuyên tai bằng vàng hoặc bạc, cạnh sườn đeo bộ xà tích, con dao, ống vôi... bằng bạc chạm trổ tinh vi.

Cô dâu miền Trung cũng mặc áo mớ ba, trong cùng là áo màu đỏ hoặc hồng điều, áo giữa bằng the hay vân thưa màu xanh chàm, áo ngoài cùng bằng the hay vân thưa màu đen. Có người chỉ mặc lồng hai áo, trong là áo màu đỏ hoặc hồng điều, ngoài là vân thưa màu xanh chàm, quần trắng, đi hài thêu, tóc chải lật, búi sau gáy, cổ đeo kiềng hoặc quấn chuỗi hột vàng cao lên quanh cổ, tay đeo vòng vàng, xuyến vàng...

Cô dâu miền Nam mặc áo dài gấm, quần lĩnh đen, đi hài thêu, tóc chải lật, búi lại và cuốn ba vòng phía sau đầu, gài lược "bánh lái" bằng đồi mồi hoặc bằng vàng, bạc. Có người cài trâm vàng, đầu trâm đính một con bướm bằng

vàng hay bạc, đeo dây chuyền nách (xà nách) bằng vàng, nhiều chuỗi hột vàng ở cổ...

Chú rể ba miền đều mặc áo thụng bằng gấm hay the màu lam, quần trắng ống sớ, búi tóc, chít khăn nhiễu màu lam, chân đi văn hài thêu đẹp.

Những năm 1920-1930, ở thành thị miền Bắc, cô dâu mặc áo dài cài vạt, ngoài là chiếc áo the thâm, trong là áo màu hồng, xanh... hoặc ngoài là áo dài sa tanh đen, trong là áo dài lụa trắng Cổ Đô, quần lĩnh hay sa tanh đen, chân đi văn hài thêu hạt cườm hay guốc cong, vấn khăn nhung đen, đeo hoa tai bèo, cổ đeo nhiều vòng chuỗi hột bằng vàng. Chú rể mặc áo dài the thâm, áo dài trắng bên trong, quần trắng ống sớ, đi giày Gia Định, đội khăn xếp. Khi lễ tơ hồng, lễ ở nhà thờ thì khoác áo thụng lam.

Đến giai đoạn sau, các cô dâu con nhà giàu mặc áo thụng bằng gấm màu đỏ hoặc màu vàng có họa tiết rồng phượng, cánh tay áo dài và rộng, quần trắng, đi giày vân hài bằng nhung màu đỏ, màu vàng hay lam, thêu rồng, phượng bằng hạt cườm hay chỉ kim tuyến lóng lánh, đầu đội khăn vành dây bằng nhiễu màu lam hay vàng, quấn nhiều vòng quanh đầu. Có cô dâu mặc áo dài bằng vải nền khô hoa ướt hoặc gấm hoa, sa tanh hay nhung đỏ... mặc quần lụa trắng, vấn khăn vành dây, cổ đeo kiềng hay dây chuyền, tay đeo xuyến, vòng.

Ở thành thị sau này, cô dâu trang điểm son phấn, cài thêm bông hoa hồng trắng bằng voan ở ngực trái, tay ôm bó hoa lay ơn trắng, tượng trưng cho sự trong trắng, đồng thời làm đẹp cho bộ trang phục ngày cưới. Chú rể mặc com-lê, thắt cà vạt hay cài nơ ở cổ, đi giày da. Ở ngoại

thành, cô dâu mặc theo lối cổ truyền, áo dài cài cúc, quần lĩnh đen. Chú rể áo the, quần trắng, đội khăn xếp.

Trong kháng chiến chống Pháp, ở vùng tự do, đám cưới được tổ chức giản dị, phù hợp với hoàn cảnh từng nơi. Trang phục lễ cưới vì vậy mà không có gì khác biệt trang phục ngày thường, chỉ là quần áo mới may.

Sau năm 1954, ở thành thị miền Bắc, cô dâu mặc áo dài màu trắng hoặc các màu sáng, nhạt, mặc quần trắng, đi giày cao gót, tay ôm hoa lay-ơn, tóc uốn hoặc chải bồng, trang điểm má hồng, môi son. Chú rể mặc com-lê, thắt cà vạt, đi giày.

Cô dâu ở nông thôn thường mặc áo sơ mi trắng, áo cánh trắng hay áo bà ba, quần đen, đi dép. Chú rể mặc áo sơ mi mới, quần Âu, đi giày, xăng đan hoặc dép nhựa. Chú rể là bộ đội vẫn có thể mặc bộ quân phục, cán bộ thì mặc quần áo đại cán mới, tóc chải gọn gàng.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, một số cô dâu ở thành thị miền Nam, miền Bắc mặc áo liền váy màu trắng hoặc màu vàng, màu xanh nhạt, gấp nếp ở tay, ở ngực, váy xoè rộng, dài quá gót chân, có những chiếc váy từ thắt lưng đến gấu chia làm nhiều đoạn với những khoanh đăng ten, gọi là váy ba tầng hay năm tầng, hoặc váy dài, gấp nhiều đường, chiết ở ngực, thắt lưng..., đi giày cao gót trắng, tay đeo găng mỏng, cổ đeo chuỗi hạt kim cương hoặc giả kim cương hay xa-phia lóng lánh, tóc uốn quăn. Mái tóc phía trước cài vòng hoa trắng bằng vải, hoặc chải bồng cao, cài những vòng hạt có tua rủ xuống hai bên thái dương và ở giữa trán, chùm khăn voan trắng trên đầu. Mặt trang điểm phấn son đậm nét, nhiều người kẻ mắt đậm, mí mắt trên



bôi xanh, đeo lông mi giả dài và cong. Tay ôm bó hoa lay-ơn trắng, thêm một dây hoa hồng trắng dài gần đến chân. Tất cả những cái đó làm cho cô dâu khác biệt và nổi bật lên giữa các cô phù dâu. Chú rể mặc com-lê, thắt cà vạt điểm hoa nhiều màu, đi giày da đen, cài bông hoa hồng trắng ở túi áo ngực. Ở nông thôn, trang phục cô dâu, chú rể chỉ là quần áo mặc ngày thường nhưng mới và đẹp.

Những năm 1981-1982, trang phục cô dâu đã quay về chiếc áo dài cổ truyền dân tộc với mấy kiểu sau:

- Kiểu áo dài "hoàng hậu", cổ đứng cao, tay thụng, dài vừa tầm, may sát thân, màu đỏ hay nhiều màu sắc khác, đội khăn vành dây màu vàng bằng vải kim tuyến, ngực cài bông hoa hồng trắng, mặc quần trắng, đi giày cao gót, trang điểm nhẹ.

- Kiểu áo dài bình thường màu trắng hoặc các màu sáng, điểm hoa nhẹ, may sát thân, tay hơi loe, vai giéc-lăng,

vạt dài ngang ống chân, quần trắng, đi giày trắng cao gót, tóc để tự nhiên, cài thêm bông hoa trắng nhỏ, tay ôm hoa lay-ơn trắng.

### ✿ Trang phục tang

Trước kia, những người để tang đều mặc quần áo tang bằng vải xô trắng. Đi đưa ma thường đi chân đất. Nhà giàu ở thành thị sau bỏ lệ ấy, đi dép tết bằng cói. Sau lễ tang, những người thân vẫn còn chít khăn ngang cho tới 100 ngày. Áo quần để xổ gấu. Sống áo dài để hai nẹp máy ra ngoài (như mặc áo trái). Nếu đội mũ cát hay mũ phớt, quấn khăn trắng quanh mũ hoặc may một khoanh băng đen (rộng khoảng 4cm) thừa ra hai đuôi ngắn về phía sau, lồng vào mũ.

Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, trang phục lễ tang đơn giản nhiều. Áo xô nhưng bỏ hai tay áo, trừ những người để trở đại tang, còn lại chỉ quấn khăn vải trắng, hàng chắt, khăn màu vàng, hàng chút chít khăn màu đỏ. Đưa đám đi giày dép bình thường. Nhiều người không đội mũ rơm, không chống gậy nữa. Ngày thường để trở bằng cách dùng miếng vải đen rộng chừng 8cm máy thành nhiều nếp đeo quanh cánh tay hoặc đính trước ngực một miếng vải đen nhỏ.

## 2. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CHỨT

### ✿ Vài nét về trang phục

Từ trước tới nay, người Chứt không có truyền thống

trồng bông dệt vải, trước đây họ thường lấy vỏ cây sui đập dập làm đồ che thân.

Sau này họ thường mua bán, trao đổi sản phẩm lấy vải vóc quần áo của người Kinh hoặc người Lào trong vùng để mặc. Do vậy, quần áo của họ rất đơn sơ, chủ yếu là y phục hàng ngày. Hiện nay người Chứt ăn mặc giống người Kinh.

### ❁ Trang phục phụ nữ Chứt

Tùy từng nhóm mà người Chứt có phong cách trang phục khác nhau. Người Chứt ở Quảng Bình thường mặc trang phục gồm khăn, áo, váy.

Khăn được may bằng loại vải trắng, dài. Khi dùng họ đội khăn lên đầu, thắt nút sau gáy.

Áo được may theo kiểu tứ thân, cổ tròn, trên có một miếng vải trang trí đính vào. Nẹp ngực là miếng vải rộng khoảng 2,5cm x 25cm. Trước kia ở mép nẹp ngực có 7 hàng cúc bạc, sau này họ thường đính dây vải để buộc lại với nhau.

Váy: Do không có tập quán thêu thùa nên váy của người Chứt rất đơn giản, kiểu váy phụ thuộc vào tấm vải khi họ mua về. Một chiếc váy thường có chiều dài khoảng 60cm, cạp váy rộng 15cm, gấu váy thường là mảnh vải thổ cẩm của người Lào, rộng khoảng 15cm may đính vào thân váy.

### ❁ Trang phục nam giới Chứt

Xưa kia mùa hè, đàn ông Chứt thường đóng khố, cởi trần, mùa đông mặc áo làm bằng vỏ cây sui. Hiện nay đàn ông Chứt mặc đồ giống người Kinh

## 3. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI MƯỜNG

### ✪ Vài nét về trang phục

Người Mường có những đặc trưng rất nổi bật về cách tạo hình và phong cách thẩm mỹ trên trang phục. Chính điều đó tạo cho phụ nữ Mường nét duyên dáng khi khoác trên mình trang phục truyền thống của dân tộc họ.

Thổ cẩm của người Mường mang đậm màu sắc hoa văn của núi rừng và thiên nhiên. Hoa văn trên thổ cẩm là những hình cách điệu từ hoa dẻ, hoa hồi, hạt gấc, quả trám... tuy không cầu kỳ nhưng thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan về con người, vũ trụ và tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó, hài hòa với núi rừng của họ.

Người Mường có truyền thống trồng bông, ươm tơ, dệt vải phục vụ nhu cầu gia đình. Công cụ dệt chủ yếu của họ gồm dụng cụ cán bông, xa quay sợi, khung dệt dùng bàn đạp và go luồn sợi. Khung dệt cạp váy cấu tạo khác đôi chút, đặc biệt có nhiều go, hoa văn càng phức tạp thì số go phải dùng càng lớn.

Từ tháng 5 âm lịch, người Mường bắt đầu thu hoạch bông, sau khi phân loại, phơi khô họ đem vào ứu (cán bông) và kéo sợi. Mỗi con sợi dài chừng 15-20cm. Kéo sợi bằng xa, tay quay phải quay thật đều để sợi chỉ mềm, đều, mịn, đẹp. Kéo xong sợi, họ bắt đầu hồ bằng nước cơm gạo trắng, hồ xong, phơi khô để xe thành ống. Sau khi hoàn tất các khâu chuẩn bị mới đến công đoạn dệt. Nếu dệt vải trắng đơn giản thì một ngày có thể dệt được từ 7-10m, nếu dệt các loại hoa văn thì chỉ được 2-3m.

Người Mường có cách nhuộm thân váy khá công phu,



tạo nên màu vải vừa bền vừa có độ bóng rất cao. Các nguyên liệu để nhuộm vải đều được khai thác từ thiên nhiên. Màu đỏ lấy từ cây bang, màu vàng lấy từ cây nghệ, màu đen lấy từ cây chàm... Họ có rất nhiều cách nhuộm khác nhau:

- Muốn nhuộm vải màu đen, họ hái lá chàm về ủ khoảng ba ngày, sau đó vắt lấy nước, trao qua lại cho nước chàm sánh đen, múc nước ấy (có thêm nhựa cây vón vén và nước tro) đổ vào ống để một tuần, sau đó gạn bỏ bọt rồi cho sợi vào nhuộm.

- Muốn nhuộm vải điểm những bông hoa trên nền hồng, đỏ, xanh, người ta thắt nút vải lại, sao cho những chỗ đó thuốc nhuộm không thấm vào được, nhuộm xong, nơi đó hiện lên những bông hoa trắng giữa nền hồng, đỏ hay xanh, chỗ thưa chỗ mau.

Sản phẩm dệt của người Mường gồm nhiều loại: vải

may mặc, mặc phà làm chăn và đệm, nhưng độc đáo nhất là phần cạp váy. Cạp váy dệt bằng sợi tơ tằm với nhiều loại hoa văn trang trí, hoa văn động vật, phổ biến là các mô-típ rồng, phượng, hươu, rùa, cá, nhện, hoa văn thực vật như hoa sen, hoa cà và hoa văn hình học. Kỹ thuật dệt cũng như cách trang trí được lưu truyền qua hình thức mẹ dạy cách dệt cho con gái. Xưa kia, cạp váy dệt đẹp là một trong những tiêu chuẩn đánh giá phẩm hạnh của người phụ nữ.

Người Mường nhuộm cạp váy từ các cây, quả và lá trên rừng. Quá trình tạo màu được làm hoàn toàn thủ công bằng đôi tay khéo léo, cần mẫn của phụ nữ Mường. Hiện nay, các sản phẩm màu tự nhiên đã được thay thế bằng các loại phẩm màu hoá học với nhiều màu sắc nhưng màu hoá học chóng phai hơn và không tinh tế như màu cổ truyền.

Nhìn chung, trang phục của người Mường thể hiện rõ nét bản sắc văn hoá dân tộc của họ.

### ✿ Trang phục phụ nữ Mường

Trang phục thường ngày của phụ nữ Mường gồm áo, váy và khăn đội đầu.

Áo ngắn *(pắn)* mặc ngoài. Đây là loại áo dài chẩm eo lưng, phía sau có đường can vải dọc sống lưng. Phía trước không có cổ. Ngày xưa áo ngắn có hai loại nẹp áo. Phụ nữ khá giả nẹp áo được may *(tràng)* vắt qua cổ sang hai bên. Tràng rộng bằng ngón tay, may chồng hai lớp vải. Phụ nữ bình dân mặc loại áo cổ tròn, hai vạt may nẹp. Tay áo không may nối vai mà được cắt may liền theo kiểu áo bà ba thon dần về phía cổ tay.

Váy *(wẳl)*: Gồm hai phần chính: phần đầu váy hay

thường gọi là cạp váy, được tính từ hông lên. Phần từ hông trở xuống mắt cá chân là phần thân váy. Váy của phụ nữ Mường thường nhuộm thâm hay màu chàm. Nổi bật trên váy chính là phần cạp váy.

Cạp váy do ba bộ phận dệt riêng rồi can lại với nhau. Điểm nổi bật nhất của cạp váy Mường là những họa tiết trang trí hoa văn. Với một diện tích không lớn, cạp váy chứa đựng một số lượng hoa văn khá phong phú cả về hình thức và kiểu loại. Đặc biệt, cạp váy có thể tách thành từng bộ phận riêng, nên khi không cần thiết hoặc chưa dùng đến, có thể được tách ra cất riêng. Một cạp váy có thể sử dụng cho nhiều váy, thậm chí có nhiều người ở các thế hệ khác nhau.

Cạp váy gồm ba phần gọi là rang trên, rang dưới và cao. Phần trên cùng gọi là rang trên, trang trí hoa văn hình học (hình thoi, hình vuông hay hình tam giác...), rộng gần 20cm. Rang trên có nhiều màu sắc, thường là màu đen và màu trắng.

Tiếp đến là phần rang dưới - bộ phận quan trọng nhất của cạp váy, chủ yếu là hoa văn động vật với rất nhiều mô típ khác nhau. Hai màu đỏ và vàng nổi bật với những hình rồng, hươu, nhện, bướm, ếch, rùa, công, phượng... đó là những con vật gắn bó, gần gũi với cuộc sống và các sự tích xưa của người Mường.

Phần cuối cùng của cạp nối với thân váy gọi là cao. Cao là một chuỗi những vệt màu đứng thẳng. Cao váy rộng từ 10-15cm, dệt các sọc màu, mỗi sọc to nhỏ khác nhau. Có sọc mang hoa văn hình học, có sọc mang hoa văn hình cây, lá cách điệu.



Thân váy được khâu nối với phần cạp (đầu váy) rồi khâu thành hình ống to gấp đôi thân người. Khi mặc, người ta gập phần thừa về đằng trước. Thân váy chủ yếu là màu đen hoặc xanh đen. Gấu váy phía trong có miếng vải nẹp lót, rộng từ 1,5-2cm, nhuộm màu hồng, màu đỏ hoặc có hoa văn. Khi bước lên bậc cầu thang, khi đi, váy xập xoè theo nhịp bước, nẹp hoa thoáng ẩn hiện làm tăng thêm vẻ linh hoạt, uyên chuyển, tạo sự hấp dẫn, duyên dáng riêng trong trang phục của phụ nữ Mường.

Đi đôi với váy là bộ tênh, có nơi gọi là đênh. Tênh bằng vải đũi, màu xanh hoặc vàng, dài hơn sải tay, khâu nối hai đầu, thắt đúng giữa eo trên nền cao váy, làm nổi eo người mặc. Bộ sà tích bằng bạc được móc vào tênh từ bên hông đeo vòng về phía trước nổi bật với hộp "ốc đào" và chùm vuốt hổ bọc bạc.

*Khăn:* Khăn thường được làm bằng vải trắng, rộng khoảng 15cm, dài đủ quấn quanh đầu và dắt mối (khoảng 50-60cm). Trước khi đội khăn, tóc được búi cao về phía sau gáy. Khăn thiếu nữ thường được tạo hình nhọn quả núi trên đỉnh đầu thể hiện sự trẻ trung; người già tạo dáng khăn tròn quanh đầu để tôn vẻ đôn hậu.

Trong các dịp lễ, tết, cưới hỏi, phụ nữ Mường mặc chiếc áo dài xẻ ngực, không cài, khoác ngoài bộ trang phục thường nhật, trông vừa trang trọng vừa kín đáo phô được hoa văn cạp váy.

Nhóm phụ nữ Mường mặc áo cánh ngắn xẻ ngực thường mặc yếm lót bên trong. Yếm về cơ bản giống yếm của phụ nữ Kinh nhưng ngắn hơn, được may từ miếng vải hình vuông, cạnh trên khoét tròn, ôm khít cổ, có dây để buộc sau gáy. Hai cạnh bên có dây để buộc ra sau lưng.

Trang phục của người Mường càng đặc sắc và nổi bật bởi sự hỗ trợ của rất nhiều đồ trang sức như khuyên tai, trâm cài đầu, vòng cổ, vòng tay, xà tích... Ngày thường, những đồ trang sức này là tài sản quý, nhất là trang sức bằng bạc nên thường được cất giữ trong hòm, trong rương. Vào những ngày lễ quan trọng, phụ nữ Mường mới mang ra dùng.

Đôi vòng cổ bằng bạc sáng lóng lánh thực sự là bộ phận trang phục không thể thiếu của phụ nữ Mường. Người Mường dùng hai loại vòng cổ *(lằm),* loại dẹt nổi gờ ở giữa gọi là lằm ba, loại tròn gọi là lằm lâm. Trên mặt vòng cổ lằm ba chạm trổ hoa văn hình dây rất tinh tế. Phụ nữ Mường ít đeo vòng đơn mà thường đeo vòng kép gồm một chiếc vòng to một chiếc vòng nhỏ. Những người phụ nữ

quyên quý hay đeo chuỗi hạt cườm còn gọi là *pươn khau* và bộ xà tích bằng bạc.

### ✿ Trang phục nam giới Mường

Xưa kia, đàn ông Mường thường để tóc dài và búi lại, trên đầu bịt khăn, mối khăn vòng sau gáy, gài dưới mái tóc. Họ dùng thêm một loại khăn khác nữa ngắn hơn, bịt từ phía sau ra trước trán rồi thắt mối, hai mối khăn dựng nghiêng giống như hai cái sừng trông thật khoẻ khoắn và độc đáo. Trang phục thường ngày của họ gồm áo cánh và quần vải.

*Áo cánh:* Được may xẻ ngực, cài khuy, dài trùm mông, cổ đứng (có khi cao 3cm), trùm quanh vai là một miếng vải lót bên trong hình bán nguyệt tạo dáng đứng cho áo. Giữa sống lưng, áo được may ghép hai thân thẳng từ cổ xuống đến gấu. Hai vạt trước, phần sát với gấu, người ta may hai chiếc túi khá to. Trên ngực bên trái may một túi nhỏ có gân chéo gần miệng túi và làm bằng vải màu trang trí. Áo không xẻ nách, tay dài buông tới mu bàn tay, ống tay may vừa phải, có thể xắn lên tới khuỷu. Nhìn tổng thể, áo có dáng khỏe khắn, giản dị.

*Quần:* Quần thường nhuộm màu chàm, được may rộng trùng với mắt cá chân, cạp to. Khi mặc, người ta dùng dây vải buộc ngoài cho chặt, ngày nay người ta may cạp quần dải rút. Trước kia, nam giới Mường còn dùng thắt lưng nơi eo bụng, gọi là khăn quần. Loại thắt lưng này dài, thắt xong để xõa mối xuống chấm đầu gối.

Những dịp lễ hội, đàn ông Mường thường mặc những bộ quần áo mới nhất, ngoài khoác thêm áo dài bằng lụa

màu xanh, tím hoặc vàng. Áo thường dài ngang đầu gối, cài khuy lệch sang sườn phải, hai bên xẻ tà cao tới ngang hông, cổ đứng và cứng.

## 4. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI THỔ (XÁ LÁ VÀNG)

### ✿ Vài nét về trang phục

Do tình trạng du canh du cư kéo dài nên nghề dệt truyền thống của người Thổ không phát triển, họ không tự dệt may trang phục của mình, kỹ thuật nhuộm vải hầu như không có, dẫn đến tình trạng trang phục của họ mang tính lệ thuộc và thiếu sự đồng nhất, không có bản sắc riêng biệt.

Điểm nhấn trong trang phục của người Thổ là chiếc váy truyền thống của phụ nữ được dệt từ chất liệu sợi bông, nhuộm chàm, có sọc viền ngang, tạo thành những đường tròn song song. Phần trên được nối thêm một đoạn vải trắng làm thành cạp váy.

Trang phục của từng nhóm người Thổ có nhiều điểm khác nhau theo từng vùng cư trú. Ngày nay, trang phục người Thổ thay đổi rất nhiều. Họ mặc giống người Kinh, đặc biệt là thanh niên và trung niên.

### ✿ Trang phục phụ nữ Thổ

Trang phục thường ngày của phụ nữ Thổ gồm áo, váy, khăn đội đầu.

Áo của họ là kiểu áo cánh trắng cổ viền, tay hẹp như áo cánh của phụ nữ Kinh. Váy được may bằng vải sợi bông màu đen. Chân váy dày hơn thân váy do người phụ nữ thường đệm thêm một lớp vải trắng phía trong để giữ váy

được bền và thẳng nếp. Phần trên nối thêm một đoạn vải trắng dài khoảng 30cm làm thành cạp váy.

Váy phụ nữ Thổ ở vùng Quỳ Hợp (Nghệ An) thường được mua hoặc đổi của người Thái. Váy bằng vải sợi bông nhuộm chàm, dệt kẻ sọc ngang. Khi mặc, những đường sọc đó tạo thành vòng tròn song song quanh thân.

Phụ nữ Thổ vùng Lâm La mặc váy vải sợi bông màu đen, thêu hai đường chỉ màu từ cạp tới gấu váy; mặc áo năm thân màu nâu hoặc trắng.

Váy của phụ nữ Thổ ở Nghĩa Đàn được làm bằng vải sợi bông màu đen với đường chỉ trắng bên hông và thêu hình một lá cờ nhỏ với hoa văn khác nhau ở chân váy.

Phụ nữ Thổ không dùng nón mũ che mưa nắng mà chủ yếu dùng khăn vuông khổ rộng khoảng 80cm bằng vải phin trắng, gấp lại để đội đầu.

Phụ kiện đi với áo và váy là chiếc thắt lưng xanh hoặc vàng thắt quanh hông, buộc hai đầu vào cạnh hông chứ không buộc thắt nút. Phụ nữ thuộc gia đình khá giả thường mặc váy bằng chất liệu tơ tằm, một phần ba thân váy và gấu đều dệt hoa văn. Do ảnh hưởng nhiều từ trang phục Thái nên phụ nữ Thổ thường sử dụng váy của người Thái để mặc trong ngày hội hè, đình đám. Trong đám tang, họ mặc áo trái, gấu áo xổ te tua. Khi để tang, phụ nữ Thổ thường đeo khăn dài trắng tương tự như người Kinh.

### ✿ Trang phục nam giới Thổ

Đàn ông Thổ xưa thường để tóc dài, cuốn lọn phía sau, răng nhuộm đen, ngón tay đeo nhẫn. Xưa đàn ông thường đóng khố, ở trần, quanh năm suốt tháng đi chân đất, chỉ những ngày quan trọng họ mới mặc quần.

Trang phục sau này biến đổi nhiều, họ mặc áo may kiểu năm thân, nhuộm màu nâu đỏ, cổ lớn, có túi ngực bên phải, đầu đội khăn xếp, mặc quần dài trắng, cạp vấn.

Ngày nay, người Thổ mặc giống người Kinh, trang phục thường ngày gồm quần lá tọa, áo cánh nâu có hai túi ở vạt trước.



*Trang phục nam nữ dân tộc Thổ*

# TRANG PHỤC CỦA DÂN TỘC THÁI - KA ĐAI

## I. NHÓM THÁI

### 1. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI BỐ Y

**Vài nét về trang phục**

Người Bố Y xưa thường trồng bông, kéo sợi, dệt vải, may thêu quần, áo, túi, khăn. Theo thời gian, trang phục của người Bố Y dần dần chịu ảnh hưởng phong cách của các dân tộc láng giềng. Tuy nhiên, họ vẫn bảo lưu những yếu tố truyền thống trong trang phục nữ.

**Trang phục phụ nữ Bố Y**

Phụ nữ Bố Y mặc váy xoè, áo năm thân và có xiêm che ngực. Đặc biệt, hoa văn trên váy với nền trắng của vải được giữ lại khi nhuộm chàm, tạo nên các nét hoa văn kẻ tự nhiên, sinh động. Gần đây, một số phụ nữ mặc giống người Nùng, một số khác mặc giống người Hán.

Phụ nữ Bố Y thường ngày để tóc dài, tết quấn quanh

đầu, hoặc đội khăn trang trí hoa văn đội thành hình chữ nhân cao trên mái đầu, hoặc khăn chàm bình thường quấn ngang trước trán.

Trang phục cổ truyền của phụ nữ Bố Y ở Tam Đường, Phong Thổ, Lai Châu gồm khăn đội đầu, áo trong, áo ngoài, váy to, váy nhỏ.

Khăn đội đầu *(ba can)* bằng vải nhuộm chàm, là loại khăn dài 3m, rộng 35cm. Hai đầu khăn được khâu vắt mép bằng chỉ màu ghi, cạnh mép khăn dùng chỉ màu khâu thưa để trang trí.

Áo trong *(pủ đy)* là loại áo kiểu tứ thân mở ngực, cài khuy giáp cổ. Hai vạt trước có hai túi nhỏ cân xứng. Cổ áo liền với nẹp ngực được đáp bằng vải chàm xanh, cổ tay áo đáp khoanh vải màu xanh rộng 10cm, hai đầu khoanh vải xanh viền một đường vải trắng 1cm. Đây được coi là loại áo lâu đời nhất trong bộ y phục cổ truyền của phụ nữ Bố Y.

Áo ngoài *(pủ pấp)* bằng vải thô nhuộm chàm dài khoảng hơn 60cm. Áo may kiểu tứ thân không có cúc cài. Trên thân áo có hai dây vải, một dải đính phía dưới vạt áo trái, một dải đính nơi xẻ tà nách bên phải, khi mặc được buộc lại với nhau.

Cổ áo *(vừa pủ)* liền với nẹp ngực, được khâu táp hai miếng vải màu xanh nhạt, nẹp áo trước ngực bằng vải đỏ. Trên nẹp vải đỏ thêu hoa văn, gọi là con rồng *(lùng)*. Nẹp áo trước ngực bằng vải xanh lơ trên thêu hoa văn hình răng cưa *(vùa lùng)*. Tay áo liền với thân, ống tay rộng, có nẹp vải trắng bên trong, bên ngoài dùng vải màu khâu xa mũi tạo thành ba chấm liên tiếp để trang trí.

Váy có hai dạng:



Váy to *(vấn lậu)* hay còn gọi là váy dài, bằng vải thô nhuộm chàm dài 85cm, cạp váy rộng 35cm, là loại váy mở khép mí, gồm ba phần: cạp váy, thân váy, gấu váy. Cạp váy *(roi vấn)* bằng vải thô màu trắng, hai cạnh cạp đính hai dây vải để buộc. Thân váy được gấp nếp rồi mới đính vào cạp váy, có độ xòe khá lớn. Gấu váy *(pấn vấn)* là mảnh vải được dệt bằng chỉ màu xanh, đỏ, tím, ghi, tạo thành những đường kẻ nhỏ khâu ghép vào thân váy, gấu váy cũng được gấp nếp như thân váy. Váy to dùng che trước bụng, loại váy này trước kia phụ nữ Bố Y mặc trong các dịp lễ tết, hội hè, cưới hỏi. Hiện nay không dùng nữa, được cất kỹ để mặc vào lúc quá cố.

Váy nhỏ *(vấn biên)* bằng vải thô nhuộm chàm, dài khoảng 50cm, cạp váy rộng 30cm, gồm ba phần: cạp váy, thân váy, gấu váy. Cạp váy *(roi vấn)* bằng vải thô nhuộm chàm màu xanh, hai cạnh cạp váy đính hai dây vải để buộc

khi mặc. Thân váy *(coóng vấn)* được cấu tạo khác váy to. Phía giáp cạnh váy là một miếng vải chàm gấp nếp nhỏ sít vào nhau theo chiều dài của váy. Tiếp đến là mảnh vải sợi màu đỏ gọi là *"tục vấn"*, nằm giữa váy, cũng gấp nếp theo chiều dài của váy. Dưới *"tục vấn"* là dải vải thô nhuộm chàm và cũng được gấp nếp theo chiều dài váy. Gấu váy *(pấp vấn)* liền với thân váy được khâu viền ở phía trong.

Cách mặc váy truyền thống của phụ nữ Bố Y: Trước hết đặt váy to vào giữa bụng và buộc dây sau lưng, sau đó đặt váy nhỏ vào giữa lưng và buộc dây trước bụng. Bộ váy truyền thống của phụ nữ Bố Y thực chất là hai mảnh vải xếp nếp khép lại, khi mặc tạo kẽ hở (váy hở) ở hai bên hông để đi lại dễ dàng. Tuy nhiên, hiện nay hai loại váy to và váy nhỏ không còn được phụ nữ Bố Y thường xuyên sử dụng bởi sự rườm rà của trang phục. Váy thường được cất kỹ trong hòm, khi chủ nhân quá cố, người nhà sẽ mặc cho người chết để sang bên kia thế giới.

Cũng giống như cách làm đẹp của phụ nữ dân tộc khác, phụ nữ Bố Y thường trang bị cho mình nhiều loại phụ kiện thời trang đi kèm như dây chuyền, vòng cổ, vòng tay. Trong các dịp lễ, tết, họ mặc áo dài liền váy kiểu chui đầu. Cổ áo rộng xuống tới bụng, thêu hoa văn hình hoa lá đối xứng, ống tay viền vải khác màu ở cửa tay. Bên trong váy có nhiều nếp gấp kiểu Hmông Hoa. Họ đội khăn chàm đen có hoa văn bằng chỉ màu, tóc được búi ngược lên đỉnh đầu.

Một số nơi, phụ nữ dùng tạp dề vào các dịp lễ quan trọng. Tạp dề *(vẩy dao)* bằng vải thô nhuộm chàm dài khoảng 115cm, rộng 80cm. Tạp dề được đeo ngoài áo và váy trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới hỏi gồm hai phần:

yếm che và dây đeo. Yếm che bằng vải chàm, giữa yếm thêu họa tiết hình con cua cách điệu. Dây đeo cũng bằng vải chàm, đính hai bên cạnh nhỏ của tạp dề, khi mặc sẽ buộc vòng qua cổ. Dây buộc sau lưng được đính trên hai cạnh to của tạp dề, khi dùng sẽ buộc thắt sau lưng.

### ✿ Trang phục nam giới Bố Y

Trái ngược với phụ nữ, đàn ông Bố Y mặc rất đơn giản. Họ thường mặc áo cổ viền, loại áo cánh ngắn, tứ thân; quần lá tọa màu chàm bằng vải do phụ nữ trong gia đình dệt.

## 2. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI SÁN CHAY (CAO LAN - SÁN CHỈ)

### ✿ Vài nét về trang phục

Người Sán Chay có kỹ thuật trồng bông dệt vải từ rất sớm. Hàng năm, cùng với việc phát nương trồng lúa, ngô, họ còn phát thêm một vạt nương nhỏ để trồng bông. Tháng 2-3, họ gieo hạt bông và thu hoạch vào tháng 6-7. Từ đó, trong thời gian rảnh rỗi (chủ yếu là buổi tối), phụ nữ Sán Chay liên tục cán bông kéo sợi rồi dệt vải. Công việc này phải làm quanh năm để có váy áo mặc, chăn màn nằm đắp.

Dụng cụ cán bông gọi là *"ăn cáo phại"*, nhỏ gọn làm theo nguyên tắc trục quay ép cán. Chất liệu làm "ăn cáo phải" bằng loại gỗ lõi bền chắc. Dụng cụ này gồm đế và hai cọc đứng ép hình chữ "U" rộng, cao khoảng 30cm rồi gá hai thanh gỗ tròn song đôi nằm ngang khít nhau với chiều cao hai cọc là 28cm. Một đầu của hai trục ngang khoét hình múi khế xoắn tạo thành bánh răng ghép vào nhau. Đầu một

trục tròn được xuyên qua cọc đứng phía thuận tay để gắn tay quay. Khi quay, cả hai trục đều chuyển động như nguyên tắc máy ép mía. Một tay quay, một tay đưa bông vào cán, phần sợi bông lọt qua hai trục cán còn lại hạt bông. Việc cán bông này khá khó khăn, bông phải phơi thật khô, nếu ẩm sợi bông sẽ bám chặt vào hạt không cán được.

Công đoạn kéo sợi cũng không kém phần công phu. Chiếc xa quay kéo sợi gọi là *"ăn công xi"*, nguyên tắc cấu tạo cũng giống như chiếc xa quay kéo sợi của người Kinh, người Thái.Người quay xa phải có kỹ thuật cao, nếu không sợi chỉ vải sẽ to và thô, không đều, không săn bền, khi dệt vải sẽ xấu. Làm xong phần kéo sợi là công đoạn dệt vải. Khung cửi dệt vải của người Sán Chay khá phức tạp, được cấu tạo theo nguyên tắc cò nâng, đưa thoi bằng tay, chân đạp. Nhìn chung, nó giống khung cửi của người Tày, người Thái. Loại vải dệt là vải tấm khổ 30cm - 35cm, dài tới đâu là do ý người dệt.

Việc dệt vải là đặc quyền riêng của phụ nữ nơi đây, đàn ông không dệt vải mà chỉ hỗ trợ các công đoạn thu bông hoặc nhuộm màu sau khi dệt. Hầu hết các nguyên liệu nhuộm được lấy từ thiên nhiên. Người Sán Chay nổi tiếng với kỹ thuật nhuộm màu nâu. Để có một mảnh vải nâu phải trải qua rất nhiều công đoạn tỉ mỉ và khéo léo. Họ thường dùng củ nâu dây hay nâu đống để nhuộm vải. Họ chọn những củ nâu to mập, gọt vỏ, rửa sạch, thái mỏng rồi giã nhuyễn. Sau đó cho ra chậu, đổ nước ngâm và phơi nắng khoảng 10 ngày, rồi dùng rổ rá hoặc vải thưa lọc nhiều lần, tiếp đó cho nước vôi vào. Họ ngâm vải trong dung dịch cho đều màu rồi lấy ra vắt khô phơi nắng. Cứ làm như vậy

nhiều lần cho đến khi vải lên màu ưng ý. Nếu muốn có vải màu đen, họ chỉ cần mang vải nâu mới ngâm vào bùn là vải chuyển sang màu đen.

Trang phục của người Sán Chay không thêu thùa nhiều mầu sắc như một số dân tộc khác. Hoa văn thổ cẩm rất đơn giản, hài hòa, nhẹ nhàng tạo cảm giác gần gũi với thiên nhiên.

### ❁ Trang phục phụ nữ Sán Chay

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ người Sán Chay gồm khăn, áo, yếm, dây lưng, váy và xà cạp.

Khăn *(thào páo):* Dùng để vấn trên đầu. Khăn là một mảnh vải dài khoảng 1,6m, rộng 40cm, làm bằng vải tự dệt, nhuộm chàm, trên nền vải không thêu vẽ hoa văn. Khi đội, họ dùng tay cầm hai đầu khăn, đặt phần giữa khăn lên trán rồi vắt hai đầu khăn về phía sau gáy và thả xuống chấm vai che búi tóc.

Áo: Thường màu chàm hoặc màu đen, dài đến bắp chân, ống tay dài và khá hẹp. Hoa văn trang trí là các đường thêu và cắt khâu từ loại vải hai màu. Phần từ nách lên đến cổ và ống tay được khâu bằng vải phin màu nâu, còn phần từ nách trở xuống đến gấu áo được khâu bằng vải chàm tự dệt. Tại chỗ nối của hai loại vải trên có ba đường khâu trang trí bằng hai loại chỉ màu đỏ và màu trắng, trong đó màu đỏ khâu ở giữa, màu trắng ở hai bên. Cổ áo hình tròn.

Váy: Phụ nữ mặc váy chàm dài ngang bụng chân, ngoài mặc áo chàm dài ngang váy, về sau nối thành hai phần khác màu. Từ ngang ngực thường là màu đỏ hoặc nâu,



*Trang phục truyền thống của phụ nữ Sán Chay*

phần dưới xanh chàm hoặc đen. Eo lưng thắt con dao nhỏ có vỏ bao ốp khoét bằng cây thừng mực, dây dao được dệt bằng chỉ các màu với những nét hoa văn mềm mại, thể hiện hình sông núi, cỏ cây, thú rừng.

Trang phục dùng trong lễ hội của phụ nữ Sán Chay được cắt, khâu, thêu, ghép cầu kỳ. Họ cất giữ kỹ để khi cần đến trang phục luôn mới và sạch sẽ. Bộ trang phục lễ hội gồm khăn, áo, yếm, váy, xà cạp.

Khăn: Khăn dùng trong lễ hội cũng giống khăn dùng thường ngày. Tuy nhiên, khăn mới hơn hoặc sử dụng lần đầu.

Áo *(nanh sam):* Áo dài tứ thân, dài tay làm bằng vải tự dệt nhuộm chàm. Cổ áo liền với nẹp ngực, áo không khoét nách, không chiết eo, tà áo xẻ cao. Mảnh vải đáp trên ngực và cổ là vải tự dệt nhuộm chàm, trên nền thêu hoa văn tám cánh *(pặt cạc va - hoa hồi),* hình vuông *(piệc tiệp - hoa móng trang)* và ghép các mảnh hình chữ nhật màu đỏ, đen, trắng cách đều nhau. Nách áo *(slây va)* mỗi bên đáp một mảnh vải trắng hình chữ nhật. Trên gấu áo của hai thân trước mỗi bên đáp một mảnh vải màu trắng (5cmx5cm) ở các góc vuông của phần gấu áo. Thân sau, trên hai bả vai của áo thêu hoa văn hình vuông, hình chữ thập; dưới hai bên nách áo là hai hoa văn hình tám cánh.

Yếm *(thụ thau pụ):* Yếm là vải dệt bằng tay màu trắng, thêu hoa bằng chỉ màu, đính giữa yếm là núm bạc. Tại hai góc trên thân yếm, người ta đính mỗi bên hai dây để buộc ra sau lưng, giúp giữ yếm đúng vị trí.

Dây lưng *(neo phô)* làm bằng vải tơ tằm. Khi sử dụng họ dùng từ ba chiếc trở lên với các màu xanh, đỏ, hồng. Dây lưng được thắt mối ở bụng, để thõng hai đầu xuống

quá gối. Dây lưng của phụ nữ Sán Chay không chỉ giữ cho chiếc áo dài khi mặc được đúng vị trí mà còn là đồ trang sức không thể thiếu trong trang phục cổ truyền.

### ✿ Trang phục nam giới Sán Chay

Trang phục thường ngày trước đây của đàn ông Sán Chay gồm khăn, áo, quần và giày.

Khăn màu chàm hoặc màu đen, dài khoảng một sải tay, khổ rộng từ 25-30cm, tức là bằng khổ rộng của loại vải mà họ tự dệt. Khi đội, họ gấp khăn làm ba hay bốn lớp theo chiều rộng, sau đó quấn xung quanh đầu giống như kiểu đội khăn xếp của người Kinh. Cũng có người thích chít khăn theo kiểu chữ nhân.

Áo: Trước đây họ mặc loại áo khuy ngang bằng vải chàm tự dệt, cắt theo kiểu áo của đàn ông Tày hoặc Nùng, ống tay dài, có hai túi ở hai vạt áo trước, trên áo không có hoa văn trang trí.

Quần (hiu hấu): Thường ngày, nam giới mặc quần áo bằng vải tự dệt, nhuộm chàm. Quần được cắt, khâu theo kiểu chân què, ống rộng, cạp luồn dây rút hoặc cạp lá tọa kết hợp cùng hai loại áo: áo trắng mặc trong, áo đen mặc ngoài. So với áo thì việc cắt và may khâu chiếc quần của đàn ông Sán Chay đơn giản hơn nhiều vì không cần trang trí hoa văn và cũng không phải khâu túi. Hiện nay, nhiều đàn ông Sán Chay ưa thích loại quần bộ đội hoặc quần âu kiểu có ba túi bán ở chợ.

Trang sức: Đàn ông Sán Chay thường đeo nhẫn bằng bạc, cũng có người đeo vòng tay bạc.

Trong lễ hội, đàn ông Sán Chay mặc quần áo màu trắng.

## 3. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LỰ

### ✿ Vài nét về trang phục

Đa số phụ nữ người Lự thành thạo các công việc tằm tang, canh cửi và tạo mẫu hoa văn trên nền vải nhuộm chàm. Trong những tiêu chí đánh giá sự khéo léo, đảm đang của phụ nữ dân tộc Lự, việc giỏi nghề xe sợi, dệt vải là thước đo đầu tiên. Theo truyền thống, thiếu nữ Lự trước khi lấy chồng phải biết thêu thùa, dệt thổ cẩm, chính vì thế, tay nghề dệt, may, thêu của phụ nữ Lự đều khá cao, từ chiếc quần của đàn ông cho đến váy, áo, khăn của phụ nữ thường có hoa văn trang trí rực rỡ và đẹp mắt.

Nghề dệt rất được người Lự coi trọng. Mỗi hộ gia đình đều có khung dệt và các dụng cụ xe sợi, quay sợi, dệt vải. Nguyên liệu để dệt là bông, do họ tự trồng, sau khi thu hoạch sẽ xe thành sợi rồi dệt thành những mảnh vải với nhiều khổ khác nhau.

Sau khi sợi được dệt thành tấm vải lớn, người ta mang vải nhuộm trong thùng chàm ba ngày. Vải chuyển sang màu xanh thẫm thì hòa gio vào thùng chàm rồi bỏ vải vào chõ đun lên để màu chàm quyện chặt vào từng sợi vải.

Phụ nữ Lự có đôi bàn tay rất khéo léo, họ dệt, may, thêu thùa trang phục cho tất cả các thành viên trong gia đình. Trên nền vải, họ thêu trang trí các hoa văn thổ cẩm sặc sỡ, từng chi tiết được làm rất công phu, cầu kỳ, nổi bật trên sắc đen của chàm nhìn hài hòa, đẹp mắt.

### ✿ Trang phục phụ nữ Lự

Trang phục của phụ nữ Lự gồm khăn đội đầu, áo, váy, thắt lưng.



Khăn đội đầu thường làm bằng vải bông nhuộm chàm, dài khoảng 4m, rộng 30cm, hai đầu khăn có tua dài khoảng 20cm. Trên nền đen của hai đầu khăn dệt xen kẽ 18 đường chỉ trắng to nhỏ khác nhau và hai đường chỉ vàng chạy ngang tô điểm cho khăn. Khi sử dụng, khăn được gấp bốn theo chiều dọc và được quấn quanh đầu nhiều vòng, búi nghiêng về phía bên trái đầu.

Áo được may bằng vải chàm đen, gồm bốn thân, ghép liên kết với nhau từ sáu miếng vải cắt theo hình rẻ quạt. Cổ áo liền với nẹp ngực gồm năm miếng vải khâu cầu kỳ các màu khác nhau tạo thành. Miếng vải ở giữa đáp những hình quả trám màu xanh đỏ nối tiếp nhau. Tay áo dài, may thon dần về phía cổ tay và viền một vòng vải hoa nhỏ, sát nách thêu hoa văn chạy vòng quanh ống tay. Trên thân áo bên trái thêu một đường chỉ nhỏ hình gióng trúc chạy từ

cổ thẳng xuống vạt áo bằng chỉ các màu. Hai bên vạt áo đính hai dây vải hoa, dải dây bên sườn phải có năm tua bằng sợi len các màu xâu những hạt cườm.

Khi mặc, người ta vắt chéo thân bên trái sang phía sườn phải và buộc hai dây vải với nhau, dây được buông thõng tới gần đầu gối, khi bước đi hai dải dây nhún nhảy đung đưa tạo nên sự uyển chuyên của người phụ nữ.

Váy được tạo từ ba miếng vải khác nhau, hình ống và chia làm ba phần gồm cạp, thân và chân váy. Cạp váy bằng vải bông nhuộm nâu, không trang trí hoa văn. Thân váy cải hoa văn thành hai phần rõ rệt. Nửa thân trước tiếp giáp với cạp váy bằng vải màu nâu sẫm, trên dệt xen nhiều sọc màu vàng và đỏ chạy song song theo chiều ngang của váy. Nửa thân sau giáp với chân váy bằng vải tơ tằm, dệt hoa văn, thêm vào đó là những phần thêu bằng len.

Hàng ngày, phụ nữ Lự thường mặc từ hai đến ba chiếc váy cùng một lúc. Chúng được lồng vào nhau thành nhiều tầng, mỗi chiếc cách nhau từ 3-4 cm theo chiều cao dần. Họ quan niệm mặc như vậy vừa kín đáo vừa đẹp, có thể thay đổi cho nhau khi chiếc váy mặc ngoài đã cũ.

Thắt lưng làm bằng vải mộc trắng, hai đầu thêu sáu đường hoa văn chạy ngang, đường thứ tư được thêu cầu kỳ hơn, ở đuôi thắt lưng để nhiều tua sợi, khi thắt gấp đôi khổ vải, buộc sang bên cạnh sườn bên trái, để thõng hai đầu dây tạo sự mềm mại cho tổng thể trang phục.

Vào dịp lễ hội, phụ nữ Lự thường mặc váy thêu ở gấu, phần giữa váy là các màu sắc xanh, hồng, tím, vàng, đoạn từ thắt lưng trở lên dệt nối tiếp một đoạn. Cũng có kiểu đoạn giữa váy không dệt mà đoạn trên dệt dài hơn, phủ

xuống tận gấu váy hình thành ba đoạn hoa văn. Đây còn gọi là kiểu váy hai lớp.

Phụ nữ Lự thích đeo nhiều đồ trang sức bằng kim loại quý, đá hoặc ngà voi được chạm khắc rất tinh xảo, đầu đội khăn cuốn nghiêng về phía trái, để lộ phía trước với những đường gấp viền thêu hoa văn thổ cẩm bổ dọc rất đẹp mắt. Con gái chưa chồng búi tóc trên đỉnh đầu lệch sang phải rồi gài trâm bạc, nếu đã có chồng thì búi giữa đỉnh đầu và không gài trâm. Đôi khi đồ trang sức được đính đầy vào áo, váy... Cả nam và nữ đều đeo vòng tay.

Nét đặc trưng nhất giúp dễ dàng phân biệt phụ nữ Lự với phụ nữ các dân tộc khác là bộ răng đen. Họ cho rằng, nhuộm răng càng đen càng đẹp, về già răng càng chắc, càng khoẻ.

### Trang phục nam giới Lự

Trước kia, đàn ông Lự có tục để tóc dài, xăm mình, xâu tai và nhuộm răng, những tập tục này giờ đây đã dần mai một. Trang phục của nam giới thường đơn giản, chỉ gồm áo cánh vải chàm đen xẻ ngực, hai túi và quần thêu hoa văn dưới đầu gối.

Áo: Là loại áo xẻ ngực may bằng vải thô, ngắn ngang thắt lưng. Cổ áo hình tròn, ôm sát cổ. Áo không khoét nách, tay áo được cắt nối liền với thân. Trên thân áo may đáp hai túi vải đối xứng nhau.

Với những kiểu chắp nối, áo cắt may khi trải ra tạo thành hình bán nguyệt. Khi mặc, thân phải lót vào trong, còn thân trái bắt chéo sang phải buộc bằng những sợi vải tết thành tua nhiều màu.

Quần: Được may từ vải thô màu đen theo kiểu chân



què, cạp lá tọa bằng vải trắng mộc. Trên hai ống quần may đệm hai miếng vải đen sát gấu, trên nền vải đen là hoa văn nhỏ hình răng cưa trang trí bằng các loại chỉ xanh, đỏ, trắng, vàng.

Ngoài những trang phục trên, đàn ông Lự thường mang theo túi vải thổ cẩm khi ra ngoài để đựng đồ tư trang.

Vào dịp lễ hội, đàn ông Lự đội khăn đen, gấp nếp quấn nhiều vòng và thường đeo gươm, không chỉ để tự vệ mà còn là tập quán trang trí của người Lự. Áo và quần thường được may bằng những chất liệu tơ lụa có những chi tiết trang trí hoa văn với màu sắc nổi bật.

## 4. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI NÙNG

### Vài nét về trang phục

Trang phục là một trong những nét đẹp truyền thống rất đặc trưng, rất riêng biệt của người Nùng. Với bàn tay khéo léo, phụ nữ Nùng đã tự làm cho mình những bộ y phục bằng vải nhuộm màu chàm, màu tím than có trang trí những đường nét hoa văn được cách điệu bằng kim loại bạc rất hài hòa. Đặc biệt, nam nữ người Nùng đến tuổi trưởng thành đều bịt một chiếc răng vàng ở hàm trên và như thế được xem là đẹp, là người sang trọng.

Người Nùng thường thêu họa tiết và chắp vải. Đường nét mềm mại, uyển chuyển, gần gũi với tự nhiên, màu sắc trang nhã. Ngoài ra, họ còn có nhiều thủ thuật sử dụng sáp ong để tạo họa tiết trên vải màu chàm, trong đó có cách vẽ bằng sáp ong tạo thành đường nét trang trí rất đặc biệt.

Người Nùng có nhiều nhóm, trang phục mỗi nhóm lại có cách trang trí khác nhau đôi chút:

- Trang phục nhóm Nùng Dín: Người phụ nữ Nùng Dín thường quấn hai lớp khăn trên đầu, tạo thành hình múi. Khăn vấn sao cho giống hai chiếc sừng trâu hai bên, đuôi khăn được buông xuống vai. Nét đặc trưng này thể hiện quan niệm của người Nùng Dín coi "con trâu là đầu cơ nghiệp". Điểm nhấn của chiếc khăn được đính bằng những hạt bạc trắng, ôm sát phần trán.

Hoa văn ở áo phụ nữ Nùng Dín chủ yếu được trang trí trên cổ, nẹp áo và tay áo. Hoa văn trên cổ áo là những họa tiết hình vuông, hình quả trám, xếp thành hình tam giác liền kề nhau. Độc đáo nhất là hoa văn ở khuy cổ áo, được

làm bằng bạc, có hình con bướm hai bên và gắn các tua hình tam giác. Đây là biểu tượng thể hiện sự cầu mong hạnh phúc của người phụ nữ Nùng Dín. Các hạt bạc còn được dùng làm khuy áo, trang trí dọc nẹp áo, tạo cho trang phục nét trang trọng riêng biệt.

Váy của người phụ nữ dân tộc Nùng Dín hình chóp cụt. Cạp được cắt ghép 12 màu vải khác nhau tượng trưng cho 12 tháng trong năm. Chiếc váy mặc vào ôm tròn lấy eo, thân váy hơi bồng lên tạo sự duyên dáng, trẻ trung cho trang phục. Kết cấu váy gồm cạp váy, đầu váy, thân váy và gấu váy. Cạp váy nối với đầu váy, hai bên tạo thành hai dây vải dài dùng để thay cho dây lưng hay giải rút, thắt cho váy giữ chặt vào eo lưng. Đầu váy thường là mảnh vải khác màu, trắng hay xanh, khâu liền một phía với thân váy, phía kia của cạp váy. Đầu váy có chiều dài khoảng gấp rưỡi vòng bụng, nhưng lại ngắn hơn rất nhiều so với chiều ngang của vải thân váy. Do vậy, khi khâu lại với nhau, thân váy phải xếp nếp sao cho đều, khi mặc, các nếp xếp gối nhau đều đặn chảy dài theo chân váy. Khi đi làm, để cho gọn ghẽ, dễ cử động, người ta túm một túm vải thân váy ở phía sau, buộc lại tạo thành múi gọi là *phàn phái* (túi vải).

Dây lưng là một bộ phận quan trọng để hoàn thiện bộ trang phục của người Nùng Dín. Dây lưng dệt bằng sợi tơ tằm, trên mặt vải dệt những đường nét hoa văn hình thang song song, hình răng cưa, quả trám, lượn sóng, hình chim cách điệu... Khi mặc, họ quấn dây lưng quanh bụng, hai đầu dây dắt mối ở hai bên hông.

Trang sức gồm vòng cổ, khuyên tai bằng bạc, là một phần quan trọng luôn đi kèm với trang phục. Khuyên tai và

vòng cổ được cài những chùm tua xúc xích, đuôi có hình tam giác, hình con cá, con bướm, chạm trổ tỉ mỉ và tinh xảo.

- *Trang phục nhóm Nùng An:* Trang phục của người Nùng An rất giản dị và chân phương, được cắt may đơn giản nhưng cẩn thận từ loại vải chàm do họ tự tay làm nên. Cho đến nay, họ vẫn thường xuyên mặc những bộ trang phục truyền thống của dân tộc mình trong tất cả mọi việc như đi làm, đi học, đi chợ hay trong những ngày lễ hội, và từ người già đến con trẻ, từ phụ nữ đến nam giới đều mặc trang phục chàm. Thậm chí con em người Nùng An dù công tác ở đâu, ở bất kỳ cương vị nào khi về đến bản đều phải thay những bộ trang phục này rồi mới đi chơi, thăm hỏi họ hàng, làng xóm hay đi làm nương rẫy giúp gia đình.

Trang phục của người Nùng An có sự phân biệt theo lứa tuổi và giới tính, rất phong phú về chủng loại. Trang phục nam gồm áo, quần, thắt lưng, khăn đội đầu, túi vải thêu, đồ trang sức bằng bạc... Quần áo trẻ em cũng có điểm khác biệt so với các nhóm Nùng khác gồm áo, quần và mũ đội đầu, trong đó chiếc mũ được trang trí khá cầu kỳ với những hoa văn họa tiết sặc sỡ, đẹp mắt... Khi đứa trẻ mới lọt lòng, người ta quấn nó bằng quần áo cũ của bố mẹ vì theo quan niệm của họ, trẻ mới sinh không nên cho mặc đồ mới, lớn lên chúng hay đua đòi, và quần áo cũ thì vải lại mềm, thoáng rất tốt cho trẻ nhỏ. Khi đứa trẻ được một, hai tuổi người ta cắt quần áo đơn giản theo một kiểu chung không phân biệt nam nữ. Đến lúc chúng lên 9-10 tuổi, người mẹ bắt đầu cắt may quần áo phân biệt nam nữ cho con. Độ tuổi này, các bé gái bắt đầu mặc quần áo và quấn khăn đội đầu như người lớn.



Đồ trang sức của người Nùng An chủ yếu là bạc trắng. Nam giới đeo vòng tay bằng bạc, nhẫn bạc, phụ nữ đeo khuyên tai, kiềng cổ, vòng tay, nhẫn và đeo bộ xà tích ở ngang lưng. Theo quan niệm của người Nùng An, bạc trắng không chỉ tôn thêm vẻ đẹp của con người, phô trương sự giàu có mà còn có ý nghĩa bảo vệ sức khỏe cho họ. Bởi lẽ khi nhìn vào đồ trang sức bằng bạc, người ta có thể đoán biết sức khoẻ của người đeo nó, nếu khỏe mạnh thì đồ trang sức trắng, sáng, nếu yếu, mệt hay có bệnh thì bạc bị thâm lại, màu xỉn, không sáng trắng nữa. Chính vì thế, khi bị ốm, cảm người ta vẫn thường dùng đồng bạc trắng để đánh gió.

## 5. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI TÀY

### ✿ Vài nét về trang phục

Ngay từ nhỏ, mỗi người con gái Tày đều được mẹ dạy dệt thổ cẩm. Nguyên liệu chính của thổ cẩm là sợi bông được nhuộm thành nhiều màu khác nhau. Khung dệt của người Tày có kích thước lớn nhất và phức tạp nhất so với các loại khung dệt khác được tìm thấy ở Việt Nam. Không ai rõ nghề dệt thổ cẩm của người Tày có từ bao giờ, chỉ biết những tấm vải thổ cẩm do chính họ dệt ra từ lâu đã nổi tiếng với những hoa văn đẹp mắt.

Trang phục của người Tày chỉ đơn giản một màu chàm, nhưng nét đặc biệt trên trang phục dân tộc lại thể hiện ở chính những mẫu hoa văn rực rỡ trên thổ cẩm của họ, với độ tương phản cao, có lúc lại là sự hòa sắc trầm dịu, hoặc sáng tươi. Các sắc thái khác nhau cho thấy thổ cẩm dân tộc Tày không hề gò bó trong một quy thức hòa màu hạn chế nào.

Họa tiết được kỷ hà hóa để thích hợp với việc dệt trên khung dệt. Bố cục họa tiết theo phương pháp ô quả trám có các đường viền xung quanh tạo thành các đường diêm gãy khúc. Trong các ô quả trám là họa tiết cách điệu hóa hình hoa, hình ngọn rau bầu, bí. Trên cơ sở của loại bố cục hoa văn một màu đen trên nền trắng, người Tày lại phát triển trang trí theo một hướng khác, gài màu vào từng đoạn họa tiết, từng mảng họa tiết tùy trình độ thẩm mỹ, ý thích của người dệt trên khung dệt thủ công.

Trên trang phục của người Tày, nét độc đáo nhất chính là lối dùng màu chàm phổ biến, đồng nhất trên trang phục

nam và nữ cũng như lối mặc áo lót trắng bên trong, áo ngoài màu chàm. Đây không phải là lối tạo dáng mà là phong cách mỹ thuật. Nhiều tộc người cũng dùng màu chàm nhưng còn gia công trang trí các màu khác trên trang phục, còn ở người Tày hầu như các màu ngũ sắc được dùng trong hoa văn mặt chăn hay các tấm thổ cẩm.

### ✿ Trang phục phụ nữ Tày

Trang phục thường ngày theo truyền thống của phụ nữ Tày gồm áo cánh, áo dài năm thân, quần váy, thắt lưng, khăn đội đầu, hài vải.

Áo cánh: Là loại áo bốn thân, xẻ ngực, cổ tròn, có hai túi nhỏ phía dưới hai vạt trước, thường được cắt may bằng vải chàm hoặc trắng; khi đi hội, thường được mặc lót phía trong áo dài. Vì vậy, người Tày còn được gọi là *Cần slửa khao* (người áo trắng) để phân biệt với người Nùng chỉ dùng màu chàm.

Áo dài: Là loại áo năm thân, xẻ nách phải, cài cúc vải hoặc cúc đồng, cổ tròn, ống tay và thân hẹp có eo. Trước đây, áo dài của phụ nữ Tày thường được may bằng vải nhuộm chàm, hiện nay, thay bằng vải nhung mềm mại, ấm và bóng đẹp hơn. Ở giữa eo áo là thắt lưng bằng vải màu xanh tươi, tạo sự cân đối cho áo và cơ thể, đồng thời tạo sự nổi bật của màu xanh trên nền chàm.

Khăn vấn đầu: Được làm thành một vòng tròn vừa với đỉnh đầu. Chất liệu của khăn khi xưa làm bằng vải lụa nhuộm chàm, còn hiện nay, khăn được khâu bằng vải nhung tạo độ mềm, mượt và được độn bằng bông ở giữa. Do vậy khi dùng, người phụ nữ Tày búi tóc ra sau rồi đội



khăn lên giữa đầu. Khăn vấn đầu thường cài thêm những họa tiết như những ngôi sao nhỏ nhiều màu tạo cho khăn thêm rực rỡ và lấp lánh. Nhiều thiếu nữ còn thêm vào một bên khăn một chùm tua rua được kết bởi những sợi chỉ nhiều màu. Ngoài khăn tròn, phụ nữ Tày còn đội khăn vuông màu chàm, khi đội gập chéo giống kiểu khăn mỏ quạ của người Kinh.

Yếm ngực của phụ nữ Tày được may bằng mảnh vải trắng hoặc vải xanh tươi tùy theo độ tuổi. Yếm có hình quả trám, đỉnh nhọn nhô lên ở giữa ngực chạm đến cổ để tạo sự kín đáo cho cơ thể người phụ nữ. Yến có bốn dây, hai dây trên buộc sau cổ, hai dây dưới buộc vòng sau lưng tạo sự cân đối, chắc chắn.

Nón của phụ nữ Tày khá độc đáo. Nón bằng nan tre lợp lá, mái nón bằng và rộng.

Hài của phụ nữ Tày cũng đồng nhất màu với áo và váy. Trước kia, giày được khâu bằng vải nhuộm chàm, hiện nay được khâu bằng vải nhung thêu hoa văn, đường thổ cẩm nhỏ và những ngôi sao nhỏ nhiều màu.

Trong những ngày lễ tết, phụ nữ Tày mặc thêm chiếc áo trắng ở bên trong.

Vẻ đẹp váy, áo của phụ nữ Tày còn được tôn lên nhờ sự độc đáo của trang sức. Trang sức của họ đơn giản song có đủ các chủng loại như vòng cổ, vòng tay, vòng chân, xà tích... Có nơi phụ nữ còn đeo túi vải, túi đựng trầu bên hông. Quan trọng nhất là chiếc vòng cổ, đó là một chiếc vòng bạc trắng to được đeo vòng rộng xuống 1/4 ngực làm cho cơ thể cân đối và màu trắng của vòng bạc nổi bật trên nền chàm.



**Trang phục nam giới Tày**

Đàn ông Tày mặc loại áo cánh bốn thân, áo dài năm thân, khăn đội đầu, quần và giày vải.

Áo cánh bốn thân *(slửa cỏm)* là loại xẻ ngực, cổ tròn cao, không cầu vai, xẻ tà, cài cúc vải (7 cái) và hai túi nhỏ phía dưới hai thân trước.

Áo dài: Trang phục của đàn ông cũng có áo dài, giống như áo ngắn nhưng vạt kéo dài xuống quá đầu gối.

Quần *(khóa)* may bằng vải sợi bông nhuộm chàm như áo, cắt theo kiểu quần đũng chéo, độ doãng vừa phải, dài tới mắt cá chân. Quần có cạp rộng không luồn dây rút, khi mặc có dây buộc ngoài.

Trong dịp tết, lễ, hội, nam giới mặc thêm loại áo dài năm thân xẻ nách phải, đơm cúc vải hay cúc đồng, quấn khăn màu chàm trên đầu theo kiểu chữ nhân.

## 6. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI THÁI

### ✿ Vài nét về trang phục

Trang phục của người Thái được ca ngợi bởi sự đơn giản, duyên dáng và thanh lịch, nhưng ít ai biết để tạo ra được những tấm thổ cẩm đẹp, người phụ nữ Thái phải tiến hành nhiều công đoạn khác nhau, bắt đầu từ việc trồng bông, nuôi tằm, kéo sợi, dệt vải, nhuộm chàm cho đến việc cắt may, thêu thùa... Đó thực sự là một quy trình lao động bền bỉ và đầy sự sáng tạo để tạo nên sản phẩm.

Bông thu hoạch từ nương về, để tạo thành sợi phải trải qua rất nhiều các công đoạn sơ chế như cán bông *(ỉn phai)*, bật bông *(pựt phai)*, quấn bông *(lọ phai)*, se sợi *(pằn phai)*, hồ sợi *(hà phai)*.

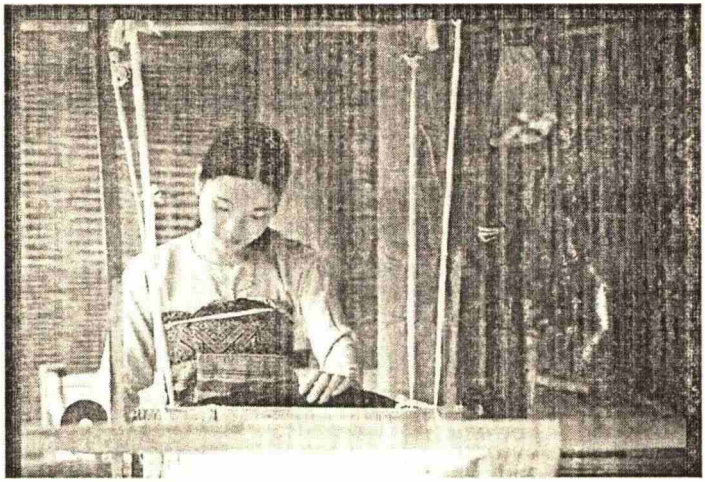
Cũng như nhiều dân tộc khác, người Thái thường tận

dụng nguyên liệu có sẵn từ thiên nhiên như lá, quả, rễ, củ... để nhuộm sợi bông, sợi tơ tằm nhằm tạo ra những gam màu đẹp và bền. Thông thường, sợi bông chỉ nhuộm chàm và để màu trắng tự nhiên. Các màu khác để phối màu khi trang trí thường dùng bằng sợi tơ tằm. Phổ biến là màu vàng từ cây mít và cây pui, màu xanh từ vỏ cây linka, màu đỏ từ cánh kiến và lá dâu da dất... Việc nhuộm vải phải tiến hành nhiều lần cho đến khi đem giặt thấy không bị phai màu mới đạt tiêu chuẩn.

Thổ cẩm của người Thái được dệt hoàn toàn bằng tay nên độ chặt, lỏng, mềm, cứng của sản phẩm đều theo ý muốn và khả năng của người dệt.

Khung dệt không có gì khác giữa các nhóm người Thái ở những vùng khác nhau. Điều khác biệt đáng chú ý nhất chính là cách dệt và các dạng thức hoa văn trang trí trên thổ cẩm. Người Thái ở Mai Châu, Hoà Bình thường dệt các loại vải thô, vải sọc, vải ô vuông theo cách dệt lóng một. Người Thái ở Quỳ Châu, Nghệ An lại vừa dệt vừa thêu, bao gồm một số kiểu dệt cơ bản như dệt kết hoa văn trên khung *(khuýt);* dệt i kat *(cạt mí);* dệt thảm mạn *(hứa hấu);* dệt chữ nhân. Họ thêu hoa văn bằng các sợi màu đã được chuẩn bị qua các thao tác cài, đan trực tiếp trên khung dệt. Các dạng thức hoa văn rất đa dạng, phong phú gồm nhiều loại như voi, rồng, mặt trời, hoa lá, cây cỏ... với cách phối màu hài hoà, làm nổi bật những khối hoa văn chính.

Đặc biệt, người Thái còn làm nên những bộ váy áo có các họa tiết hoa văn đặc sắc, gồm các hoa văn chính và hoa văn phụ điểm xuyết làm nổi bật hoa văn chính. Với thẩm mỹ về phối hợp màu sắc, người Thái đã làm cho những bộ



trang phục của họ thêm rực rỡ, thể hiện rõ bản sắc văn hoá tộc người.

Ngoài quần áo, còn phải kể đến khăn piêu của phụ nữ Thái. Piêu được làm từ loại vải bông tự dệt. Trước khi thêu, miếng vải được chọn làm khăn đội đều phải nhuộm chàm. Chàm là màu nền để trên đó người phụ nữ Thái thêu lên các họa tiết, hoa văn bằng các loại chỉ màu (xanh, đỏ, tím, vàng, da cam....) ở hai đầu khăn. Để có một chiếc khăn Piêu hoàn chỉnh, người phụ nữ phải mất thời gian từ hai đến bốn tuần.

Khăn Piêu Thái không trang trí trên toàn bộ diện tích khăn mà tập trung trang trí ở hai đầu. Trước khi thêu, phụ nữ Thái ghép mảnh vải đỏ làm viền. Các viền đỏ bọc cho sợi ở các đầu khăn khỏi bị xổ ra, vừa như là giới hạn diện tích trang trí ở đầu khăn. Đường viền vải đỏ bọc ở ba mép đầu khăn rộng trên dưới 1cm. Phụ nữ Thái dùng lối khâu luồn rất khéo léo nhằm hạn chế tối đa đường chỉ lộ ra ngoài để đường viền màu đỏ và nền chàm của khăn liền làm một.

Trước khi thêu, người ta làm những chiếc cút để đính vào Piêu, có thể làm nhiều cút Piêu một lúc rồi dùng dần. Cút Piêu được làm từ một mảnh vải đỏ rộng khoảng 1cm, bên trong bọc lõi chỉ rồi cuộn tròn lại. Cuộn vải tròn được khâu vắt thành một hình tròn rồi quấn dây vải lại theo hình trôn ốc, sau đó quấn thêm các loại chỉ màu thành các múi trong hình tròn. Làm các cút Piêu đòi hỏi sự tỷ mỷ, cầu kỳ, chỉ những người thành thạo mới làm nổi. Các cút sau khi làm xong được ghép lại rất khéo léo vào đầu Piêu. Các loại chỉ màu được sử dụng như vậy vừa mang chức năng kỹ thuật, vừa mang giá trị thẩm mỹ. Nhìn vào chiếc cút được dính vào đầu Piêu, rất khó đoán ra mạch chỉ khâu ghép các đường trang trí với nhau. Bọc viền và ghép cút Piêu xong, họ bắt đầu công việc thêu Piêu. Khi thêu những hoa văn đa dạng lên hai đầu khăn, họ nhìn theo mẫu, song không rập khuôn một cách máy móc. Trong quá trình thêu, họ có thể sáng tạo theo ý muốn chủ quan của mình.

Trang phục Thái phản ánh rõ nét lối sống, quan niệm thẩm mỹ, đạo đức, tư tưởng xã hội, tín ngưỡng của họ. Các hoa văn được tạo hình độc đáo, xử lý màu sắc tinh tế, hài hòa khiến trang phục Thái ở bất cứ đâu cũng nổi bật và có vẻ đẹp riêng. Mặc dù có những nhóm người Thái khác nhau nhưng nhìn chung, trang phục của họ đã thể hiện phần nào sự ảnh hưởng qua lại giữa các nhóm với nhau.

### ✿ Trang phục phụ nữ Thái

Các nhóm người Thái như Thái Đen, Thái Trắng đều có nhiều điểm chung trong trang phục hàng ngày nhưng vẫn nổi bật bản sắc riêng của từng nhóm.

- Nhóm Thái Trắng: Trang phục truyền thống của phụ

nữ Thái Trắng gồm áo ngắn *(xửa cỏm)*, áo dài *(xửa chái và xửa luổng)*, váy *(xỉn)*, thắt lưng *(xải cỏm)*, khăn *(piêu)*, nón *(cúp)*, xà cạp *(pepăn khạ)*, các loại hoa tai, vòng cổ, vòng tay và xà tích.

*Xửa cỏm* (áo ngắn bó sát người có hàng cúc bướm) có thể may bằng nhiều loại vải với màu sắc khác nhau. Chính hàng khuy bạc hay kim loại đã làm cho xửa cỏm trở thành chiếc áo đặc trưng của bộ nữ phục Thái. Theo quan niệm dân gian Thái, hai hàng cúc bạc trên hai vạt áo xửa cỏm là tượng trưng cho sự kết hợp giữa nam với nữ, tạo nên sự trường tồn của nòi giống.

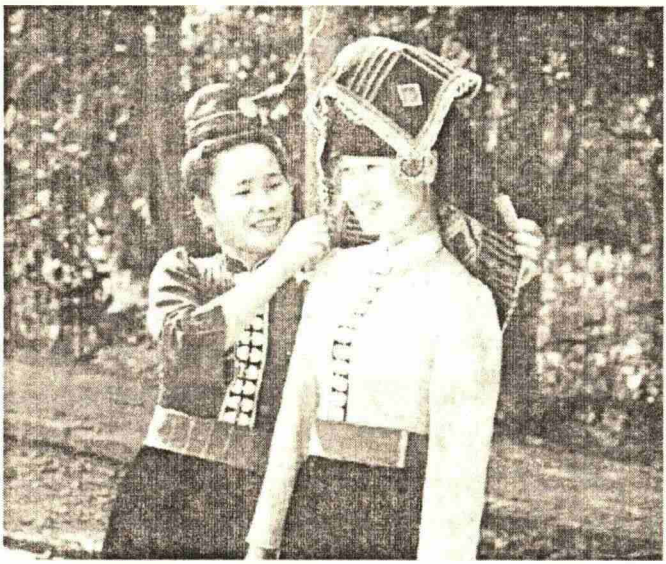
Phụ nữ Thái Trắng còn mặc hai loại áo dài là *xửa chái* và *xửa luổng*. *Xửa chái* may bằng vải chàm đen, kiểu áo năm thân, cài cúc bên trái, cổ đứng, áo dài quá đầu gối. Theo tục lệ, phụ nữ Thái Trắng có chồng mới mặc xửa chải vào dịp cưới hỏi, hội hè.

Xửa luổng là áo khoác ngoài, may dài, rộng, mặc chui đầu, có tay hoặc không tay. Phụ nữ Thái từ khi còn trẻ đã may loại áo này, một chiếc dành cho bản thân khi về già và một chiếc dành biếu mẹ chồng khi về làm dâu. Các cụ già mặc áo xửa luổng lộn trái vào ngày thường, chỉ khi chết mới mặc mặt phải.

Váy *(xỉn)* cùng với xửa cỏm tạo nên dáng nét chính của bộ nữ phục Thái Trắng. Phụ nữ Thái Trắng mặc váy hai lớp: váy trắng lót bên trong và và váy chàm mặc ngoài.

Thắt lưng *(xài ẻo)* làm bằng vải tơ tằm hay sợi bông màu xanh lam hoặc tím sẫm, giữ cho cạp váy quấn chặt lấy eo bụng.

Chiếc khăn Piêu được các cô gái Thái Trắng thêu thùa



rất cầu kỳ, thể hiện sự khéo léo của họ. Khăn Piêu là đặc trưng của người Thái với đường nét tinh xảo, hoa văn mang đậm chất núi rừng hoang sơ cùng màu sắc sặc sỡ, thể hiện tình yêu, sức mạnh nữ tính quyến rũ.

- Nhóm Thái Đen: Hàng ngày phụ nữ Thái Đen mặc áo ngắn *(xửa cóm)* màu tối (chàm hoặc đen), cổ áo khác Thái Trắng là loại cổ tròn, đứng. Đầu đội khăn Piêu thêu hoa văn trang trí mang phong cách từng mường.

Váy của phụ nữ Thái Đen giống váy của phụ nữ Thái Trắng. Lối để tóc phân biệt người có chồng và chưa chồng cũng giống ngành Thái Trắng.

Theo phong tục của người Thái, cứ mỗi dịp xuân về hay lễ hội, những người phụ nữ Thái Đen lại chuẩn bị cho mình bộ trang phục truyền thống đẹp nhất để đi chơi xuân

và tham gia lễ hội. Sự khác biệt trong trang phục phụ nữ của tộc Thái Đen và Thái Trắng được thể hiện rõ nhất trong những dịp này: Phụ nữ Thái Trắng thường mặc áo



dài màu đen, là loại áo dài thụng thân thẳng, không lượn nách, được trang trí bằng vải "khít", ở giữa thân có tua vải phủ từ vai xuống ngực, nách áo trang trí theo lối đáp hai mảng hoa văn trong bố cục hình tam giác. Phụ nữ chưa chồng búi tóc sau gáy, có chồng búi trên đỉnh đầu. Họ đội loại nón rộng vành, bên dưới đội khăn piêu tết 5 hay 7 sừng được gọi là piêu sang. Trong khi đó, phụ nữ Thái Đen thường mặc áo dài xẻ nách, chui đầu, trang trí hoa văn phong phú, màu và mô-típ trang trí đa dạng hơn phụ nữ Thái Trắng.

Phụ nữ Thái rất thích dùng những đồ trang sức như xà tích, vòng bạc đeo cổ và đeo tay, nhẫn bạc, khuyên tai bạc hoặc vàng. Họ thường búi tóc sau gáy, cài trâm bạc hoặc trâm bằng xương thú. Khi còn trẻ chưa lấy chồng, họ thả tóc sau lưng, buộc chỉ màu thay cặp tóc, khăn đội đầu màu trắng, để răng trắng. Khi lấy chồng và có con, họ nhuộm răng đen.

Đối với các cụ bà, chiếc áo xanh chàm luôn luôn mặc theo người, khi không mặc thì bỏ gọn trong giỏ đựng trầu cau đeo ở lưng. Dù nhà giàu hay nghèo, các cụ cũng chọn cho mình một đôi khuyên tai bạc và một chiếc vòng bạc (trơn) đeo cổ tay, xem như kỷ vật bất khả xâm phạm. Vòng tay còn là vật "bảo mệnh" của người Thái. Họ quan niệm vòng tay cũng như vòng cổ, với chất liệu bạc có thể "đánh gió" trừ bệnh tật. Một số vùng Thái, người ta còn cho con cái đeo vòng bằng vàng hoặc vàng giả để trừ tà ma. Khi qua đời, những vật trang sức đó cũng được chôn theo người chết.

### ❁ Trang phục nam giới Thái

Trang phục nam giới gồm áo, quần, thắt lưng và các loại khăn.

Áo nam giới có hai loại, áo cánh ngắn và áo dài:

*Áo ngắn:* Là áo may bằng cách ghép bốn thân, hai thân trước và hai thân sau, xẻ ngực, hai bên nẹp áo đính hàng cúc vải. Cổ áo đứng tròn, cao độ 2cm, tay áo dài chấm cổ tay, may rộng vừa phải, có thể xắn đến quá khuỷu tay. Bên trong vai áo đệm một miếng vải hình lá sen. Áo có ba túi, hai túi to sát gấu áo của hai vạt trước, một túi nhỏ ở bên ngực trái, đôi khi có hai túi ngực, áo xẻ tà ở hai bên sườn từ dưới lên độ 20cm. Toàn thân áo màu chàm hoặc đen, may bằng vải thô tự dệt.

*Áo dài:* Áo dài quá đầu gối, xẻ tà, có hai cách cài khuy, cách cổ xưa là buộc dây vải ở vai và bên sườn phải, áo xẻ ngực buộc dây vải đến ngang thắt lưng. Áo được may bằng vải mộc hoặc lụa, sa tanh.

*Quần:* Ống đứng và rộng, dài đến gót chân, cạp quần rộng kiểu lá tọa. Quần may bằng vải bông nhuộm chàm hoặc nâu, khi mặc vắt mối quần về phía trước rồi dùng dây gai thắt lại cho chặt.

*Khăn chít đầu:* Là tấm vải bằng sợi bông nhuộm chàm, dài khoảng 2m (2 vòng đầu) rộng khoảng 30cm. Khi chít khăn, họ gập giắt đầu khăn vào bên trong và thả đuôi khăn xuống phía bên trái đầu dài độ 15cm. Trước đây, nam giới Thái ở Mai Châu thường để tóc dài búi sau gáy, cài trâm bạc hoặc xương thú, chân đi guốc mộc tự tạo, quai guốc làm bằng sợi gai vắt qua ngón chân. Hiện nay, họ thích đội mũ hoặc để đầu trần hơn là chít khăn.

*Dải thắt lưng:* Khi có việc phải đi xa hoặc tham dự lễ hội, nam giới Thái thường thắt thêm dải khăn xanh hoặc đỏ vòng quanh thắt lưng cho áo gọn gàng, tua khăn buông xuống trước bụng.

## 7. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LÀO

### ✿ Vài nét về trang phục

Trước đây, các gia đình người Lào vẫn tự làm dụng cụ lao động sản xuất, đồ gia dụng, dệt vải.

Trồng bông, dệt vải là nghề phụ bất cứ phụ nữ trưởng thành nào cũng biết và thành thạo. Phụ nữ Lào nổi tiếng là những người dệt vải khéo tay. Khi chưa có thuốc nhuộm, họ dùng các loại quả, củ, lá, rễ cây rừng để nhuộm vải, các cô gái Lào thích mặc vải hoa, vải kẻ có màu đậm, tươi tắn, sặc sỡ...

Trang phục của người Lào tùy từng vùng có những nét riêng nhưng nhìn chung vẫn thống nhất, gần giống với trang phục của người Thái và ít có cá tính đặc trưng riêng.

Phụ nữ Lào tự dệt vải may váy áo bằng khung cửi. Váy gồm có váy kẻ sọc ngang hay dọc gọi là "sỉn pa păn".

Họa tiết hoa văn của người Lào rất đa dạng, có nhiều hình kỳ lạ như hình con tôm *(tô củng)*, con cá, con chim kèm hổ *(nộc kem sưa)*, thuồng luồng hai đầu *(tôk ngựa cáp xong hua)*, con rắn *(nộc tin cáp)*, hình người hai đầu *(cônk xong hua)*.

### ✿ Trang phục phụ nữ Lào

Bộ y phục hàng ngày gồm áo, váy và khăn đội đầu. Cô gái Lào chưa chồng thường búi tóc lệch về bên trái. Phụ nữ đeo nhiều vòng ở cổ tay, xăm hình một loại cây rau ở mu bàn tay.

Có hai loại áo: Slửa cỏm và slửa lao.

*Slửa cỏm:* Áo ngắn, may theo lối xẻ ngực, có một dây thắt



không đính cúc, mặc giống dân tộc Mường, được cắt bằng vải tự dệt (chàm đen). Cổ may luôn vào nẹp giống cổ áo Thái Trắng, không bổ cổ, song cổ rộng gấp đôi áo Thái Trắng.

Slửa lao may bằng vải chàm, kiểu tứ thân, phía sau có đường nối giữa lưng.

Áo của phụ nữ Lào ở vùng Điện Biên lại có hai hàng khuy trước ngực bằng một giải vải màu xanh, trên đính những hàng tiền bạc (đồng hào cũ của Pháp), giống như kiểu cách của người Khơ Mú, và cũng từ đây, chiếc áo được đính ở hai bên nách mỗi bên một tua vải đỏ để rủ xuống và cài những lập lắc hình hạt trám bằng bạc chạm trổ cầu kỳ.

*Váy:* Màu đen, quấn cao đến ngực, gấu và cạp váy tự dệt gọi là *"sỉn tin cosk"*, gấu váy được dệt hết sức cầu kỳ bằng sợi tơ tằm màu xanh, đỏ, tím, vàng, hồng... sặc sỡ, với những họa tiết hoa văn được thể hiện rất tinh tế. Váy được đính gấu có hoa văn hình người cưỡi hổ *(tô sưa)*, người cưỡi con rái cá *(tô nak)*, hình hoa bấc *(bók tảng)*, hình hai con chim chọi nhau *(nộc tó nộc)* và hình người hai đầu.

Khăn đội đầu *(piêu lăm, piêu hạng, pốc hua)*: Dài 3m, rộng 40cm, màu đen nhuộm chàm, dài gấp đôi khăn piêu Thái, gấp làm bốn cuốn quanh đầu, đoạn cuối vắt lên phủ kín phía trên.

Đặc biệt, người Lào ở tỉnh Điện Biên thì vấn khăn theo kiểu người Lự với một đuôi khăn *(khăn pạt)* thõng xuống một bên vai. Khi không chít khăn, họ cài nhiều trâm bạc chạm trổ rất khéo léo lên búi tóc. Khăn có độ dài khoảng 2,2m, rộng 40cm, hai đầu có tua dài 10cm.

Khăn được dệt kỳ công nhất, là vật dùng quý giá nhất trong bộ y phục phụ nữ Lào. Đó là đồ dùng không thể thiếu của phụ nữ Lào và khăn cũng là một vật kỷ niệm do mẹ chồng thêu để xin cưới hỏi con dâu và tặng cho gia đình nhà gái. Khăn không chỉ để vắt vai mà còn được dùng phủ lên mâm lễ gồm trầu cau, đôi gà, một cặp bánh trưng gù, kẹo bánh, thuốc lào, chuối, mía... đem đến nhà gái. Do đó, có bao



nhiêu con trai thì người mẹ phải chuẩn bị bấy nhiêu chiếc khăn để cưới vợ cho con. Ngoài ra, khăn còn dùng phủ mâm cúng khi gia đình có chuyện vui hoặc có người ốm đau, thầy cúng cũng dùng khăn này trong khi đi cúng lễ.